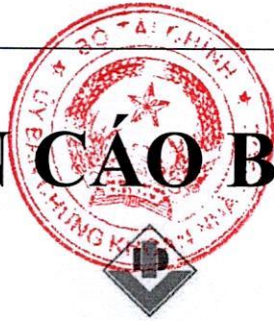


ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



BIDV

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 20/02/2020)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số **226** /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày **05** tháng **10** năm 2021)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày ... tháng ... năm 2021 tại:

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

Trụ sở chính : Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84.24) 22200588 Fax: (84.24) 22200399
Website : www.bidv.com.vn

2. Công ty Cổ phần Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Trụ sở chính : Lầu 5&6 Tòa nhà AB Tower, số 76 Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.28) 38233299/(84.28) 38293826 Fax: (84.28) 3933 4822
Website : www.hsc.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên : (Ông) Trần Phương
Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc BIDV
Điện thoại : (84.24) 22201162 Fax: (84.24) 22225329



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 20/02/2020)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- Tên trái phiếu** : Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2021.
- Loại trái phiếu** : Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản bảo đảm.
- Mệnh giá** : 100.000 VND (Một trăm nghìn đồng Việt Nam)/trái phiếu.
- Tổng số lượng trái phiếu chào bán** : 90.000.000 (Chín mươi triệu) Trái Phiếu.
- Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá** : 9.000.000.000.000 (Chín nghìn tỷ) Đồng Việt Nam.
- Chi tiết** :

Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn	Số lượng Trái Phiếu chào bán	Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá	Lãi suất áp dụng trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại	Nếu Tổ Chức Phát Hành không thực hiện mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, lãi suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Tính Lãi thứ 06 (sáu) đến khi Trái Phiếu đáo hạn
Trái Phiếu chào bán ra công chúng Đợt 1					
BIDL2128002C	07 năm	30.000.000 (Ba mươi triệu)	3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng)	Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 0,75%/năm	Lãi Suất Tham Chiếu + 3,25%/năm
BIDL2129003C	08 năm	10.000.000 (Mười triệu)	1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng)	Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 0,9%/năm	Lãi Suất Tham Chiếu + 2,57%/năm
BIDL2131004C	10 năm	10.000.000 (Mười triệu)	1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng)	Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 1,0%/năm	Lãi Suất Tham Chiếu + 2,0%/năm
Tổng cộng		50.000.000 (Năm mươi triệu)	5.000.000.000.000 VND (Năm nghìn tỷ đồng)		

Trái Phiếu chào bán ra công chúng Đợt 2					
BIDL2128005C	07 năm	25.000.000 (Hai mươi lăm triệu)	2.500.000.000.000 VND (Hai nghìn năm trăm tỷ đồng)	Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 0,75%/năm	Lãi Suất Tham Chiếu + 3,25%/năm
BIDL2129006C	08 năm	10.000.000 (Mười triệu)	1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng)	Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 0,9%/năm	Lãi Suất Tham Chiếu + 2,57%/năm
BIDL2131007C	10 năm	5.000.000 (Năm triệu)	500.000.000.000 VND (Năm trăm tỷ đồng)	Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 1,0%/năm	Lãi Suất Tham Chiếu + 2,0%/năm
Tổng cộng		40.000.000 (Bốn mươi triệu)	4.000.000.000.000 VND (Bốn nghìn tỷ đồng)		

Trong đó:

“**Lãi Suất Tham Chiếu**”, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là trung bình cộng lãi suất (là lãi suất hoặc trần lãi suất nếu không công bố lãi suất) tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của 04 (bốn) Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi đó, chi tiết xem phần *Thông Tin Về Đợt Chào Bán – 7. Tiền lãi và lãi suất*. Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân.

“**Ngân Hàng Tham Chiếu**” bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Khu vực/TP Hà Nội và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (mỗi ngân hàng nêu trên gọi riêng là “**Ngân Hàng Tham Chiếu**” và gọi chung là “**Các Ngân Hàng Tham Chiếu**”).

Các điều kiện khác của trái phiếu: Trái phiếu đủ điều kiện ghi nhận vào vốn cấp 2 của BIDV theo quy định.

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 62883568 Fax: (84.24) 62885678

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Trụ sở chính : Lầu 5&6, tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.28) 3823 3299/(84.28) 3829 3826 Fax: (84.28) 3823 3301

ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Trụ sở chính : Lầu 5&6, tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.28) 3823 3299/(84.28) 3829 3826 Fax: (84.28) 3823 3301

ĐẠI LÝ ĐĂNG KÝ TRÁI PHIẾU:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Trụ sở chính : Lầu 5&6, tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.28) 3823 3299/(84.28) 3829 3826 Fax: (84.28) 3823 3301

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	8
1. Tổ chức phát hành	8
2. Tổ chức tư vấn.....	8
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	8
1. Rủi ro về kinh tế	8
2. Rủi ro về luật pháp	9
3. Rủi ro đặc thù	10
3.1. <i>Rủi ro tín dụng.....</i>	<i>10</i>
3.2. <i>Rủi ro thị trường.....</i>	<i>10</i>
3.3. <i>Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng</i>	<i>11</i>
3.4. <i>Rủi ro hoạt động.....</i>	<i>11</i>
3.5. <i>Rủi ro thanh khoản.....</i>	<i>11</i>
3.6. <i>Rủi ro tập trung.....</i>	<i>11</i>
3.7. <i>Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng.....</i>	<i>11</i>
4. Rủi ro đặc thù khác	12
4.1. <i>Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin</i>	<i>12</i>
4.2. <i>Rủi ro đối với BIDV.....</i>	<i>13</i>
5. Rủi ro liên quan đến trái phiếu và đợt chào bán.....	13
6. Rủi ro quản trị công ty.....	15
7. Rủi ro khác	15
7.1. <i>Rủi ro sự kiện bất khả kháng.....</i>	<i>15</i>
7.2. <i>Rủi ro cụ thể khác tại Việt Nam.....</i>	<i>15</i>
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	16
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	17
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành	17
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành.....	18
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.....	24
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	26
4.1. <i>Đại hội đồng Cổ đông</i>	<i>26</i>
4.2. <i>Ban Kiểm soát.....</i>	<i>26</i>
4.3. <i>Hội đồng Quản trị</i>	<i>27</i>

4.4.	<i>Ban Điều hành</i>	27
4.5.	<i>Các khối chức năng tại Hội sở chính:</i>	27
4.6.	<i>Cấu trúc các chi nhánh</i>	28
5.	Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	28
5.1.	<i>Công ty mẹ của BIDV</i>	28
5.2.	<i>Danh sách các công ty con của BIDV:</i>	29
5.3.	<i>Danh sách các công ty liên doanh, liên kết với BIDV:</i>	31
5.4.	<i>Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát và chi phối BIDV</i>	32
6.	Thông tin về quá trình tăng vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành	32
7.	Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	34
7.1.	<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	34
7.2.	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	35
7.3.	<i>Các loại chứng khoán khác</i>	35
8.	Hoạt động kinh doanh	37
8.1.	<i>Đặc điểm hoạt động kinh doanh</i>	37
8.2.	<i>Tài sản</i>	48
8.3.	<i>Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn</i>	49
8.4.	<i>Thị trường hoạt động</i>	54
8.5.	<i>Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện</i>	61
8.6.	<i>Chiến lược kinh doanh</i>	64
9.	Thông tin về cổ đông lớn.....	65
10.	Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	66
10.1.	<i>Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị</i>	97
10.2.	<i>Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát</i>	97
10.3.	<i>Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</i>	97
11.	Chính sách trả cổ tức	97
12.	Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	97
13.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành.....	97
13.1.	<i>Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi</i>	97
13.2.	<i>Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất</i>	98
13.3.	<i>Những cam kết chưa thực hiện khác</i>	99
14.	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	99

15.	Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	100
V.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	100
1.	Kết quả hoạt động kinh doanh.....	100
1.1.	<i>Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của BIDV trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....</i>	<i>100</i>
1.2.	<i>Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.....</i>	<i>105</i>
2.	Tình hình tài chính.....	106
2.1.	<i>Các chỉ tiêu cơ bản.....</i>	<i>106</i>
2.2.	<i>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....</i>	<i>110</i>
3.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	111
4.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận.....	112
4.1.	<i>Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....</i>	<i>112</i>
4.2.	<i>Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ cổ tức nêu trên.....</i>	<i>113</i>
4.3.	<i>Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận.....</i>	<i>114</i>
5.	Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo.....	114
VI.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	114
1.	Tên Trái Phiếu.....	117
2.	Loại trái phiếu.....	117
3.	Mệnh giá.....	118
4.	Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán.....	118
5.	Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá.....	118
6.	Kỳ hạn Trái Phiếu.....	119
7.	Tiền lãi và Lãi suất.....	119
8.	Kỳ hạn trả lãi, trả gốc.....	124
9.	Giá chào bán.....	124
10.	Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ hoặc chấm dứt hoạt động.....	124
11.	Quyền và nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu.....	124
12.	Quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành.....	128
13.	Đại diện người sở hữu trái phiếu.....	129
14.	Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu.....	130
15.	Việc Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn.....	132
16.	Phương thức phân phối.....	132

17.	Đăng ký mua Trái Phiếu.....	132
18.	Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu.....	134
19.	Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu.....	136
20.	Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành.....	136
21.	Các loại thuế có liên quan.....	137
22.	Thông tin về các cam kết.....	138
23.	Các Điều Khoản Khác	139
24.	Thông tin về các trái phiếu khác được chào bán cùng đợt	141
VII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	142
VIII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	142
1.	Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ chào bán trái phiếu	142
2.	Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán.....	142
IX.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	143
X.	CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	144
XI.	PHỤ LỤC	145

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

(Ông) Phan Đức Tú Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Ông) Lê Ngọc Lâm Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Bà) Tạ Thị Hạnh Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản Cáo Bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Đại diện được ủy quyền: Phạm Ngọc Bích

Chức vụ: Giám đốc điều hành

Theo Giấy ủy quyền số 20-2020/GUQ-HSC ngày 16 tháng 03 năm 2020 do Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng và tư vấn đăng ký, lưu ký và niêm yết trái phiếu số 25-2021/HĐDV-HSC-TCDN ngày 20/07/2021 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Năm 2021, kinh tế Việt Nam đối mặt với nhiều rủi ro, đặc biệt là các yếu tố tiêu cực từ bên ngoài. Đáng kể nhất là rủi ro từ dịch bệnh Covid-19 vẫn đang diễn biến nghiêm trọng với các biến chủng khác nhau liên tục xuất hiện trên khắp thế giới. Hơn thế nữa, dịch bệnh Covid-19 cũng đã làm xuất hiện những rủi ro mới về sự thay đổi của chuỗi cung ứng toàn cầu, sự dịch chuyển dòng vốn Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và các kênh đầu tư tài chính phi truyền thống như: đầu tư tiền ảo, tiền kỹ thuật số,... đầu cơ tài sản tài chính, v.v.



Rủi ro, thách thức từ bên ngoài: (i) Dịch bệnh Covid-19 diễn biến rất phức tạp, khó lường, lan rộng trên phạm vi toàn cầu, các nước liên tục phải chạy đua với các làn sóng

lây nhiễm mới, ảnh hưởng tới khả năng hồi phục kinh tế toàn cầu, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp tiếp tục bị gián đoạn, đình trệ kéo dài; (ii) Nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ có dấu hiệu hồi phục sau khi suy giảm sâu trong năm 2020, nhưng chưa thực sự vững chắc; (iii) Bong bóng tài sản tài chính, tín dụng và nợ xấu gia tăng do thanh khoản quá dồi dào từ các gói tài chính hỗ trợ phục hồi kinh tế đã và đang được các Chính phủ triển khai; (iv) Thách thức từ thay đổi hành vi đầu tư, tiêu dùng, lối sống của người dân với việc quan tâm nhiều hơn đến yếu tố sức khỏe, môi trường, tiết kiệm, an toàn và dự phòng; phát triển kinh tế xanh, năng lượng sạch...v.v; (v) Giá hàng hóa thế giới (đặc biệt là giá dầu, giá vàng, giá sắt thép, lương thực...) có xu hướng gia tăng mạnh bởi dịch bệnh vẫn chưa được kiểm soát và các căng thẳng địa chính trị đang gia tăng từ đầu năm;...v.v.



Rủi ro từ nội tại: (i) Nền kinh tế có độ mở cao và dễ chịu tác động từ môi trường bên ngoài (năm 2020, tổng giá trị xuất nhập khẩu của Việt Nam tương đương khoảng 200% Tổng sản phẩm nội địa (GDP)); (ii) Tăng trưởng kinh tế còn phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn FDI và doanh nghiệp xuất khẩu FDI (đặc biệt là từ nguồn vốn và doanh nghiệp FDI từ Hàn Quốc, Trung Quốc); (iii) Những điểm nghẽn của nền kinh tế vẫn chưa được giải quyết triệt để, đó là: mô hình tăng trưởng kinh tế chủ yếu theo chiều rộng; cơ cấu nền kinh tế còn chưa hợp lý; chất lượng tăng trưởng còn chưa cao; khả năng chống chịu với các cú sốc bên ngoài còn yếu...v.v; (iv) Thách thức từ việc thực thi các Hiệp định thương mại tự do, nhất là sức ép cạnh tranh, sức ép cải cách, hội nhập sâu rộng; (v) Xu thế phát triển công nghệ và mô hình kinh doanh mới có thể đem lại cả lợi ích và rủi ro, tùy thuộc vào khả năng thích ứng của Việt Nam, các lĩnh vực sản xuất thâm dụng lao động sẽ giảm và không còn là động lực tăng trưởng chính. Theo đó, động lực tăng trưởng mới sẽ là sự đổi mới, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, lao động với kỹ năng và trình độ cao hơn...; (vi) Vấn đề già hóa dân số; (vii) Thách thức từ suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội, trong đó, Việt Nam hiện là một trong 6 nước có nguy cơ cao nhất về tác động của biến đổi khí hậu và các vấn đề về ô nhiễm không khí, nước; (viii) Khả năng chống chịu của doanh nghiệp và nền kinh tế đối với cú sốc bên ngoài còn thấp; (ix) Chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) của Việt Nam chưa cao.

2. Rủi ro về luật pháp

BIDV là ngân hàng thương mại cổ phần đại chúng quy mô lớn, niêm yết, hoạt động của BIDV chịu sự điều chỉnh trực tiếp và gián tiếp của rất nhiều văn bản pháp luật khác nhau, bao gồm: Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản,... Mỗi luật này lại có một hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành bao gồm nhiều nghị định và thông tư, trong đó, tính ổn định của các thông tư chưa cao, thường xuyên thay đổi. Do vậy, có thể nói, hệ thống pháp luật về lĩnh vực tài chính, ngân hàng của Việt Nam hiện nay khá chằng chịt, đan xen, phức tạp, khiến cho hoạt động của các Ngân hàng thương mại cổ phần như BIDV tiềm ẩn một số rủi ro pháp lý cơ bản như sau:

- (i) Sự thiếu ổn định của hệ thống pháp luật: Việc thường xuyên ban hành, sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật (đặc biệt là các văn bản dưới luật) cho thấy các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đã bám sát diễn biến của nền kinh tế, phản ứng nhanh nhạy với các thay đổi từ đó để điều chỉnh chính sách pháp luật cho phù hợp. Tuy nhiên, bên cạnh tác động tích cực, một số văn bản pháp luật mới ban hành có thể tác động tiêu cực đến hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong ngắn hạn. Đồng thời, việc thường xuyên sửa đổi, bổ sung cho thấy phần nào sự thiếu ổn định, lâu dài của chính sách pháp luật, có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc hoạch định các chiến lược, kế hoạch kinh doanh trung, dài hạn, đây cũng là dấu hiệu rủi ro đặc trưng

của hệ thống pháp luật thuộc các nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam.

- (ii) Sự không thống nhất giữa các quy định pháp luật: Việc nhiều cơ quan nhà nước cùng được giao thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, pháp luật điều chỉnh đối với một vấn đề đôi khi dẫn đến trường hợp, nội dung hướng dẫn của cơ quan này không thống nhất nội dung hướng dẫn của cơ quan khác; bên cạnh đó, một số trường hợp, văn bản giải thích, hướng dẫn của cấp dưới không hoàn toàn thống nhất với văn bản của cấp trên (nghị định không thống nhất với luật, pháp lệnh; Thông tư không thống nhất với nghị định/luật/pháp lệnh,...) dẫn đến khó khăn cho các cá nhân, doanh nghiệp trong việc lựa chọn luật để áp dụng đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phòng tránh các rủi ro pháp lý phát sinh.
- (iii) Việc giải thích, áp dụng pháp luật của cơ quan thẩm quyền không thống nhất: Việc giải thích, hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm toán hoặc việc áp dụng luật của các cơ quan tư pháp (tòa án, viện kiểm sát) đối với một vấn đề đôi khi dẫn đến trường hợp nội dung hướng dẫn vấn đề pháp luật quy định còn chưa rõ ràng, cụ thể, trong một số trường hợp có thể chưa thống nhất, theo đó, có thể gây bất lợi, rủi ro cho các cá nhân, doanh nghiệp trong quá trình tuân thủ luật pháp.

Hiện nay, lĩnh vực tài chính, ngân hàng là một trong những lĩnh vực kinh tế được Chính phủ Việt Nam đặc biệt quan tâm, các quy định pháp luật về tài chính, ngân hàng không ngừng được cải tiến, hoàn thiện nhằm tạo ra một khung pháp lý chặt chẽ, tiến bộ, phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế, góp phần thúc đẩy và giữ ổn định hoạt động của các tổ chức tín dụng và nền kinh tế nói chung. Tuy nhiên, hiện nay, các chính sách pháp luật thuộc lĩnh vực này vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, chưa dự đoán được chính xác khi nào thì đạt được sự ổn định, chắc chắn như hệ thống pháp luật của các quốc gia có nền kinh tế phát triển.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ của BIDV do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết. Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ sự bất cập trong cơ chế, chính sách của Nhà nước; môi trường pháp lý cho hoạt động tín dụng chưa hoàn thiện; thông tin được cung cấp không đầy đủ, trung thực; khách hàng cố tình không trả nợ, chủ ý lừa đảo ngân hàng; sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực hoặc toàn cầu; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng; thiên tai địch họa hoặc các yếu tố bất khả kháng khác. Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ vay của BIDV và đòi hỏi BIDV phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

3.2. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của các yếu tố thị trường như lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa. Rủi ro lãi suất Sở kinh doanh là rủi ro xảy ra tổn thất đối với giá trị danh mục do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sở kinh doanh của BIDV. Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi BIDV có trạng thái ngoại tệ. Rủi ro ngoại hối của BIDV hiện nay phát sinh và được quản lý theo các danh mục toàn hàng, danh mục tự doanh và danh mục kinh doanh phục vụ khách hàng. Rủi ro ngoại hối được quản lý tập trung tại Trụ sở chính. Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro do biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên sở kinh doanh của

BIDV. Rủi ro hàng hóa là rủi ro do biến động bất lợi của giá hàng hóa trên thị trường đối với giá trị của sản phẩm phái sinh hàng hóa, giá trị sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hóa của BIDV.

3.3. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Đối với rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng là khả năng xảy ra tổn thất đối với thu nhập lãi thuần và/hoặc giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu của ngân hàng. Khi lãi suất thị trường biến động, tùy thuộc vào trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (khe hở tái định giá) và khe hở thời lượng của Sổ ngân hàng, thu nhập lãi thuần và giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu của BIDV có thể sẽ bị ảnh hưởng.

3.4. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro có thể xuất hiện trong hầu hết các hoạt động của ngân hàng, là rủi ro cố hữu, gắn liền với hoạt động ngân hàng nhưng lại rất khó lường đoán. Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với ngân hàng. Rủi ro hoạt động bao gồm rủi ro pháp lý, không bao gồm rủi ro danh tiếng và rủi ro chiến lược.

3.5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro phát sinh khi ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường.

3.6. Rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro do ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hoạt động kinh doanh tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

BIDV đã thực hiện đầy đủ trong hoạt động nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro tập trung, đảm bảo tuân thủ quy định của Thông tư 13/2018/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước và các quy định nội bộ của BIDV về kiểm soát các giới hạn an toàn trong hoạt động ngân hàng.

3.7. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2021, tổng các cam kết ngoại bảng của BIDV là 286.328 tỷ đồng, trong đó bảo lãnh tài chính và cam kết thanh toán thư tín dụng là 276.842 tỷ đồng, các cam kết khác là 9.486 tỷ đồng. Rủi ro từ các cam kết ngoại bảng xảy ra khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng (mất khả năng thanh toán Thư tín dụng (L/C), không thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh). Khi đó BIDV sẽ phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người thụ hưởng thay khách hàng. Nghĩa vụ này được hạch toán nội bảng với tư cách là những khoản tín dụng bắt buộc.

Để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro, BIDV đã ban hành quy trình thẩm định và cấp bảo lãnh, cam kết L/C, hệ thống định hạng tín dụng và phân loại khách hàng, quy định về tỷ lệ tài sản

đảm bảo/ký quỹ dựa trên mức độ rủi ro của từng nhóm khách hàng cũng như mức độ rủi ro của từng loại bảo lãnh, cụ thể:

- Đối với các cam kết bảo lãnh: BIDV phân loại bảo lãnh theo các mức độ rủi ro tăng dần (lần lượt là: bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thực hiện hợp đồng/hoàn tiền tạm ứng, bảo lãnh thanh toán/vay vốn,..). Căn cứ mức độ rủi ro của từng sản phẩm bảo lãnh và mức độ tín nhiệm của khách hàng, BIDV sẽ yêu cầu tỷ lệ tài sản đảm bảo/ký quỹ phù hợp để hạn chế rủi ro.
- Đối với các cam kết thanh toán L/C: BIDV quản lý khả năng xảy ra tổn thất thông qua việc thẩm định trước khi phát hành L/C, yêu cầu tỷ lệ ký quỹ/tài sản đảm bảo tương ứng với mức độ tín nhiệm của từng nhóm khách hàng.

4. Rủi ro đặc thù khác

4.1. Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin


Để phòng ngừa và hạn chế các rủi ro trong hoạt động công nghệ thông tin, những năm vừa qua, cùng với việc phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin hợp lý, BIDV không ngừng đầu tư trang thiết bị, xây dựng một hệ thống công nghệ thông tin hoàn chỉnh: Nâng cấp hệ thống tường lửa, hệ thống IPS/IDS với công nghệ mới nhất cho mạng WAN/LAN; Trang bị hệ thống phòng chống virus có bản quyền, được cập nhật thường xuyên và dùng cho toàn hệ thống BIDV; Trang bị hệ thống quản lý để thực hiện kiểm soát truy cập mạng LAN trên toàn hệ thống nhằm nâng cao khả năng bảo mật cho hệ thống; Xây dựng các chính sách an ninh, an toàn và bảo mật hệ thống để giảm thiểu những rủi ro từ hoạt động công nghệ thông tin. BIDV cũng là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam có Trung tâm dự phòng, có hệ thống máy chủ dự phòng và công nghệ lưu trữ với các giải pháp tiên tiến nhất, đảm bảo các hoạt động cốt lõi của Ngân hàng được liên tục kể cả khi xảy ra các thảm họa về thiên tai và các thảm họa khác. Năm 2015, BIDV đã được cấp chứng chỉ quốc tế ISO/IEC 27001:2013 – chứng chỉ ISO cho hệ thống quản lý An toàn thông tin phiên bản mới trên thế giới.

Công tác quản trị và vận hành các hệ thống công nghệ thông tin, đặc biệt là công tác an ninh bảo mật, an toàn thông tin tại BIDV được quan tâm, chú trọng và giám sát, kiểm soát chặt chẽ 24/24 theo các quy trình, quy định được ban hành và định kỳ rà soát, cập nhật. Các phương án, kịch bản xử lý dự phòng rủi ro trong các trường hợp phát sinh sự cố công nghệ thông tin cũng được triển khai xây dựng và tổ chức diễn tập định kỳ, đồng thời phản ứng kịp thời với các sự kiện bảo mật, mất an toàn thông tin từ bên ngoài, đảm bảo hệ thống dự phòng vận hành liên tục, giúp hệ thống công nghệ thông tin hoạt động ổn định và an toàn trong suốt thời gian qua, được các tổ chức công nghệ thông tin quốc tế đánh giá cao.

Trước các nguy cơ về an ninh mạng ngày càng gia tăng, BIDV đã tăng cường các công tác chuẩn bị, nâng cao tính sẵn sàng công nghệ thông tin tại BIDV để đối phó với những tác động xấu từ bên ngoài và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ngày càng khắt khe về tuân thủ trong thời gian tới như: Xây dựng quy định và thành lập tổ công tác đặc biệt ứng phó với các tình huống về an ninh mạng, trong đó có sự tham gia, chỉ đạo trực tiếp Ban Lãnh đạo BIDV; thành lập trung tâm giám sát an ninh mạng (SOC) để theo dõi, giám sát, phát hiện sớm và phân tích, xử lý sự cố bảo mật; Phối hợp/ký kết thỏa thuận hợp tác với CMC, VNCert trong công tác đánh giá An ninh bảo mật hệ thống công nghệ thông tin của BIDV. Thường xuyên nghiên cứu, đầu tư nâng cấp, thay thế các hệ thống an ninh bảo mật với công nghệ tiên tiến. Đội ngũ cán bộ làm công tác An ninh bảo mật luôn được đào tạo, nâng cao kỹ năng, dự kiến trong giai đoạn 2021-2025 sẽ thực hiện đào thêm 01 chuyên gia An ninh bảo mật, nâng số lượng chuyên gia trong lĩnh vực này là 02 chuyên gia. Phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Nhà nước, Hiệp hội an ninh mạng Việt Nam

(VNISA), Bộ Công an (C50, PC50) thực hiện tốt công tác cảnh báo và giám sát an ninh mạng của BIDV. Đồng thời, để nâng cao năng lực xử lý của hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, cuối năm 2020, BIDV đã hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động Trung tâm dữ liệu mới đáp ứng yêu cầu tăng trưởng và các chuẩn công nghệ quốc tế, nâng cao khả năng sẵn sàng và hoạt động liên tục của hệ thống công nghệ thông tin, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kinh doanh và quản trị điều hành của BIDV.


4.2. Rủi ro đối với BIDV

 BIDV là một ngân hàng thương mại hoạt động trong nền kinh tế có tính cạnh tranh ngày càng cao

Sau khi thực hiện chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) để cổ phần hóa thành công vào cuối tháng 12 năm 2011, kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2012, BIDV chính thức hoạt động theo mô hình ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã phê chuẩn BIDV là công ty đại chúng vào ngày 24/01/2014, cổ phiếu BIDV chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (mã cổ phiếu: BID).

Hoạt động theo mô hình ngân hàng thương mại cổ phần giúp BIDV có thể đa dạng hóa hình thức sở hữu và từng bước giảm sự phụ thuộc về vốn vào Chính phủ Việt Nam. Tuy nhiên, điều đó có thể dẫn tới việc BIDV sẽ phải tuân thủ hệ thống quy định về quản trị điều hành, giám sát mới.

BIDV hiện đang chịu áp lực cạnh tranh ngày càng tăng từ các ngân hàng khác, bao gồm các ngân hàng thương mại Nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Nếu Chính phủ Việt Nam mở cửa thị trường rộng hơn đối với các nhà đầu tư nước ngoài theo các hiệp định thương mại đã ký kết hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng sẽ gia tăng đáng kể.

 Các quy định khác nhau về công bố thông tin, kế toán và quản lý

BIDV lập các báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) mà các chuẩn mực này có những khác biệt cơ bản. Trừ trường hợp được quy định khác đi, các thông tin tài chính thể hiện trong Bản Cáo Bạch này được thể hiện trên cơ sở áp dụng VAS.

NHNN quy định hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại Nhà nước, các ngân hàng thương mại cổ phần mà Nhà nước có cổ phần chi phối và có khả năng tác động đến thị trường ngân hàng tài chính nói chung. Các nhà đầu tư tiềm năng cần lưu ý rằng các quy định về quản lý tại Việt Nam có thể khác so với các quy định hiện hành tại các quốc gia khác. Bên cạnh đó, do BIDV hoạt động trong ngành ngân hàng, là những ngành chịu sự quản lý, giám sát chặt chẽ tại Việt Nam, các nhà đầu tư tiềm năng cũng nên lưu ý rằng các cơ quan quản lý đã ban hành các chuẩn mực riêng tại Việt Nam cũng như đưa ra những hướng dẫn và các quy định cụ thể tại Việt Nam đối với lĩnh vực đặc thù nêu trên.

5. Rủi ro liên quan đến trái phiếu và đợt chào bán

Nguồn vốn huy động được từ việc phát hành trái phiếu được sử dụng để bổ sung vào nguồn vốn hoạt động của BIDV, đáp ứng nhu cầu cho vay Đồng Việt Nam (VND) đối với các dự án trung và dài hạn của BIDV. Do đó, việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cũng đi kèm với những rủi ro chung gắn liền với hoạt động ngân hàng như rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất... Ngoài ra một số yếu tố rủi ro liên quan đến trái phiếu và việc chào bán như sau:

Trái phiếu không được chào bán hết

Đợt chào bán trái phiếu không có tổ chức bảo lãnh phát hành hay đại lý phát hành do đó có thể có khả năng không huy động được đủ số vốn dự kiến. Trong trường hợp không chào bán hết số lượng trái phiếu đã đăng ký, BIDV sẽ điều chỉnh kế hoạch huy động vốn phù hợp với tình hình thực tế của thị trường.

Trái Phiếu không được bảo đảm

Trái Phiếu xác nhận nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không có bảo đảm và trong mọi trường hợp, quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác của Tổ Chức Phát Hành.

Do đó, trong trường hợp BIDV phá sản hoặc giải thể, có khả năng tỷ lệ nợ được thu hồi của Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể sẽ thấp hơn so với các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác của BIDV. Quyền ưu tiên thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng tương ứng xếp sau quyền ưu tiên thanh toán của các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm của BIDV. Trái Phiếu cũng không hạn chế giá trị các khoản nợ được xếp quyền ưu tiên thanh toán trước Trái Phiếu mà BIDV có thể gánh chịu hoặc tiếp nhận.

Bên cạnh đó, cấu trúc Trái Phiếu có thể có những rủi ro cho Người Sở Hữu Trái Phiếu:

- Trái Phiếu chỉ được BIDV mua lại trước hạn với điều kiện sau khi thực hiện mua lại vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định và báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để giám sát; và
- BIDV được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính đó của BIDV bị lỗ.

Tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp

Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp và không có gì bảo đảm rằng một thị trường giao dịch cho Trái Phiếu sẽ phát triển. Trên thị trường thứ cấp, Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình hoạt động của BIDV và thị trường của các loại chứng khoán tương tự.

Phát hành thêm chứng khoán

Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về vốn hiện hành theo pháp luật Việt Nam (kể cả các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước) hoặc phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, tùy từng thời điểm BIDV có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc phát hành thêm chứng khoán nợ (có thể có các điều khoản khác hoặc tương tự so với Trái Phiếu) hoặc các công cụ tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin được phê duyệt theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì bảo đảm rằng các hoạt động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

Bảo hiểm tiền gửi

Nhà đầu tư là tổ chức cần biết rằng lợi ích được hưởng từ Trái Phiếu không phải là đối tượng được bảo hiểm theo Chế độ Bảo hiểm Tiền gửi.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của Tổ Chức Phát Hành, ảnh hưởng đến các hoạt động quản lý tài sản và nguồn vốn, quản lý nguồn nhân lực và quy trình vận hành hệ thống. Để giảm thiểu rủi ro, BIDV luôn chủ động tăng cường xây dựng tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, thực hiện nghiêm túc các quy định quản trị nội bộ, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về kiểm soát, kiểm toán nội bộ.

7. Rủi ro khác

7.1. Rủi ro sự kiện bất khả kháng

Ngoài các rủi ro trên, hoạt động của Tổ Chức Phát Hành còn chịu ảnh hưởng của các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, bãi công, chiến tranh,..v.v là những sự kiện ít gặp trong thực tế, ngoài tầm kiểm soát, khả năng phòng ngừa dự kiến của Tổ Chức Phát Hành. Nếu các rủi ro này xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và khiến gián đoạn hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

7.2. Rủi ro cụ thể khác tại Việt Nam

Thuế tại Việt Nam

Pháp luật về thuế và các quy định của Việt Nam tiếp tục được bổ sung và hướng dẫn do có những vấn đề nảy sinh trong quá trình triển khai và thực hiện. Bất kỳ thay đổi nào về pháp luật thuế của Việt Nam dẫn đến thay đổi nghĩa vụ thuế và tình trạng thuế của BIDV có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của BIDV.

Hạn chế chuyển tài sản về nước

Đối với Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Trái Phiếu, quyền chuyển tiền thu được từ các khoản đầu tư hay thu nhập từ các khoản đầu tư vào Trái Phiếu từ Việt Nam ra nước ngoài sẽ phải chịu sự điều chỉnh và hạn chế theo các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối (bao gồm cả việc mở tài khoản đầu tư gián tiếp tại tổ chức tín dụng được phép, chuyển đổi ngoại tệ) và có thể là đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật thuế Việt Nam (bao gồm nhưng không giới hạn bởi thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam).
















DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU CỦA BIDV.

III. CÁC KHÁI NIỆM

-  “ATM”: Máy rút tiền tự động
-  “BIDV”, “Tổ Chức Phát Hành”: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
-  “BGĐ”: Ban Giám đốc
-  “BKS”: Ban Kiểm soát
-  “CHDCND”: Cộng hòa dân chủ nhân dân
-  “CMTND”: Chứng minh thư nhân dân
-  “CNTT”: Công nghệ Thông tin
-  “CTCP”: Công ty Cổ phần
-  “ĐHĐCĐ”: Đại Hội đồng Cổ đông
-  “HĐQT”: Hội đồng Quản trị
-  “HSC”: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
-  “ISO”: Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng
-  “KRW”: Won Hàn Quốc
-  “MHB”: Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long
-  “NHTM”: Ngân hàng Thương mại
-  “NHNN”: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
-  “RRTD”: rủi ro tín dụng
-  “TMCP”: Thương mại Cổ phần
-  “TNHH”: Trách nhiệm hữu hạn
-  “TCTD”: Tổ chức tín dụng
-  “SGDCK”: Sở Giao dịch chứng khoán
-  “UBCKNN”: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
-  “UBND”: Ủy Ban Nhân Dân
-  “UNDP”: Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc
-  “USD”: Đồng đô la Mỹ
-  “VND”: Việt Nam Đồng
-  “VPĐD”: Văn phòng đại diện

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành





-  Tên tiếng Việt: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
-  Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài: Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam
-  Tên viết tắt: BIDV
-  Mã cổ phiếu: BID
-  Sàn niêm yết: HSX
-  Logo: 
-  Vốn điều lệ: 40.220.180.400.000 VND (Bằng chữ: Bốn mươi nghìn hai trăm hai mươi tỷ một trăm tám mươi triệu bốn trăm nghìn đồng)
-  Trụ sở chính: Tháp BIDV, số 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
-  Điện thoại: (84-24) 22200588
-  Fax: (84-24) 22200399
-  Website: www.bidv.com.vn
-  Mã số thuế: 0100150619
-  Người đại diện theo pháp luật: Phan Đức Tú – Chủ tịch Hội đồng quản trị
-  Đăng ký kinh doanh:

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà nội cấp lần đầu ngày 03/04/1993, cấp thay đổi lần thứ 25 ngày 20/02/2020.

Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 84/GP-NHNN ngày 23 tháng 04 năm 2012, đã được cấp sửa đổi theo Quyết định số 2021/QĐ-NHNN ngày 13/10/2015, Quyết định số 2266/QĐ-NHNN ngày 27/10/2017, Quyết định số 842/QĐ-NHNN ngày 20/4/2018, Quyết định số 1166/QĐ-NHNN ngày 30/5/2018 và Quyết định số 103/QĐ-NHNN ngày 21/01/2020.

Các lĩnh vực hoạt động:

BIDV là một ngân hàng thương mại cổ phần đa năng, hướng tới hình thành tập đoàn tài chính – ngân hàng với các lĩnh vực kinh doanh:

-  Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm các hoạt động chính như huy động vốn, hoạt động tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;
-  Hoạt động ngân hàng bán lẻ: tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng mọi nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thẻ;
-  Hoạt động ngân hàng đầu tư: BIDV thực hiện hoạt động ngân hàng đầu tư dưới hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua công ty chứng khoán hoặc loại hình công ty khác mà BIDV nắm giữ cổ phần hoặc có phần vốn góp theo quy định của pháp luật. Hoạt động ngân hàng đầu tư bao gồm nhưng không hạn chế ở các loại hình sau:
 - Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư, tư vấn phát hành chứng khoán, IPO, tư vấn niêm yết;
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán; đại lý phát hành chứng khoán;
 - Môi giới và tự doanh chứng khoán;
 - Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
 - Dịch vụ lưu ký chứng khoán, ngân hàng giám sát;
 - Dịch vụ quản lý tài sản;
 - Hoạt động nghiên cứu;
 - Các hoạt động ngân hàng đầu tư khác theo quy định của pháp luật.
-  Bảo hiểm: BIDV thực hiện cung ứng dịch vụ bảo hiểm sau đây dưới hình thức thành lập công ty có liên quan hoặc làm đại lý cho các công ty bảo hiểm theo quy định của pháp luật:
 - Bảo hiểm nhân thọ;
 - Bảo hiểm phi nhân thọ;
 - Tái bảo hiểm;
 - Các dịch vụ bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), tiền thân là Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam, được thành lập theo Quyết định 177/TTg ngày 26/04/1957 của Thủ tướng Chính phủ, với chức năng ban đầu là cấp phát và quản lý vốn kiến thiết cơ bản từ nguồn vốn ngân sách phục vụ tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Ngày 08/11/1994, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 654/QĐ-TTg về việc chuyển giao nhiệm vụ cấp phát vốn ngân sách và tín dụng theo Kế hoạch nhà nước từ BIDV về Tổng cục Đầu tư (trực thuộc Bộ Tài chính) và Quyết định 293/QĐ-NH9 ngày 18/11/1994 của Thống đốc NHNN cho phép BIDV được kinh doanh đa năng như một Ngân hàng Thương mại.

BIDV đã thực hiện những bước chuyển đổi cấu trúc cơ bản, định hướng kinh doanh mạnh mẽ theo hướng một ngân hàng thương mại đa năng, hoạt động đa ngành, kinh doanh đa lĩnh vực vì mục tiêu lợi nhuận. Những nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên BIDV đã góp phần tích cực trong sự nghiệp đổi mới kinh tế, thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước; khẳng định vai trò và vị trí của BIDV trong hoạt động ngân hàng; và đặc biệt, đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận với danh hiệu “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới”.

Sau khi thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) để cổ phần hóa vào ngày 28 tháng 12 năm 2011, kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2012, BIDV chính thức chuyển sang vận hành với tư cách một Ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối.

Ngày 11/11/2019, BIDV chính thức công bố Keb Hana bank (Hàn Quốc) là cổ đông chiến lược nước ngoài đầu tiên, sở hữu 15% vốn điều lệ BIDV. Đây là thương vụ M&A với một nhà đầu tư chiến lược lớn nhất trong lịch sử ngành ngân hàng Việt Nam.

Qua 64 năm trưởng thành và phát triển, tính đến thời điểm 30/6/2021 BIDV là ngân hàng có quy mô tổng tài sản và vốn điều lệ lớn nhất trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam.

Bảng 1: Chặng đường phát triển của BIDV

Năm	Sự kiện
1957	Được thành lập với tên gọi Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam, trực thuộc Bộ Tài Chính, 100% sở hữu Nhà nước.
1981	Đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng Việt Nam (trực thuộc Ngân hàng Nhà nước).
1990	Đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
1992	Bắt đầu hoạt động với các đối tác nước ngoài.
1995	Chuyển sang hoạt động như một Ngân hàng thương mại với số vốn điều lệ là 1.100 tỷ đồng.
1996	Là Ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam được các công ty kiểm toán quốc tế thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo 2 chuẩn mực Việt Nam và quốc tế, và áp dụng liên tục cho tới nay.
2001	Ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam nhận chứng chỉ ISO 9001:2000.
2001–2006	Thực hiện đề án tái cơ cấu ngân hàng. Tăng vốn điều lệ từ 1.100 tỷ đồng lên 4.077 tỷ đồng.
2006	Là ngân hàng đầu tiên của Việt Nam được tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín toàn cầu Moody’s thực hiện xếp hạng tín nhiệm, và được áp dụng liên tục cho tới nay.
2008	Chuyển đổi mô hình tổ chức theo dự án hỗ trợ kỹ thuật giai đoạn 2 do World Bank tài trợ. Tăng vốn điều lệ lên 8.756 tỷ đồng.
2009	Tăng vốn điều lệ lên 10.498 tỷ đồng.
2010	Tiếp tục tăng vốn điều lệ, đạt mức 14.600 tỷ đồng. Bắt đầu tiến hành định hạng năng lực tài chính bởi tổ chức định hạng quốc tế S&P.
2011	Điều chỉnh giảm vốn điều lệ xuống mức 12.947 tỷ đồng do thực hiện bóc tách

	<p>các khoản đầu tư vào thị trường Campuchia theo chỉ đạo của Chính phủ.</p> <p>Ngày 28/12/2011, tiến hành IPO thành công với việc phát hành 3% vốn điều lệ (tương đương với 847,5 tỷ đồng), giá đầu thành công bình quân là 18.583 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần).</p>
08/03/2012	<p>Tiến hành Đại hội đồng cổ đông lần đầu và thông qua đề án Tái cơ cấu 2011-2015 và chiến lược phát triển nhằm đưa BIDV trở thành ngân hàng kinh doanh đa dạng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, hoạt động theo thông lệ quốc tế, có chất lượng và hiệu quả hàng đầu trong các định chế tài chính tại Việt Nam.</p>
27/04/2012	<p>Chính thức chuyển đổi thành Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 (đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, thay đổi lần thứ 13 ngày 27/04/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp) với số vốn điều lệ là 23.012 tỷ đồng.</p>
06/08/2013	<p>Tăng vốn điều lệ lên 28.112.026.440.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu.</p>
24/01/2014	<p>Chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX).</p>
22/05/2015	<p>Hoàn thành phát hành cổ phiếu hoán đổi để sáp nhập MHB vào BIDV.</p>
2015	<p>Tăng vốn điều lệ lên 34.187.153.340.000 đồng.</p>
30/06/2016	<p>BIDV được cấp phép chính thức thành lập chi nhánh tại Myanmar.</p>
2016	<p>BIDV trở thành ngân hàng TMCP đầu tiên cán mốc giá trị tổng tài sản trên 1 triệu tỷ đồng.</p>
26/4/2017	<p>Kỷ niệm 60 năm ngày thành lập BIDV và đón nhận Huân chương Lao động hạng nhất của Chủ tịch nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam, Huân chương độc lập hạng nhất của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Huân chương Hoàng gia cao quý nhất của Quốc vương Campuchia.</p>
11/11/2019	<p>BIDV chính thức công bố Keb Hana bank (Hàn Quốc) là cổ đông chiến lược nước ngoài đầu tiên, sở hữu 15% vốn điều lệ BIDV.</p> <p>Tăng vốn điều lệ lên 40.220.180.400.000 VND</p>

Nguồn: BIDV

Bảng 2: Các danh hiệu & phần thưởng cao quý BIDV được trao trong thời gian qua

A Đánh giá ghi nhận của Đảng và Nhà nước Việt Nam	
1	Là ngân hàng đầu tiên được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới” (2000).
2	Huân chương Hồ Chí Minh (2007).
3	Huân chương Độc lập hạng Ba (1999), Độc lập hạng Nhất (2002 và 2012).
4	Huân chương Lao động hạng Nhất (1997).
5	Huân chương Lao động hạng Nhất (2017).
6	53 Huân chương Độc lập, Huân chương lao động cho các tập thể và cá nhân.

- 7 133 bằng khen của Chính phủ cho tập thể và cá nhân.
- 8 79 cờ thi đua của Chính phủ, Thống đốc NHNN và UBND các tỉnh, thành phố.
- 9 Chính Phủ và Bộ Công thương công nhận Thương hiệu quốc gia 4 năm liên tiếp (2011, 2012, 2013, 2014).
- 10 Cùng hàng ngàn bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ ngành, UBND các tỉnh, thành phố cho các tập thể, cá nhân xuất sắc trong toàn hệ thống BIDV.

B Đánh giá ghi nhận của Đảng, Nhà nước, Chính phủ nước CHDCND Lào

- 1 Huân chương tự do hạng Nhì (2012), Huân chương Hữu nghị (2007).
- 2 Huân chương lao động hạng nhì (2002).
- 3 06 Huân chương hạng 3 và nhiều phần thưởng cao quý khác cho tập thể, cá nhân trong toàn hệ thống BIDV.
- 4 Huân chương Itxala (Độc lập) hạng Nhất của Nhà nước CHDCND Lào (2017)

C Đánh giá ghi nhận của Chính phủ Campuchia

- 1 Huân chương Hoàng Gia hạng Nhất của Quốc vương Campuchia (2012).
- 2 Huân chương Monisaraphon hạng Mohasereivath của Quốc Vương Campuchia (2017).

D Đánh giá ghi nhận của các tổ chức, định chế tài chính trong nước và quốc tế từ năm 2011-nay

- 1 Nhiều năm đạt danh hiệu Sao Khuê (xếp hạng phần mềm ưu việt 4 sao) do VINASA đánh giá, xếp hạng và công nhận đối với các sản phẩm dịch vụ xuất sắc, uy tín hàng đầu của ngành công nghệ phần mềm và dịch vụ CNTT Việt Nam:
 - Năm 2011 cho sản phẩm phần mềm Cổng thanh toán chứng khoán trực tuyến (BIDV@Securities).
 - Năm 2015 đối với 02 chương trình phần mềm: Thanh toán hóa đơn online và Cổng trao đổi thông tin nộp thuế điện tử của BIDV.
 - Năm 2018 đối với 02 sản phẩm BIDV iBank (Chương trình giao dịch ngân hàng điện tử dành cho khách hàng tổ chức) và BIDV IDM (Hệ thống quản lý ứng dụng tập trung tại BIDV). Đặc biệt, sản phẩm BIDV iBank đã lọt vào top 10 danh hiệu Sao Khuê năm 2018.
 - Năm 2019 dành cho 03 sản phẩm gồm: Ứng dụng công nghệ tự động hóa RPA (Robotic Process Automation) trong nghiệp vụ thanh toán theo bảng kê tại BIDV, Chương trình Cổng thanh toán Kiềm hời cho khách hàng cá nhân, Quản lý doanh thu Bảo hiểm BIC qua hệ thống BIDV.
 - Năm 2020 dành cho 6 sản phẩm: hệ thống BIDV E-zone, hệ thống Đầu tư tiên gửi tự động và thanh toán song phương cho bảo hiểm xã hội Việt Nam, hệ thống hỗ trợ bán hàng trên thiết bị di động cho KHTC, hệ thống sao kê tài khoản khách

hàng, hệ thống quản lý bán chéo sản phẩm BIDV Sale Power, hệ thống công thanh toán mở - BIDV Paygate.

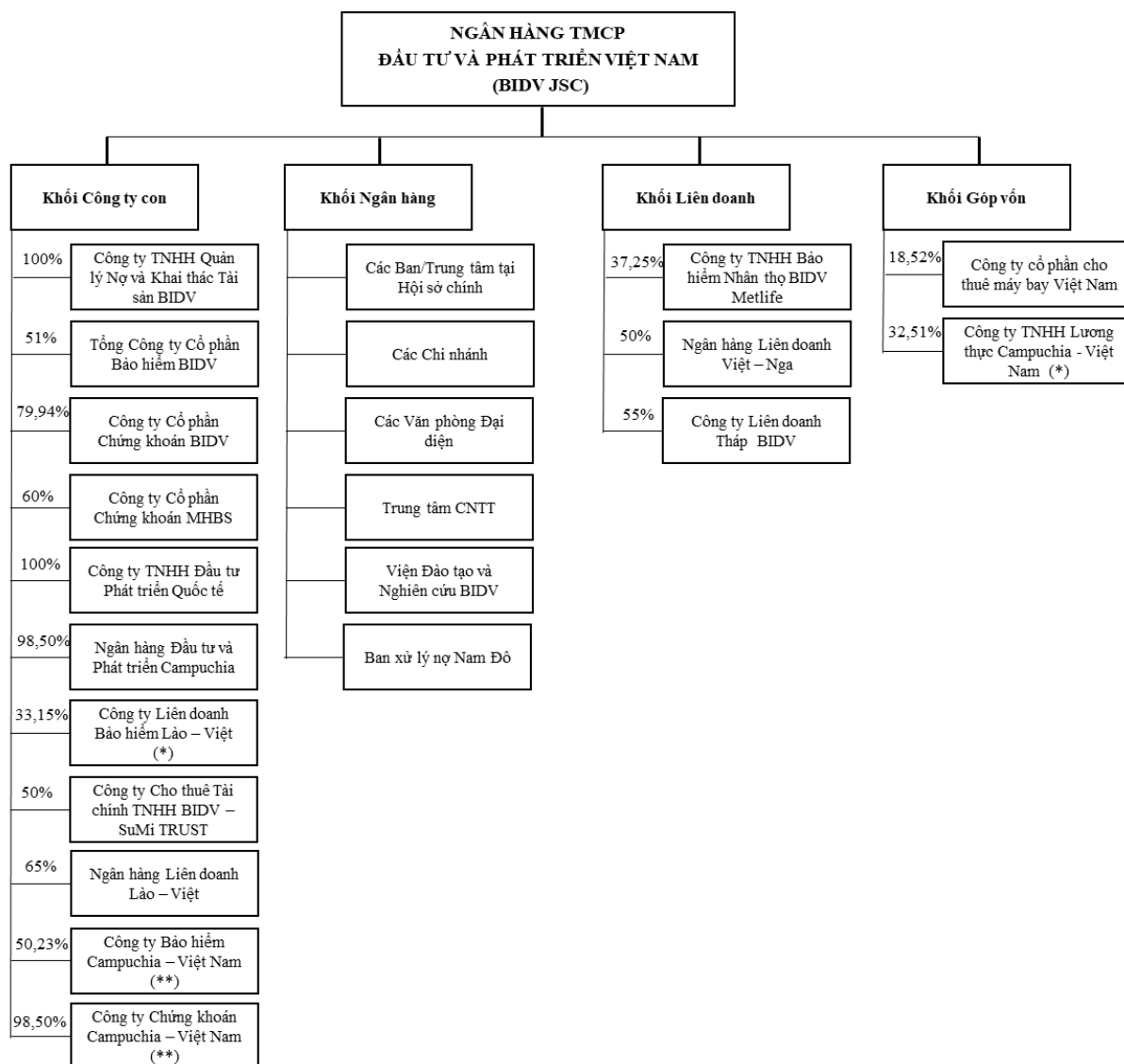
- 2 Giải thưởng “Ngân hàng của năm - “House of the year” do Asia Risk trao tặng trong các năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2017 và 2018 cho các tổ chức tài chính tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương cung cấp các sản phẩm phái sinh.
- 3 Đứng đầu các hạng mục trong chương trình Fixed Income Poll 2013 và FX Poll 2013, 2014, 2015 và 2016 do Asiamoney tổ chức bầu chọn, bao gồm:
 - Ngân hàng cung cấp sản phẩm thị trường vốn nợ xuất sắc nhất Việt Nam.
 - Ngân hàng cung cấp sản phẩm về lãi suất xuất sắc nhất tại Việt Nam.
 - Ngân hàng chào bán sản phẩm thị trường vốn nợ và sản phẩm về lãi suất tốt nhất Việt Nam.
 - Ngân hàng cung cấp dịch vụ phái sinh về tín dụng, lãi suất và hàng hóa tốt nhất Việt Nam.
 - Ngân hàng có hoạt động nghiên cứu, phân tích và dự báo về kinh tế, thị trường tín dụng và lãi suất tốt nhất Việt Nam.
 - Ngân hàng nội địa cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam do các Định chế tài chính và các doanh nghiệp bầu chọn.
 - Ngân hàng có sản phẩm và dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam do các doanh nghiệp bầu chọn.
 - Ngân hàng có sản phẩm quyền chọn ngoại tệ tốt nhất Việt Nam do các doanh nghiệp bầu chọn.
 - Ngân hàng có thông tin nghiên cứu, phân tích dự báo thị trường ngoại hối tốt nhất Việt Nam do các doanh nghiệp bầu chọn.
- 4 Các giải thưởng do Tạp chí The Asian Banker trao tặng.
 - Giải thưởng “Ngân hàng Bán lẻ tốt nhất Việt Nam” 6 năm liên tiếp (2015-2020).
 - Ngân hàng cung cấp sản phẩm ngoại hối tốt nhất 2020.
 - Ngân hàng giao dịch tốt nhất Việt Nam 2020.
 - Ngân hàng quản lý tiền tệ tốt nhất Việt Nam 2020.
- 5 Giải thưởng “Ngân hàng có dịch vụ mua bán ngoại tệ tốt nhất Việt Nam” năm 2016 do Tạp chí Global Finance trao tặng.
- 6 Giải thưởng “Tổ chức tư vấn phát hành trái phiếu tốt nhất Việt Nam” và “Giao dịch phát hành trái phiếu bằng đồng nội tệ tốt nhất Việt Nam” năm 2016 do Tạp chí The Asset Trilpe A trao tặng.
- 7 Giải thưởng “Ngân hàng nội địa cung cấp sản phẩm tài trợ Xuất nhập khẩu tốt nhất Việt Nam năm 2017” do tạp chí Euro Money trao tặng.
- 8 Các giải thưởng do Tạp chí Asian Banking & Finance (Singapore) trao tặng bao gồm:
 - Giải thưởng “Ngân hàng Việt Nam tiêu biểu nhất về Công nghệ và Vận hành” trong 3 năm (2015 - 2017).

- Các giải “SME Bank of the year – Vietnam” và giải “Corporate Client Initiative of the Year” trong 3 năm liên tiếp (2018-2020).
 - Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam 3 năm liên tiếp (2018-2020).
- 9 Giải thưởng do Tạp chí Global Banking and Finance Review (GBFR- Anh quốc) trao tặng: “Best SME Bank Vietnam 2018”; “Tổ chức tư vấn phát hành trái phiếu tốt nhất Việt Nam 2 năm liên tiếp (2018; 2019)”; “Giao dịch phát hành trái phiếu tốt nhất Việt Nam 2019”.
 - 10 Giải thưởng “Best SME Bank Vietnam 2018” do tạp chí Alpha Southeast Asia (Hong Kong) bình chọn 3 năm liên tiếp 2018-2020.
 - 11 Thẻ tín dụng tốt nhất Việt Nam 4 năm liên tiếp (2016-2019), Dịch vụ thanh toán thẻ POS/ATM tốt nhất lần thứ 3 (2016, 2017, 2019); Giải thưởng Best Mobile Banking Support 2019 dành cho chương trình BIDV SmartBanking do tạp chí quốc tế uy tín International Finance Magazine (IFM) trao tặng.
 - 12 Top 3 Ngân hàng có giá trị thương hiệu lớn nhất Việt Nam, Top 300 Ngân hàng có giá trị thương hiệu lớn nhất thế giới (xếp hạng 279, tăng 31 bậc so với năm 2019) do Brand Finance bình chọn.
 - 13 Top 2.000 công ty đại chúng lớn và quyền lực nhất thế giới do Tạp chí Forbes bình chọn; Top 100 công ty đại chúng lớn nhất, Top 50 thương hiệu dẫn đầu do Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn.
 - 14 Top 10 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, 3 năm liên tiếp 2017-2019; Top 10 Ngân hàng thương mại Việt Nam uy tín do Vietnam Report phối hợp cùng Báo VietNamNet công bố trong Bảng xếp hạng VNR500 (Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam).
 - 15 Ngân hàng Bán lẻ Tiêu biểu, 4 năm liên tiếp (2016-2019), Ngân hàng Điện tử Tiêu biểu, lần thứ 3 (2014, 2015, 2019), do VNBA và IDG phối hợp trao tặng.
 - 16 Top 10 Doanh nghiệp thương hiệu mạnh Việt Nam do Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức.
 - 17 Top 10 Doanh nghiệp phát triển bền vững, 2 năm liên tiếp (2018-2019), do Hội đồng Phát triển bền vững Việt Nam và VCCI trao tặng.
 - 18 Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc với giải pháp BIDV iBank do VDCA trao tặng.
 - 19 Top 10 Tin & Dùm cho Dịch vụ thu hộ học phí của BIDV, do Ban tổ chức chương trình Tin & Dùm Việt Nam trao tặng.
 - 20 2.000 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất thế giới 2020 – Global 2000 (Forbes công bố).
 - 21 Top 500 thương hiệu ngân hàng giá trị nhất thế giới năm 2020 (Brand Finance công bố).

Nguồn: BIDV

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của BIDV




Ghi chú:

(*) Sở hữu gián tiếp qua Ngân hàng Liên doanh Lào – Việt.

(**) Sở hữu gián tiếp qua Ngân hàng Đầu tư phát triển Campuchia.


Tính đến thời điểm 30/06/2021, cơ cấu tổ chức của BIDV như sau:

- 
Khối ngân hàng: gồm có
 - 01 Trụ sở chính tại Tháp BIDV, số 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
 - 189 chi nhánh tại Việt Nam với chi tiết như bên dưới:

STT	Vị trí địa lý	Số lượng chi nhánh
1	Hà Nội	34


STT	Vị trí địa lý	Số lượng chi nhánh
2	Thành phố Hồ Chí Minh	36
3	Địa bàn động lực phía Bắc ngoài Thành phố Hà Nội	18
4	Địa bàn Đồng Bằng Sông Hồng	6
5	Địa bàn miền núi phía Bắc	17
6	Bắc Trung Bộ	14
7	Nam Trung Bộ	15
8	Tây Nguyên	12
9	Địa bàn động lực phía Nam ngoài Thành phố Hồ Chí Minh	15
10	Đồng Bằng Sông Cửu Long	22
	Tổng cộng	189

- 1 chi nhánh nước ngoài tại Myanmar;
- 895 Phòng Giao dịch;
- 03 đơn vị sự nghiệp (Trung tâm Công nghệ Thông tin, Trung tâm dịch vụ kho quỹ phía Nam, Viện đào tạo và nghiên cứu);
- 02 Văn phòng Đại diện tại Việt Nam (TP.Hồ Chí Minh và Đà Nẵng);
- 04 Văn phòng Đại diện tại nước ngoài (Campuchia, Lào, Đài Loan, Liên Bang Nga).

 Khối công ty con gồm 11 đơn vị, gồm:

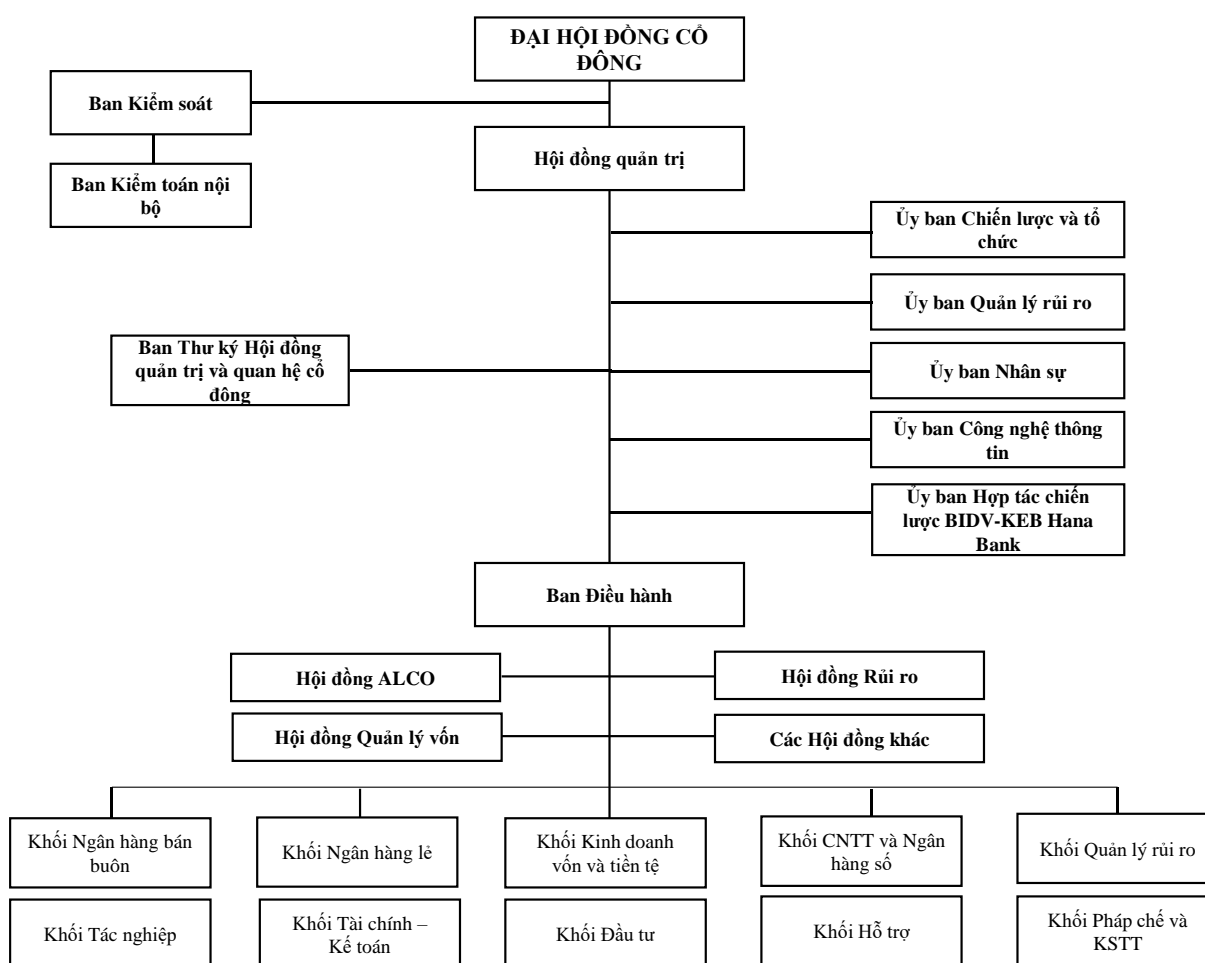
- Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản BIDV (BAMC);
- Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC hoặc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV);
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC hoặc Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV);
- Công ty Cổ phần Chứng khoán MHB (MHBS);
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Quốc tế (IID);
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC);
- Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt (LVI);
- Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV Sumi - TRUST (BSL);
- Ngân hàng liên doanh Lào-Việt (LVB);
- Công ty Chứng khoán Campuchia – Việt Nam (CVS);
- Công ty Bảo hiểm Campuchia – Việt Nam (CVI).

 Khối liên doanh gồm 03 đơn vị:

- Ngân hàng liên doanh Việt - Nga (VRB);
- Công ty liên doanh Tháp BIDV;
- Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ BIDV Metlife.
-  Khôi Góp vốn gồm 02 đơn vị:
- Công ty cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC);
- Công ty TNHH Lương thực Campuchia - Việt Nam.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Hình 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của BIDV



4.1. Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của BIDV, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

4.2. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt các cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và

điều hành BIDV, thực trạng tài chính BIDV và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban Kiểm soát BIDV gồm 03 thành viên.

Ban Kiểm toán nội bộ là đơn vị trực thuộc Ban Kiểm soát thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ.

4.3. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị BIDV, có toàn quyền nhân danh BIDV để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của BIDV, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị BIDV gồm 10 thành viên.








4.4. Ban Điều hành




Ban Điều hành chịu trách nhiệm quản lý công việc hàng ngày của BIDV theo Điều Lệ của BIDV. Ban Điều hành chịu sự giám sát của HĐQT.

Ban Điều hành có các hội đồng là Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có, Hội đồng Quản lý vốn, Hội đồng rủi ro, Hội đồng tín dụng Trung ương và một số Hội đồng khác.

4.5. Các khối chức năng tại Hội sở chính:

Hội sở chính của BIDV được tổ chức theo 10 khối chức năng bao gồm:

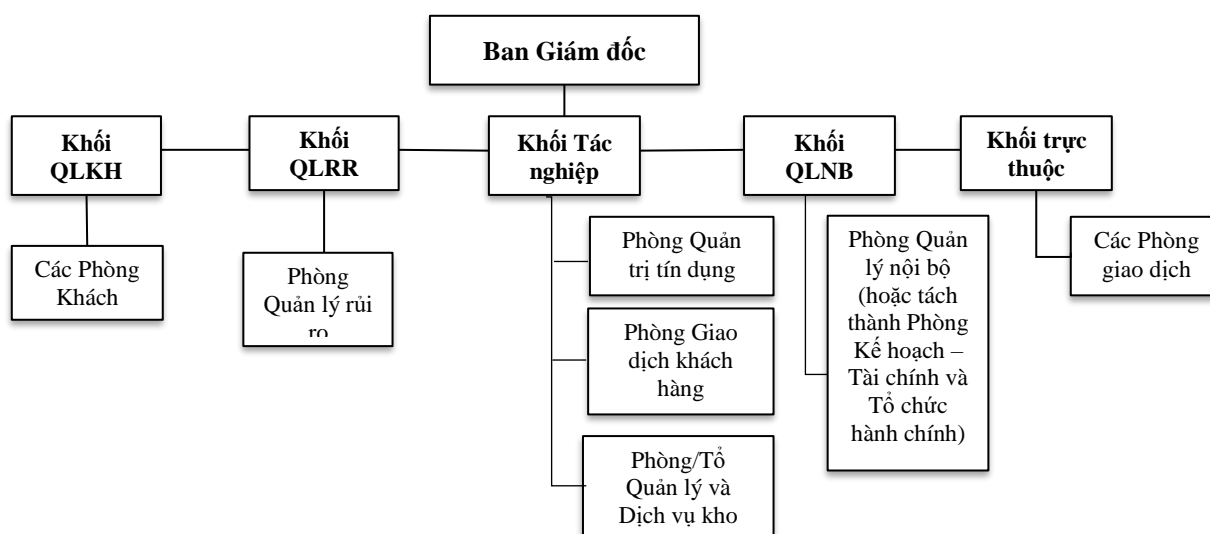
-  Khối Ngân hàng bán buôn: Chịu trách nhiệm duy trì và phát triển quan hệ của ngân hàng với các khách hàng là tổ chức. Cụ thể, khối này có trách nhiệm giới thiệu các sản phẩm tới các khách hàng là doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ...; đồng thời chịu trách nhiệm quản lý khả năng sinh lợi của các sản phẩm này.
-  Khối Ngân hàng bán lẻ: Chịu trách nhiệm đối với hoạt động marketing, phát triển và kinh doanh các sản phẩm được chuẩn hóa cho các khách hàng bán lẻ.
-  Khối Kinh doanh vốn và tiền tệ: Chịu trách nhiệm thực hiện giao dịch kinh doanh vốn và tiền tệ phục vụ yêu cầu quản lý của Hội đồng quản lý tài sản Nợ - Có (ALCO) cho Sở Ngân hàng, tiếp thị và trực tiếp giao dịch các sản phẩm kinh doanh vốn và tiền tệ với khách hàng và đơn vị kinh doanh trong nội bộ ngân hàng nhằm mục tiêu sinh lời và đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
-  Khối Công nghệ thông tin và ngân hàng số: Chịu trách nhiệm phát triển các sản phẩm ngân hàng số hiện đại và quản lý hoạt động công nghệ thông tin của ngân hàng.
-  Khối Quản lý rủi ro: Chịu trách nhiệm kiểm soát các hoạt động tín dụng và các rủi ro khác mà ngân hàng có thể gặp phải. Khối này thực hiện kiểm tra các hoạt động kinh doanh tiềm năng được các khối kinh doanh khác đề xuất.
-  Khối Tác nghiệp: Chịu trách nhiệm về các khoản thanh toán và thu chi trực tiếp, cụ thể: Thanh toán trong nước, chuyển tiền quốc tế và chuyển điện SWIFT; quản lý các khoản vay, dịch vụ khách hàng, dịch vụ kho quỹ và hoạt động tài trợ thương mại.
-  Khối Tài chính Kế toán: Phụ trách thông tin về tài chính kế toán của ngân hàng và các công ty con, truyền tải thông tin quản lý về bộ phận kế toán Trụ sở chính và kế toán chung; quản lý tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm phân tích tài chính và giám sát.

-  **Khối Đầu tư:** Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động đầu tư của toàn hệ thống.
-  **Khối Pháp chế và kiểm soát tuân thủ:** Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tính tuân thủ của các đơn vị, bộ phận trong hệ thống BIDV và công tác pháp chế của ngân hàng.
-  **Khối Hỗ trợ:** Thực hiện hỗ trợ các hoạt động kinh doanh nói chung và tổng thể của ngân hàng.

4.6. Cấu trúc các chi nhánh

Tính đến 30/06/2021, BIDV có 190 chi nhánh (bao gồm 189 chi nhánh tại Việt Nam và 01 chi nhánh nước ngoài). Mô hình chi nhánh tại Việt Nam có cơ cấu tổ chức như sau:

Hình 3: Mô hình tổ chức các chi nhánh của BIDV



5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Danh sách công ty mẹ, công ty con của BIDV, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với BIDV, những công ty mà BIDV nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục liên trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm 30/06/2021 như sau:

5.1. Công ty mẹ của BIDV

Không có

5.2. *Danh sách các công ty con của BIDV:*

Bảng 3: Danh sách các công ty con trong năm 2019, 2020 và đến thời điểm 30/06/2021

ST T	Tên công ty	Giấy ĐKKD/Giấy phép thành lập	Ngày thành lập	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của BIDV năm 2019	Tỷ lệ sở hữu của BIDV năm 2020	Tỷ lệ sở hữu của BIDV đến thời điểm 30/06/2021
1	Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV – SuMi TRUST (“BSL”)	CNĐKDN số 0100777569 do Sở KHĐT TP.HCM cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 19/05/2017	19/05/2017 (***)	Cho thuê tài chính	50,00%	50,00%	50,00%
2	Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản BIDV (“BAMC”)	Giấy CNĐKDN số 0101196750 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 14/05/2018	14/05/2018	Tài chính/ Ngân hàng	100,00 %	100,00 %	100,00%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (“BSC”)	Số 111/GP – UBCK do UBCKNN cấp ngày ngày 31/12/2010	26/11/1999	Thị trường vốn	79,94%	79,94%	79,94%
4	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (“BIC”)	Giấy phép số 11/GPĐC16/KDB H do Bộ Tài chính cấp ngày 06/01/2016	01/01/2006	Bảo hiểm	51,00%	51,00%	51,00%
5	Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (“LVI”) (*)	077-08/ĐT ngày 19/06/2008 do Bộ Kế hoạch Đầu tư nước CHDCND Lào cấp và Giấy CNĐTRNN số 146/BKH/ĐTRNN ngày 19/06/2008 do Bộ KHĐT cấp	21/06/2008	Bảo hiểm	33,15%	33,15%	33,15%
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán MHB (“MHBS”)	Giấy phép số 45/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 28/12/2006	28/12/2006	Thị trường vốn	60,00%	60,00%	60,00%
7	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Quốc tế (“IIDC”)	Giấy ĐKKD số 0105094855 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 31/12/2010	31/12/2010	Tài chính	100,00 %	100,00 %	100,00%

ST T	Tên công ty	Giấy ĐKKD/Giấy phép thành lập	Ngày thành lập	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của BIDV năm 2019	Tỷ lệ sở hữu của BIDV năm 2020	Tỷ lệ sở hữu của BIDV đến thời điểm 30/06/2021
8	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (“BIDC”)	B7.09.148 ngày 14/08/2009 của Ngân hàng Quốc gia Campuchia	14/08/2009	Tài chính/ Ngân hàng	98,50%	98,50%	98,50%
9	Ngân hàng Liên doanh Lào – Việt (“LVB”)	Giấy phép ĐTRNN số 985-326, ngày 10/6/1999 và bản sửa đổi gần nhất số 004-15/KH-ĐT4 ngày 24 tháng 08 năm 2015 do Ủy Ban Quản lý đầu tư nước ngoài của CHDCND Lào cấp	22/06/1999	Ngân hàng	65,00%	65,00%	65,00%
10	Công ty Chứng khoán Campuchia – Việt Nam (“CVS”) (**)	005.SECC/BLPH ngày 20/10/2010 của Ủy ban chứng khoán Campuchia	20/10/2010	Chứng khoán	98,50%	98,50%	98,50%
11	Công ty Bảo hiểm Campuchia – Việt Nam (“CVI”) (**)	Đăng ký số Co.6037/09E ngày 06/08/2009 của Bộ Thương mại Campuchia	13/11/2009	Bảo hiểm	50,23%	50,23%	50,23%
12	Công ty TNHH BIDV Quốc tế (“BIDVI”)	39283570-000-04-08-8 ngày 17/04/2008 tại Hồng Kông và Giấy chứng nhận đầu tư số 111/BKH-ĐTRNH ngày 20/03/2008 của Bộ Kế hoạch Đầu tư	17/04/2008	Tài chính	BIDV sở hữu trực tiếp 100% vốn và đã giải thể 2019		
13	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Campuchia (“IDCC”)	5948/09E ngày 02/07/2009 của Bộ Thương mại Campuchia	2/7/2009	Tài chính	BIDV sở hữu gián tiếp 100% vốn qua BIDC và đã giải thể 2019		

(*) Sở hữu gián tiếp qua Ngân hàng Liên doanh Lào – Việt.

(**) Sở hữu gián tiếp qua Ngân hàng Đầu tư phát triển Campuchia.

(***) Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV – SuMi TRUST tiền thân là Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV BIDV, do BIDV sở hữu 100% vốn, thành lập ngày 02/06/1998. Ngày 19/05/2017, Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV BIDV chuyển đổi hình thức pháp lý từ Công ty TNHH một thành viên sang Công ty TNHH hai thành viên và đổi tên thành Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV – SuMi TRUST.

5.3. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết với BIDV:

Bảng 4: Danh sách các công ty liên doanh liên kết trong năm 2019, 2020 và đến thời điểm 30/06/2021

STT	Tên Công ty	Giấy ĐKKD/Giấy phép thành lập	Ngày thành lập	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của BIDV năm 2019	Tỷ lệ sở hữu của BIDV năm 2020	Tỷ lệ sở hữu của BIDV 30/06/2021
I. Công ty liên doanh							
1	Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga (“VRB”)	Giấy CNĐKDN số 0102100878 ngày 09/11/2006 của Sở KHĐT Hà Nội, sửa đổi lần thứ 13 ngày 11/08/2020	9/11/2006	Tài chính/Ngân hàng	50,00%	50,00%	50,00%
2	Công ty liên doanh Tháp BIDV (“BIDV Tower”)	Giấy phép số 2523/GP do Bộ KHĐT cấp ngày 02/11/2005	2/11/2005	Xây dựng, vận hành và quản lý khối văn phòng làm việc	55,00%	55,00%	55,00%
3	Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ BIDV Metlife (“BML”)	72/GPĐC4-KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/01/2021	21/7/2014	Bảo hiểm	34,32%	34,32%	37,25%
II. Công ty liên kết							
1	Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam (“VALC”)	0102384108, ngày 08/10/2007 của Sở KHĐT TP.HN, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 05/09/2019	8/10/2017	Mua và cho thuê máy bay	18,52%	18,52%	18,52%

STT	Tên Công ty	Giấy ĐKKD/Giấy phép thành lập	Ngày thành lập	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của BIDV năm 2019	Tỷ lệ sở hữu của BIDV năm 2020	Tỷ lệ sở hữu của BIDV 30/06/2021
2	Công ty TNHH Lương thực Campuchia - Việt Nam (“Cavifood”)	Inv.0810 M/2010 do Bộ Thương mại Phnom Penh, Campuchia cấp ngày 21/04/2010	21/4/2010	Kinh doanh lương thực và sản phẩm nông nghiệp	33%	32,51%	32,51%

Nguồn: BIDV











5.4. Danh sách các công ty năm quyền kiểm soát và chi phối BIDV

Nhà nước là cổ đông lớn của BIDV, nắm quyền kiểm soát và cổ phần chi phối BIDV.


6. Thông tin về quá trình tăng vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành


Vốn điều lệ khi BIDV chuyển sang hoạt động theo hình thức ngân hàng cổ phần là 23.011.705.420.000 đồng. Từ đó đến nay, BIDV đã thực hiện tăng vốn 04 lần với chi tiết như sau:

Lần 1: Tăng vốn điều lệ từ 23.011.705.420.000 đồng lên 28.112.026.440.000 đồng


-  Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu.
-  Đơn vị cấp: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
-  Ý kiến kiểm toán: Không có.
-  Số vốn điều lệ tăng thêm: 5.100.321.020.000 đồng.
-  Nguồn tăng vốn:
 - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận giữ lại: 1.041.849.090.000 đồng.
 - Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 4.058.471.930.000 đồng.
-  Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền: 25/06/2013.
-  Tỷ lệ phân bổ quyền:
 - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức: 4,52784%.
 - Phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 17,63655%.
-  Giá phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phần.
-  Ngày phát hành: 05/07/2013.
-  Kết quả phát hành: phát hành thêm 510.032.102 cổ phần trong đó:

- Số cổ phần phát hành để trả cổ tức: 104.184.909 cổ phần.
- Số cổ phần phát hành thêm thành công: 405.847.193 cổ phần.


 Vốn điều lệ sau khi phát hành: 28.112.026.440.000 đồng.


 Ngày hoàn thành đợt phát hành và báo cáo UBCKNN: 06/08/2013.


Lần 2: Tăng vốn điều lệ từ 28.112.026.440.000 đồng lên 31.481.237.440.000 đồng


 Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu hoán đổi để sáp nhập với Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long.


 Đơn vị cấp: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.


 Ý kiến kiểm toán: Không có.


 Số vốn điều lệ tăng thêm: 3.369.211.000.000 đồng.


 Nguồn tăng vốn: Phát hành cổ phiếu để hoán đổi với cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long.


 Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền: 08/05/2015.

 Tỷ lệ hoán đổi: 1:1.


 Mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

 Kết quả phát hành: phát hành thêm 336.921.100 cổ phiếu để hoán đổi với 336.921.100 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long.


 Vốn điều lệ sau khi phát hành: 31.481.237.440.000 đồng.


 Ngày hoàn thành đợt phát hành và báo cáo UBCKNN: 22/05/2015.


Lần 3: Tăng vốn điều lệ từ 31.481.237.440.000 đồng lên 34.187.153.340.000 đồng


 Hình thức phát hành: Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.


 Đơn vị cấp: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.


 Ý kiến kiểm toán: Không có.


 Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.

 Tỷ lệ thực hiện quyền: 8,595329% (01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, 100 quyền được mua 8,595329 cổ phiếu mới).

 Ngày chốt danh sách cổ đông: 18/08/2015.

 Số vốn điều lệ tăng thêm: 2.705.915.900.000 đồng.

 Ngày hoàn thành đợt chào bán và báo cáo UBCKNN: ngày 29/09/2015.

 Vốn điều lệ sau khi phát hành: 34.187.153.340.000 đồng.

- Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán: Số tiền thu được từ đợt chào bán đã được BIDV sử dụng theo đúng phương án được nêu tại Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2015.

Lần 4: Tăng vốn điều lệ từ 34.187.153.340.000 đồng lên 40.220.180.400.000 đồng

- Hình thức phát hành: Chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài.
- Đơn vị cấp: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Ý kiến kiểm toán: Không có.
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: 5 năm.
- Giá chào bán: 33.640 đồng/cổ phiếu.
- Tổng số tiền thu từ việc chào bán cổ phiếu: 20.295.103.029.840 đồng.
- Thặng dư vốn cổ phần từ đợt phát hành: 14.262.075.969.840 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán: 15%.
- Vốn điều lệ trước chào bán: 34.187.153.340.000 đồng.
- Số vốn điều lệ tăng thêm: 6.033.027.060.000 đồng.
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 40.220.180.400.000 đồng.
- Ngày hoàn thành đợt chào bán và báo cáo UBCKNN: ngày 31/10/2019.

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

7.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 5. Thông tin về cổ phiếu đang lưu hành của Tổ Chức Phát Hành tại ngày 30/06/2021

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Trong nước	3.325.492.756	82,69
a	Cá nhân	42.079.133	1,05
b	Tổ chức ^(*)	3.220.738.670	80,08
c	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	62.674.953	1,56
2	Nước ngoài	696.525.284	17,31
a	Cá nhân	1.311.099	0,03
b	Tổ chức	695.214.185	17,28
3	Tổng cộng	4.022.018.040	100

(*): Không bao gồm tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ

Nguồn: BIDV

7.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

7.3. Các loại chứng khoán khác

Chi tiết các trái phiếu đang lưu hành của Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 30/06/2021 như sau:

Mã/Tên trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu phát hành (tỷ VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (năm)	Ngày thực hiện quyền mua lại (nếu có)
BID10406	350	10,45	18-12-2006	18-12-2026	20	18-12-2021
BID162601	1.350	7,50	17-8-2016	17-8-2026	10	17-8-2021
BID162602	1.350	7,50	19-8-2016	19-8-2026	10	19-8-2021
Trái phiếu BIDV kỳ hạn 5 năm	2.000	6,50	29/12/2017	29/12/2022	5	
BID2_18.01	130	7,70	25-7-2018	25-7-2030	12	25-7-2025
BID2_18.02	300	7,00	8-8-2018	8-8-2028	10	8-8-2023
BID2_18.04	80	7,70	28-8-2018	28-8-2030	12	28-8-2025
BID2_18.06	1.000	6,60	19-12-2018	19-12-2028	10	19-12-2023
BID2_19.02	100	6,78	28-6-2019	28-6-2029	10	28-6-2024
BID2_19.03	100	7,10	31-7-2019	31-7-2026	7	31-7-2021
BID2_19.04	2.499	7,20	26-9-2019	26-9-2026	7	26-9-2021
BID2_19.05	500	7,30	26-9-2019	26-9-2029	10	26-9-2024
BID2_19.06	400	7,20	30-9-2019	30-9-2026	7	30-9-2021
BID2_19.07	600	7,40	30-9-2019	30-9-2029	10	30-9-2024
BID2_19.11	2.483	7,10	5-11-2019	5-11-2026	7	5-11-2021
BID2_19.10	500	6,88	21-11-2019	21-11-2026	7	21-11-2021
BID2_19.09	223	7,20	26-11-2019	26-11-2029	10	26-11-2024
BID2_19.08	2.577	7,10	26-11-2019	26-11-2026	7	26-11-2021
BID2_RL19.20	201	7,15	13-12-2019	13-12-2026	7	13-12-2021
BID2_RL19.18	100	7,30	18-12-2019	18-12-2034	15	18-12-2029
BID2_RL19.22	34	7,10	19-12-2019	19-12-2026	7	19-12-2021
BID2_RL19.17	200	7,00	20-12-2019	20-12-2029	10	20-12-2024
BID2_RL20.03	232	6,58	23-4-2020	23-4-2028	8	23-4-2023
BID2_RL20.04	16	6,78	23-4-2020	23-4-2030	10	23-4-2025
BID2_RL20.02	472	6,38	23-4-2020	23-4-2027	7	23-4-2022
BID2_RL20.12	500	6,83	27-4-2020	27-4-2028	8	27-4-2023
BID2_RL20.13	500	6,83	28-4-2020	28-4-2028	8	28-4-2023
BID2_RL20.06	534	6,38	8-5-2020	8-5-2027	7	8-5-2022
BID2_RL20.07	206	6,58	8-5-2020	8-5-2028	8	8-5-2023
BID2_RL20.08	43	6,78	8-5-2020	8-5-2030	10	8-5-2025
BID2_RL20.15	744	6,28	26-5-2020	26-5-2027	7	26-5-2022
BID2_RL20.16	61	6,58	26-5-2020	26-5-2028	8	26-5-2023
BID2_RL20.17	6	6,78	26-5-2020	26-5-2030	10	26-5-2025

Mã/Tên trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu phát hành (tỷ VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (năm)	Ngày thực hiện quyền mua lại (nếu có)
BID2_RL20.14	500	7,95	26-5-2020	26-5-2035	15	26-5-2030
BID2_RL20.18	615	6,30	11-6-2020	11-6-2027	7	11-6-2022
BID2_RL20.19	93	6,60	11-6-2020	11-6-2028	8	11-6-2023
BID2_RL20.20	206	6,80	11-6-2020	11-6-2030	10	11-6-2025
BID2_RL20.23	200	6,88	16-6-2020	16-6-2030	10	16-6-2025
BID2_RL20.24	200	6,88	17-6-2020	17-6-2030	10	17-6-2025
BID2_RL20.25	200	6,68	18-6-2020	18-6-2028	8	18-6-2023
BID2_RL20.26	200	6,68	22-6-2020	22-6-2028	8	22-6-2023
BID2_RL20.28	1.000	6,28	22-6-2020	22-6-2027	7	22-6-2022
BID2_RL20.27	200	6,68	23-6-2020	23-6-2028	8	23-6-2023
BID2_RL20.29	1.000	6,28	23-6-2020	23-6-2027	7	23-6-2022
BID2_RL20.30	1.000	6,28	24-6-2020	24-6-2027	7	24-6-2022
BID2_RL20.35	230	7,70	25-6-2020	25-6-2035	15	25-6-2030
BID2_RL20.31	400	6,28	25-6-2020	25-6-2027	7	25-6-2022
BID2_RL20.32	491	6,28	26-6-2020	26-6-2027	7	26-6-2022
BID2_RL20.33	89	6,58	26-6-2020	26-6-2028	8	26-6-2023
BID2_RL20.34	50	6,78	26-6-2020	26-6-2030	10	26-6-2025
BID2_RL20.36	260	6,70	16-7-2020	16-7-2027	7	16-7-2022
BID2_RL20.37	125	7,00	16-7-2020	16-7-2028	8	16-7-2023
BID2_RL20.38	33	7,20	16-7-2020	16-7-2030	10	16-7-2025
BIDL2027039	342	6,70	30-7-2020	30-7-2027	7	30-7-2022
BIDL2028040	139	7,00	30-7-2020	30-7-2028	8	30-7-2023
BIDL2030041	9	7,20	30-7-2020	30-7-2030	10	30-7-2025
BIDL2027042	1.500	6,70	10-8-2020	10-8-2027	7	10-8-2022
BIDL2028045	91	6,90	20-8-2020	20-8-2028	8	20-8-2023
BIDL2030046	52	7,00	20-8-2020	20-8-2030	10	20-8-2025
BIDL2027044	177	6,60	20-8-2020	20-8-2027	7	20-8-2022
BIDL2027047	580	6,60	31-8-2020	31-8-2027	7	31-8-2022
BIDL2028048	144	6,90	31-8-2020	31-8-2028	8	31-8-2023
BIDL2030049	6	7,00	31-8-2020	31-8-2030	10	31-8-2025
BIDL2027053	250	6,60	17-9-2020	17-9-2027	7	17-9-2022
BIDL2028054	162	6,90	17-9-2020	17-9-2028	8	17-9-2023
BIDL2030055	6	7,00	17-9-2020	17-9-2030	10	17-9-2025
BIDL2035059	50	7,00	24-9-2020	24-9-2035	15	24-9-2030
BIDL2027056	307	6,60	29-9-2020	29-9-2027	7	29-9-2022
BIDL2028057	58	6,90	29-9-2020	29-9-2028	8	29-9-2023
BIDL2030058	21	7,00	29-9-2020	29-9-2030	10	29-9-2025
BIDL2035065	47	7,20	14-10-2020	14-10-2035	15	14-10-2030
BIDL2035063	50	7,00	19-10-2020	19-10-2035	15	19-10-2030




Mã/Tên trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu phát hành (tỷ VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (năm)	Ngày thực hiện quyền mua lại (nếu có)
BIDH2028064	1.000	6,70	26-10-2020	26-10-2028	8	26-10-2023
BIDL2035050	200	7,00	29-10-2020	29-10-2035	15	29-10-2030
BIDL2028066	300	6,70	20-11-2020	20-11-2028	8	20-11-2023
BIDL2028067	56	6,48	25-12-2020	25-12-2028	8	25-12-2023
BIDL2028061	1.000	6,50	30-12-2020	30-12-2028	8	30-12-2023
BIDL2128001	1.000	6,33	20-5-2021	20-5-2028	7	20-5-2023
BIDL2136002	800	6,90	21-5-2021	21-5-2036	15	21-5-2031
BIDL2128003	700	6,20	3-6-2021	3-6-2028	7	3-6-2023
BIDL2128004	300	6,18	11-6-2021	11-6-2028	7	11-6-2023
BIDL2128005	1.000	6,28	15-6-2021	15-6-2028	7	15-6-2023
BIDL2136006	120	6,90	23-6-2021	23-6-2036	15	23-6-2031
BIDL2128007	130	6,18	23-6-2021	23-6-2028	7	23-6-2023
BIDLH2128008	482	6,18	25-6-2021	25-6-2028	7	25-6-2023
BIDLH2129009	112	6,48	25-6-2021	25-6-2029	8	25-6-2024
BIDLH2131010	5	6,58	25-6-2021	25-6-2031	10	25-6-2026
BIDL2136012	50	6,90	29-6-2021	29-6-2036	15	29-6-2031
BIDL2129013	1.000	6,53	29-6-2021	29-6-2029	8	29-6-2024
Tổng cộng	39.730					

Nguồn: BIDV

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh chính của BIDV bao gồm:

-  Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm các hoạt động chính như huy động vốn, hoạt động tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;
-  Hoạt động ngân hàng bán lẻ, tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng mọi nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thẻ;
-  Hoạt động ngân hàng đầu tư: BIDV thực hiện hoạt động ngân hàng đầu tư dưới hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua công ty chứng khoán hoặc loại hình công ty khác mà BIDV nắm giữ cổ phần hoặc có phần vốn góp theo quy định của pháp luật.

Bảng 6: Hoạt động kinh doanh của BIDV giai đoạn 2019–6 tháng đầu năm 2021 theo sản phẩm dịch vụ

T T	Chỉ tiêu	Doanh thu (tỷ đồng)		Tỷ trọng doanh thu (%)			Thu nhập thuần (tỷ đồng)			Tỷ trọng thu nhập thuần (%)			
		2019	2020	6 tháng đầu năm 2021	2019	2020	6 tháng đầu năm 2021	2019	2020	6 tháng đầu năm 2021	2019	2020	6 tháng đầu năm 2021
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	100.747	100.688	50.229	83,4	80,8	80,8	35.978	35.797	23.760	74,8	71,5	74,5
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	7.872	8.618	4.920	6,5	6,9	7,9	4.266	5.266	3.176	8,9	10,5	10,0
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh và ngoại hối	4.052	4.241	1.668	3,4	3,4	2,7	1.495	1.732	785	3,1	3,5	2,5
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	388	1.120	700	0,3	0,9	1,1	326	479	572	0,7	1,0	1,8
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.022	1.855	1	0,8	1,5	0,0	481	1.516	-493	1,0	3,0	-1,5
6	Thu nhập từ hoạt động khác	6.518	7.993	4.532	5,4	6,4	7,3	5.361	5.093	3.992	11,1	10,2	12,5
7	Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần	214	154	105	0,2	0,1	0,2	214	154	105	0,4	0,3	0,3
Tổng cộng		120.814	124.668	62.156	100	100	100	48.121	50.037	31.897	100	100	100

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét


8.1.1. Hoạt động huy động vốn

Huy động vốn là nghiệp vụ ngân hàng huy động các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của khách hàng là tổ chức và cá nhân trên nguyên tắc có hoàn trả gốc và lãi để hình thành nên nguồn vốn huy động đáp ứng cho các hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

BIDV thực hiện huy động vốn trên các nguyên tắc: Tuân thủ quy định của pháp luật, chính sách tiền tệ của NHNN trong từng thời kỳ; Đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên gửi tiền và BIDV theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ; Thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết với khách hàng, các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản của khách hàng và ngân hàng trong huy động vốn; Gắn liền với sử dụng vốn đảm bảo mục tiêu an toàn, hiệu quả theo quy định của pháp luật và phù hợp với định hướng của HĐQT trong từng thời kỳ.

Để đảm bảo nhu cầu nguồn vốn trong từng thời kỳ, BIDV thực hiện huy động vốn theo nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng với các đặc điểm khác nhau: huy động vốn từ cá nhân, tổ chức kinh tế, định chế tài chính phi tín dụng qua các sản phẩm tiền gửi, phát hành giấy tờ có giá; huy động vốn từ nguồn ủy thác của các tổ chức trong nước, nước ngoài; vay tổ chức tín dụng trong nước, nước ngoài... Bên cạnh các sản phẩm truyền thống phục vụ tại quầy giao dịch, với định hướng phát triển ngân hàng hiện đại hội nhập quốc tế, BIDV cũng đã triển khai nhiều sản phẩm huy động vốn ứng dụng công nghệ cao, mang lại nhiều tiện ích cho khách hàng. Các sản phẩm tiền gửi tiêu biểu hiện tại bao gồm:

- Tiền gửi thanh toán: dành cho khách hàng sử dụng dịch vụ thanh toán mở tại Ngân hàng với mục đích gửi, giữ tiền hoặc thực hiện các giao dịch thanh toán qua Ngân hàng bằng các phương tiện thanh toán. Tài khoản thanh toán gắn với nhiều dịch vụ tiện ích như dịch vụ thẻ, dịch vụ ngân hàng điện tử, chuyển tiền ...
- Tài khoản thanh toán đặc biệt: Tiền gửi chuyên dùng đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam; Tiền gửi đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào Việt Nam; Tiền gửi ký quỹ; Tiền gửi chuyên thu; Tiền gửi thanh toán chuyên dùng.
- Tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn dành cho khách hàng với mức lãi suất hấp dẫn. Một số sản phẩm tiền gửi kỳ hạn BIDV cung cấp:
 - ✓ Sản phẩm tiền gửi thông thường;
 - ✓ Tiền gửi Online: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn được mở qua ứng dụng Smartbanking;
 - ✓ Nhóm sản phẩm tiền gửi tích lũy: Là sản phẩm tiền gửi kỳ hạn, khách hàng có thể gửi định kỳ tự động vào ngày mở tài khoản hàng tháng của khách hàng nhằm tích lũy cho nhu cầu tương lai, sản phẩm tiền gửi: Tích lũy trẻ em “Lớn lên cùng yêu thương”, Tiền gửi Tích lũy Bảo An; Tiền gửi tích lũy cho khách hàng doanh nghiệp;....
 - ✓ Tiền gửi như ý: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn mà khách hàng có thể lựa chọn kỳ hạn gửi tiền theo ngày phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn nhằm tối đa lợi ích cho khoảng thời gian vốn nhàn rỗi.
 - ✓ Tiền gửi tiết kiệm thông minh: Là sản phẩm tiền gửi có ngày đáo hạn tự động chuyển sang ngày làm việc tiếp theo nếu ngày đáo hạn của tài khoản trùng với ngày nghỉ/lễ để đảm bảo quyền lợi cho khách hàng.


- 
 Nguồn vốn huy động của BIDV bao gồm:
 - Tiền gửi của khách hàng.
 - Phát hành giấy tờ có giá, phát hành trái phiếu tăng vốn.
 - Tiền gửi và vay từ Chính Phủ và NHNN.
 - Tiền gửi và vay các TCTD khác.

Bảng 7: Nguồn vốn huy động giai đoạn 31/12/2019 – 30/06/2021

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		30/06/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền gửi của khách hàng	108.760	81,78%	1.226.674	88,29%	1.293.957	85,65%
Phát hành giấy tờ có giá, Trái phiếu tăng vốn	76.683	4,61%	63.237	4,55%	97.819	6,47%
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	1.114.163	7,98%	17.223	1,24%	16.532	1,09%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	62.772	5,63%	82.261	5,92%	102.454	6,78%
Tổng cộng	1.362.378	100%	1.389.395	100%	1.510.762	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét

- 
 Tiền gửi của khách hàng: Tiền gửi của khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn huy động, chiếm trên 80% tổng nguồn huy động vốn của BIDV trong giai đoạn 2019 – 6 tháng đầu năm 2021.

Bảng 8: Cơ cấu tiền gửi khách hàng giai đoạn 31/12/2019-30/06/2021

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
	Tổng tiền gửi khách hàng	1.114.163	1.226.674	1.293.957
	Phân theo kỳ hạn (%)			
1	Không kỳ hạn	16,01%	18,04%	18,18%
	Tiền gửi có kỳ hạn	82,86%	81,43%	81,44%
	Tiền gửi vốn chuyên dụng	1,13%	0,53%	0,38%
	Phân theo loại tiền (%)			
2	VND	94,73%	95,12%	95,16%
	Ngoại tệ	5,27%	4,88%	4,84%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét

Tiền gửi khách hàng dân cư chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng (duy trì tỷ trọng trên 50%), thể hiện BIDV đang thực hiện thành công chiến lược thu hút vốn theo hướng đẩy mạnh hoạt động ngân hàng bán lẻ.

Về kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn luôn đóng góp trên 80% tổng nguồn tiền gửi của khách hàng, giúp gia tăng tính ổn định của nguồn vốn. Tại thời điểm 30/06/2021, tiền gửi có kỳ hạn của BIDV đạt 1.053.828 tỷ đồng, tăng 54.995 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2020, tương đương mức tăng trưởng 5,51%. Đồng thời, với việc triển khai nhất quán các biện pháp gia tăng tiền gửi không kỳ hạn trong những năm gần đây, quy mô và tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn trong 6 tháng đầu năm 2021 đều gia tăng so với năm 2020 (số dư cuối kỳ tăng trưởng 6,3%), góp phần tiết giảm chi phí vốn đầu vào, gia tăng hiệu quả ngân hàng.

Bảng 9: Huy động tiền gửi khách hàng theo kỳ hạn giai đoạn 31/12/2019-30/06/2021

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Không kỳ hạn	178.384	221.331	235.216
Có kỳ hạn	923.233	998.834	1.053.828
Tiền gửi vốn chuyên dụng	12.546	6.509	4.912
Tổng	1.114.163	1.226.674	1.293.957

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét

Tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi khách hàng của BIDV (trên 90%). Tại 30/06/2021, tổng tiền gửi nội tệ là 1.231.320 tỷ đồng, tăng 64.485 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2020, tương đương mức tăng trưởng 5,53%.

Bảng 10: Huy động tiền gửi khách hàng theo đồng tiền giai đoạn 31/12/2019 - 30/06/2021

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
VND	1.055.404	1.166.835	1.231.320
Ngoại tệ	58.758	59.839	62.637
Tổng	1.114.163	1.226.674	1.293.957

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét

8.1.2. Hoạt động tín dụng

Hoạt động tín dụng luôn là hoạt động cốt lõi trong sự phát triển của BIDV. Tại thời điểm 30/06/2021, BIDV có tổng dư nợ cho vay khách hàng tổ chức kinh tế và dân cư hợp nhất đạt 1.297.445 tỷ đồng. BIDV hiện là một trong những ngân hàng có thị phần dư nợ tín dụng lớn nhất tại Việt Nam. Thu nhập từ hoạt động cho vay chiếm tỷ lệ cao nhất trong cơ cấu thu nhập của BIDV.

Quy mô và tốc độ tăng trưởng tín dụng

Tăng trưởng tín dụng bình quân năm của BIDV giai đoạn 2018-2020 là 10,8%. Tăng trưởng tín dụng của BIDV tại 31/12/2020 và 30/06/2021 lần lượt đạt mức 8,7% và 6,8%. Mục tiêu của BIDV giai đoạn này và trong giai đoạn tiếp theo là kiểm soát và quản lý chất lượng tín dụng,

chuyển dịch cơ cấu tín dụng, nền khách hàng và theo đúng yêu cầu của HĐQT BIDV, đảm bảo tuân thủ chỉ đạo của NHNN.

Bảng 11: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn trong giai đoạn 31/12/2019 - 30/06/2021

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		30/06/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	699.731	62,64	763.667	62,89	829.849	63,96
Nợ trung hạn	73.226	6,56	70.036	5,77	70.250	5,41
Nợ dài hạn	344.041	30,80	380.592	31,34	397.346	30,63
Tổng	1.116.998	100	1.214.296	100	1.297.445	100

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét



Chất lượng nợ cho vay

BIDV định hướng chú trọng quan hệ tín dụng đối với những khách hàng có tình hình tài chính lành mạnh, hạn chế cho vay khách hàng nhóm 2 và không cho vay những khách hàng ở nhóm nợ xấu. Danh mục tín dụng được rà soát thường xuyên để phát hiện kịp thời các khách hàng có biểu hiện yếu kém về tài chính và có tình hình đột biến, có nguy cơ không trả được nợ để chuyển xuống nhóm nợ xấu và đồng thời có biện pháp, kế hoạch xử lý.

Tỷ lệ nợ xấu của BIDV trong giai đoạn 2018-2020 ở mức dưới 2% do BIDV đã thực hiện đồng bộ các biện pháp ngăn ngừa và xử lý rủi ro kịp thời. Tại thời điểm 30/06/2021, tỷ lệ nợ xấu của BIDV là 1,63%. Phân loại nợ của BIDV theo chất lượng như sau:

Bảng 12: Phân loại nợ cho vay theo chất lượng trong giai đoạn 31/12/2019 - 30/06/2021

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		30/06/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.072.558	96,02	1.179.269	97,12	1.262.191	97,28
Nợ cần chú ý	24.944	2,23	13.658	1,12	14.078	1,09
Nợ dưới tiêu chuẩn	3.835	0,34	2.382	0,20	3.335	0,26
Nợ nghi ngờ	4.305	0,39	2.462	0,20	2.151	0,17
Nợ có khả năng mất vốn	11.356	1,02	16.525	1,36	15.691	1,21
Tổng cộng	1.116.998	100	1.214.296	100	1.297.445	100
Nợ xấu	19.496	1,75	21.369	1,76	21.176	1,63

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét

Từ thời điểm 01/06/2014, BIDV thực hiện việc phân loại nợ bằng việc áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đồng thời theo phương pháp định lượng và định tính quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Thông tư 02/2013/TT-NHNN (sau đây gọi là “**Thông tư 02**”) đã được sửa đổi,

bổ sung tại Thông tư 09/2014/TT-NHNN. Đối với các khách hàng không đủ điều kiện xếp hạng tín dụng nội bộ, BIDV thực hiện việc phân loại các khoản cho vay theo phương pháp định lượng dựa trên các quy định tại Điều 10 của Thông tư 02. Tại thời điểm 30/06/2021, tỷ lệ nợ xấu cho vay khách hàng tổ chức kinh tế và dân cư của BIDV là 1,63%; 97,28% dư nợ thuộc nhóm nợ đủ tiêu chuẩn, tỷ lệ nhóm nợ cần chú ý ở mức 1,09%.

BIDV đã được NHNN phê duyệt để tính toán và quản lý hệ số an toàn vốn theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN (Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn). Về khung quản lý rủi ro, BIDV đã ban hành quy định về khung quản lý rủi ro bao gồm: (i) xây dựng chiến lược quản lý rủi ro và hoàn thiện chính sách, quy trình quản lý rủi ro theo từng loại rủi ro; (ii) xác định khẩu vị rủi ro; (iii) tạo lập được cơ cấu tổ chức hướng dẫn theo thông lệ quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị rủi ro. Mặt khác, BIDV đang tích cực áp dụng công nghệ thông tin trong xây dựng, hoàn thiện công cụ quản lý chất lượng như hệ thống các công cụ đo lường rủi ro...

Bảng 13: Dự quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng của BIDV giai đoạn 31/12/2019-30/06/2021

Đơn vị: Tỷ đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2019	6.602	8.030	14.632
31/12/2020	10.512	8.544	19.056
30/06/2021	18.412	9.607	28.019

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét



Hoạt động bảo lãnh

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng và là thế mạnh của BIDV. Tại thời điểm 31/12/2020, số dư bảo lãnh của BIDV đạt 252.566 tỷ đồng và tại thời điểm 30/06/2021, tổng các cam kết ngoại bảng của BIDV là 286.328 tỷ đồng, trong đó bảo lãnh tài chính và cam kết thanh toán thư tín dụng là 276.842 tỷ đồng, các cam kết khác là 9.486 tỷ đồng.



Tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ của BIDV tại thời điểm 30/06/2021 là 8,81%, đáp ứng quy định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

8.1.3. Hoạt động kinh doanh ngoại hối và hoạt động thanh toán

Trong giai đoạn 2006 đến nay, hoạt động kinh doanh ngoại hối của BIDV đã đạt được nhiều kết quả khả quan, và đạt được các thành tích như: Giải thưởng của tạp chí Asia Money dành cho Ngân hàng nội địa cung ứng dịch vụ ngoại hối tốt nhất (2007-2009 và 2013-2016); Giải thưởng “Ngân hàng cung ứng dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam” do tạp chí Global Finance bình chọn năm 2017; Giải thưởng “Ngân hàng nội địa cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất” do Asian Banking & Finance bình chọn năm 2018 và 2019; 06 lần nhận giải thưởng Ngân hàng của Năm Việt Nam về quản trị rủi ro và kinh doanh các sản phẩm phái sinh trong các năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2017 và 2018 do tạp chí AsiaRisk trao tặng; Giải thưởng ADFIAP do Hiệp hội các Định chế Tài chính Châu Á - Thái Bình Dương trao tặng năm 2007; Giải thưởng của tạp chí Asia Money 4 năm liên tiếp (2013-2016) dành cho Ngân hàng nội địa có hoạt động phái

sinh lãi suất tốt nhất và Ngân hàng nội địa có hoạt động kinh doanh sản phẩm phái sinh hàng hóa tốt nhất; Ngân hàng nội địa có hoạt động nghiên cứu và phân tích tỷ giá, lãi suất tốt nhất năm 2013, 2014, 2015, 2016 và nhiều giải thưởng quốc tế danh giá khác.

Bảng 14: Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối giai đoạn 2019 – 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	6 tháng đầu năm 2021
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.495	1.732	785

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét

Dịch vụ ngoại hối

BIDV cung cấp dịch vụ mua bán ngoại tệ với các sản phẩm: mua bán ngoại tệ giao ngay, mua bán ngoại tệ kỳ hạn, hoán đổi ngoại tệ và quyền chọn ngoại tệ với nhiều đối tượng khách hàng khác nhau (tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh tế, khách hàng cá nhân...). BIDV luôn đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu khách hàng bằng việc cung cấp tỷ giá cạnh tranh và phương thức giao dịch linh hoạt, qua đó góp phần hỗ trợ phát triển các hoạt động khác của ngân hàng như hoạt động tín dụng, thanh toán quốc tế, huy động tiền gửi bằng ngoại tệ...; đồng thời, đưa hoạt động kinh doanh ngoại tệ trở thành hoạt động có đóng góp lớn trong tổng thu nhập dịch vụ tại BIDV.

Dịch vụ phái sinh

BIDV bắt đầu triển khai cung cấp các sản phẩm phái sinh trên toàn hệ thống từ cuối năm 2006. Hiện BIDV là ngân hàng Việt Nam tiên phong trong việc nghiên cứu, triển khai các sản phẩm phái sinh phòng ngừa rủi ro tỷ giá, lãi suất, giá cả hàng hóa trên thị trường Việt Nam và được các ngân hàng đối tác nước ngoài đánh giá rất cao. Từ chỗ bắt đầu với một vài sản phẩm cơ bản năm 2006, đến nay BIDV đã triển khai hơn 20 sản phẩm phái sinh khác nhau trong 02 mảng phái sinh bao gồm phái sinh tài chính và phái sinh hàng hóa như hoán đổi lãi suất một đồng tiền, hoán đổi tiền tệ chéo, đầu tư cơ cấu, hàng hóa tương lai, hoán đổi giá cả hàng hóa, phái sinh hàng hóa OTC... Các sản phẩm phái sinh đa dạng đã mang lại lợi ích rất lớn cho khách hàng, càng khẳng định vị thế dẫn đầu thị trường. Vì vậy, BIDV được các tạp chí uy tín trên thế giới đánh giá rất cao với 6 lần (2012-2015, 2017 và 2018) giành giải thưởng “Ngân hàng cung cấp sản phẩm phái sinh tốt nhất thị trường Việt Nam – House of the year, Vietnam” của tạp chí tài chính uy tín Asia Risk và 4 lần liên tiếp (2013-2016) được Tạp chí AsiaMoney bình chọn là “Ngân hàng cung cấp sản phẩm phái sinh tốt nhất thị trường Việt Nam do khách hàng bình chọn”.

Hoạt động thanh toán

Dịch vụ thanh toán (bao gồm thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế) là một trong ba dòng sản phẩm đóng góp chính trong tổng thu dịch vụ BIDV. BIDV cung cấp hàng trăm sản phẩm dịch vụ cho đối tượng khách hàng là cá nhân, tổ chức và định chế tài chính. So với năm 2019, hoạt động thanh toán năm 2020 của BIDV đạt được một số kết quả đáng khích lệ: doanh thu từ dịch vụ thanh toán trong nước đạt 26,980 nghìn tỷ VND (tăng 6,65%), số lượng giao dịch đạt 44,95 triệu giao dịch (giảm nhẹ 1,67%), doanh số thanh toán xuất nhập khẩu đạt gần 32 tỷ USD (tăng 2,41%). Trong 6 tháng đầu năm, doanh thu từ dịch vụ thanh toán và doanh số thanh toán

xuất nhập khẩu cũng tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2020, cụ thể: doanh số thanh toán trong nước đạt 18.138 nghìn tỷ (tăng 59,58%), số lượng giao dịch đạt 23,5 triệu giao dịch (tăng 14,93%), doanh số thanh toán xuất nhập khẩu đạt hơn 31 tỷ USD (tăng 35,95%).

Bảng 15: Kết quả hoạt động thanh toán quốc tế của BIDV giai đoạn 2019-6 tháng năm 2021

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	Tăng trưởng so với 2018	Giá trị	Tăng trưởng so với 2019	Giá trị	Tăng trưởng so với cùng kỳ 2020
Thanh toán trong nước						
Số lượng giao dịch (triệu)	45,60	17,8%	44,95	(1,67)%	23,50	14,93%
Doanh số thanh toán (nghìn tỷ đồng)	25.294	34,0%	26.980	6,65%	18.138	59,58%
Thanh toán quốc tế và TTTM						
Doanh số thanh toán XNK (triệu USD)	30.385	12,9%	31.578	2,41%	30.769	35,95%

Nguồn: BIDV


 Dịch vụ Thanh toán trong nước

Đây là dịch vụ thế mạnh của BIDV, được hỗ trợ bởi hệ thống các kênh thanh toán đa dạng, tốc độ xử lý nhanh, an toàn và bảo mật. Ngoài việc tham gia các kênh thanh toán do NHNN tổ chức như thanh toán điện tử liên ngân hàng (IBPS), BIDV còn chủ động xây dựng chương trình kết nối thanh toán song phương/đa phương với 36 đối tác là các NHTM, các định chế tài chính, trong đó kết nối giao dịch 24h/7 ngày với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Bên cạnh các sản phẩm dịch vụ thanh toán truyền thống, để không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ thanh toán, BIDV đã triển khai các kênh giao dịch hiện đại như Internet/Mobile banking/Smartbanking và ngày càng khẳng định thương hiệu của mình trong việc đón đầu xu thế cung cấp dịch vụ Nộp thuế điện tử, Thanh toán hóa đơn Online, Thu chi hộ điện tử, Quản lý dòng tiền ưu việt, Chuyển tiền nhanh liên ngân hàng 24/7, Chuyển tiền qua số điện thoại, Thu ngân sách qua POS, Nộp thuế Hải quan điện tử 24/7, Cổng thanh toán E-merchant cho thẻ nội địa, máy giao dịch tự động B-Smart với nhiều tính năng như mở tài khoản, nộp, rút tiền mặt. Với nền tảng công nghệ hiện đại, nổi bật với chương trình hạch toán tự động điện trong nước đến - IMAP xử lý tập trung 100% điện đến của toàn hệ thống BIDV, bình quân xử lý trên 2,2 triệu điện/tháng, tỷ lệ xử lý tự động hoàn toàn lên đến hơn 95%, nên các sản phẩm dịch vụ của BIDV không chỉ được khách hàng đánh giá cao mà còn được các Tổ chức uy tín trong và ngoài nước công nhận và trao tặng nhiều danh hiệu, giải thưởng như:

- Năm 2017:
- + Giải Bạc hạng mục khu vực tư nhân Giải thưởng Công nghệ thông tin - Truyền thông AICTA (ASEAN ICT Awards) với “Chương trình Thanh toán đa phương”; “Ngân hàng bán lẻ tiêu biểu nhất”.

- + Giải thưởng “Sản phẩm dịch vụ Sáng tạo độc đáo” với sản phẩm BIDV Smart Banking (ứng dụng thanh toán qua điện thoại di động) do Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) và Tập đoàn dữ liệu quốc tế (IDG) bình chọn.
- Năm 2018:
- + “Top 10 Sao Khuê với sản phẩm “BIDV iBank”.
- + Giải “Ngân hàng cung cấp dịch vụ thanh toán tốt nhất Việt Nam” và “Ngân hàng giao dịch tốt nhất Việt Nam” do Tạp chí The Asian Banker trao tặng.
- Năm 2019:
- + “Giải thưởng Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc với giải pháp BIDV iBank năm 2019” do Hội Truyền thông số Việt Nam trao tặng.
- + Giải thưởng Sao Khuê năm 2019 với sản phẩm “Ứng dụng công nghệ tự động hóa RPA trong nghiệp vụ thanh toán theo bảng kê tại BIDV”, sản phẩm “Chương trình Cổng thanh toán kiều hối cho khách hàng cá nhân”.
- Năm 2020, BIDV tiếp tục nhận được giải thưởng Sao Khuê cho các Sản phẩm “Hệ thống cung ứng dịch vụ Sao kê tài khoản khách hàng tại BIDV”, “Hệ thống Đầu tư tiền gửi tự động và thanh toán song phương cho bảo hiểm xã hội Việt Nam”,...

 **Dịch vụ thanh toán quốc tế và thanh toán xuất nhập khẩu**

Với 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài trợ thương mại, là một trong những ngân hàng có hoạt động thanh toán quốc tế - tài trợ thương mại lớn nhất tại Việt Nam. BIDV cung cấp đầy đủ các sản phẩm thanh toán quốc tế truyền thống, đồng thời không ngừng phát triển các sản phẩm mới, chú trọng tăng cường kiểm soát rủi ro, tăng tính tiện ích cho người sử dụng, giảm thiểu hồ sơ thủ tục và thời gian xử lý, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng. Trong năm 2020, BIDV đã phát triển thành công một số sản phẩm, dịch vụ thanh toán quốc tế mới bao gồm: Sản phẩm chuyển tiền quốc tế từ Hàn Quốc về Việt Nam trên cơ sở hợp tác giữa KEB Hana Bank và BIDV, Sản phẩm chuyển tiền quốc tế từ Campuchia về Việt Nam trên cơ sở hợp tác giữa BIDV và BIDC, dịch vụ kiều hối với Credit Union (tại thị trường Nga, Séc).

BIDV thường xuyên chú trọng ứng dụng những nền tảng công nghệ hiện đại nhất vào việc nâng cấp, cải tiến sản phẩm dịch vụ thanh toán quốc tế. Trong 3 năm gần đây, BIDV đã triển khai thành công các dự án lớn như:

- Triển khai HUB SW cho các liên doanh góp vốn trong và ngoài nước về trụ sở BIDV tại Việt Nam;
- Triển khai Swift GPI với 3 vai trò là ngân hàng gửi điện, ngân hàng trung gian và ngân hàng nhận điện với các dịch vụ gCCT, gCOV, gSRP và API phiên bản mới (version 3). Điểm khác biệt của BIDV với các ngân hàng Việt Nam đã triển khai Swift GPI là BIDV đã sử dụng phương thức kết nối API với hệ thống Swift để đồng bộ tức thời trạng thái xử lý điện trên từ hệ thống Swift về hệ thống các chương trình nội bộ của BIDV;
- Kết nối API với Công ty chuyển tiền nhanh Western Union;
- Ký kết và triển khai thành công dịch vụ kiểm soát giao dịch giá trị cao với các ngân hàng đối tác nước ngoài như Standard Chartered, JP Morgan Chase,...

- Kết nối trực tiếp công thông tin của Cục Hải quan phục vụ tra cứu và áp dụng cơ chế đơn giản hóa thủ tục cung cấp tờ khai hải quan điện tử;
- Triển khai thành công ứng dụng RPA vào phân chia điện Swift đến tại chương trình Gateway Monitor của BIDV, góp phần tăng tỷ lệ xử lý tự động điện Swift đến tại chương trình Gateway Monitor lên đến 90%.

Với mạng lưới hơn 1.000 ngân hàng đại lý, giao dịch tài khoản trực tiếp với khoảng 50 ngân hàng trên toàn thế giới và nền tảng công nghệ hiện đại, hoạt động thanh toán quốc tế tại BIDV luôn được xử lý an toàn, chính xác, nhanh chóng, đem lại sự hài lòng cho khách hàng. Hoạt động thanh toán quốc tế tại BIDV đã được nhiều ngân hàng đại lý đánh giá cao, BIDV liên tiếp nhiều năm nhận giải thưởng dành cho “Ngân hàng có tỷ lệ điện xử lý tự động STP cao nhất” của các ngân hàng lớn trên thế giới như: Bank of New York Mellon, ngân hàng Standard Charter Bank, JP Morgan Chase Bank, Wells Fargo Bank...

Đặc biệt trong năm 2020, BIDV được Tổ chức Forbes công bố thuộc danh sách 2.000 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất thế giới 2020 - Global 2000, đồng thời được Brand Finance công bố thuộc danh sách Top 500 thương hiệu ngân hàng giá trị nhất thế giới năm 2020.

Hoạt động tài trợ thương mại và bảo lãnh quốc tế, chuyên tiền của BIDV cũng được cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức Quacert và được kiểm soát theo Mục tiêu chất lượng công bố công khai về thời gian thực hiện và sự hài lòng của khách hàng.

8.1.4. Hoạt động ngân hàng đại lý

BIDV là ngân hàng thương mại đã có hơn 27 năm kinh nghiệm quản lý các nguồn vốn ủy thác nước ngoài của các tổ chức tài chính quốc tế Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), Ngân hàng Đầu tư Châu Âu (EIB), Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB) và Chính phủ các nước Nga, Đức, Thụy Sĩ, Pháp. Thông qua việc quản lý hơn 200 chương trình/dự án có tổng số vốn cam kết của Nhà tài trợ hơn 18,1 tỷ USD, BIDV đã góp phần không nhỏ trong việc thúc đẩy sự phát triển các ngành công nghiệp thiết yếu của Việt Nam như than, điện, nước, giao thông, gang thép, xi măng..., giúp cải thiện đời sống, cải thiện môi trường, nâng cao trình độ cho người dân, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. BIDV đã tham gia cho vay lại và phục vụ nhiều nguồn vốn lớn như: (i) nguồn vốn của WB cho Dự án hiệu quả lưới điện truyền tải (500 triệu USD), Chương trình hỗ trợ phát triển chính sách cải cách ngành điện giai đoạn 1 (312 triệu USD), Dự án phát triển nông thôn tổng hợp nhằm cải thiện khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu vùng ĐBSCL (310 triệu USD), Dự án chuyển đổi nông nghiệp nông thôn bền vững (238 triệu USD), Dự án năng lượng tái tạo (hơn 200 triệu USD), Dự án tiết kiệm năng lượng cho ngành công nghiệp Việt Nam (50 triệu USD); (ii) nguồn vốn của ADB cho Dự án xây dựng đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai (1.096 triệu USD), Chương trình khắc phục khủng hoảng CSF (500 triệu USD)... Bên cạnh đó, BIDV không ngừng mở rộng quan hệ hợp tác, hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau; đặc biệt là tích cực triển khai cung cấp những khoản vay hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ theo định hướng của Chính phủ. Các doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đều có thể tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi từ các Tổ chức tài chính quốc tế thông qua sử dụng nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ do Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) và Cơ quan phát triển Pháp (AFD) tài trợ. Theo thời gian, hoạt động cho vay ủy thác được tăng cường nhưng luôn chú trọng nâng cao về chất lượng quản trị rủi ro để đảm bảo tăng trưởng dư nợ ủy thác gắn liền với an toàn, giữ vững uy tín với Nhà tài trợ, thực hiện tốt vai trò được các Bộ ngành ủy quyền trong quá trình cho vay lại, phục vụ các nguồn vốn. Kết quả, tính đến 31/12/2020, tổng dư nợ nguồn vốn ủy thác nước ngoài đạt 50.845 tỷ đồng. Với ưu thế trong lĩnh vực tín dụng đầu tư, hệ thống chi nhánh rộng khắp cả nước, đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp

trong cho vay lại, phục vụ các nguồn vốn ủy thác nước ngoài cùng khả năng cung cấp nhiều dịch vụ ngân hàng đa dạng có thể hỗ trợ quá trình thực hiện các nguồn vốn đạt kết quả cao, BIDV là cầu nối hiệu quả cho dòng vốn vay nước ngoài của Chính phủ, đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai các nguồn vốn ủy thác nước ngoài thành công.

8.2. Tài sản

8.2.1. Chi tiết các tài sản của BIDV tại thời điểm 30/06/2021

Bảng 16: Chi tiết tài sản cố định tại 30/06/2021

Đơn vị: Tỷ đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao/Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
Theo BCTC riêng				
1. TSCĐ hữu hình	12.153	(6.840)	5.314	43,73%
<i>Máy móc, thiết bị</i>	4.419	(3.499)	919	20,80%
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	170	(146)	24	14,12%
<i>Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn</i>	1.293	(923)	371	28,69%
<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	6.151	(2.169)	3.982	64,74%
<i>TSCĐ hữu hình khác</i>	120	(103)	18	15,00%
2. TSCĐ vô hình	5.727	(1.651)	4.075	71,59%
<i>Quyền sử dụng đất</i>	4.243	(383)	3.860	90,97%
<i>Phần mềm máy vi tính</i>	1.481	(1.268)	213	14,38%
<i>TSCĐ vô hình khác</i>	2	-	2	100,00%
Tổng	17.880	(8.491)	9.389	52,51%
Theo BCTC hợp nhất				
1. TSCĐ hữu hình	13.475	(7.550)	5.925	43,97%
<i>Máy móc, thiết bị</i>	4.742	(3.819)	923	19,46%
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	194	(165)	29	14,95%
<i>Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn</i>	1.434	(1.066)	368	25,66%
<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	6.890	(2.311)	4.579	66,46%
<i>TSCĐ hữu hình khác</i>	216	(189)	27	23,09%
2. TSCĐ vô hình	6.049	(1.822)	4.227	69,88%
<i>Quyền sử dụng đất</i>	4.340	(383)	3.957	91,18%
<i>Phần mềm máy vi tính</i>	1.697	(1.433)	264	15,56%
<i>TSCĐ vô hình khác</i>	12	(6)	6	50,00%
Tổng	19.524	(9.372)	10.152	52,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét

8.2.2. Một số tài sản lớn của BIDV tại thời điểm 30/06/2021

Bảng 17: Một số tài sản lớn của BIDV tại thời điểm 30/06/2021

Đơn vị: Triệu đồng


Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao/Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
Quyền sử dụng (QSD) đất tại 74 Thợ Nhuộm, HN	416.718	0	416.718	100,00%
QSD đất 50 năm tại Nguyễn Huệ, Q1, TP HCM	478.770	(101.243)	377.527	78,86%
QSD đất lâu dài tại Nguyễn Thị Minh Khai, TP HCM	300.113	0	300.113	100,00%
Trụ sở chính tại Tháp A 191 Bà Triệu HN	374.382	(157.815)	216.566	57,85%
QSD đất tại số 56-62 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, TP HCM	186.047	0	186.047	100,00%

Nguồn: BIDV

8.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

a. Quản lý rủi ro tín dụng

Nhận thức được tầm quan trọng của việc quản lý RRTD, BIDV đã và đang xây dựng hệ thống quản lý RRTD đầy đủ, toàn diện theo quy định của NHNN và dần tiến đến áp dụng các chuẩn mực theo đúng thông lệ quốc tế. Kể từ ngày 01/12/2019, BIDV đã được NHNN công nhận đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu cùng với hàng loạt các chuẩn mực Basel II theo Thông tư 41 của NHNN. Việc quản lý rủi ro tín dụng được tiến hành có hệ thống từ việc xác định khẩu vị rủi ro, đo lường đến việc phòng ngừa, xử lý rủi ro tín dụng. BIDV đã triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm quản lý rủi ro tín dụng hiệu quả trong toàn hệ thống.

 Định hướng hoạt động tín dụng

Hoạt động tín dụng của BIDV tăng trưởng ổn định, bền vững phù hợp với phê duyệt của NHNN. Trong từng năm, Ngân hàng xác định cơ cấu, giới hạn tín dụng trong từng ngành nghề, lĩnh vực, thời hạn vay, loại tiền, khu vực địa lý ... khác nhau để tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo các mục tiêu kinh doanh trong năm.

 Mô hình quản lý rủi ro

Hiện nay, BIDV thực hiện phân cấp thẩm quyền trong phán quyết tín dụng từ các cấp tại Hội sở chính (Hội đồng quản trị, Ủy Ban Quản lý rủi ro, Hội đồng Tín dụng trung ương, Ban điều hành...) đến các cấp, chức danh tại Chi nhánh. Việc phân cấp cho các cấp, chức danh điều hành tại Chi nhánh đảm bảo phù hợp theo các quy trình cấp tín dụng bán buôn, bán lẻ và mức phân cấp được Hội sở chính rà soát, giao hàng năm cho từng chi nhánh căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế, mục tiêu kiểm soát rủi ro tín dụng của chi nhánh. Các tiêu chí để xác định mức thẩm quyền phán quyết tín dụng đối với Chi nhánh bao gồm: (i) hiệu quả tín dụng; (ii) chất

lượng hoạt động tín dụng; (iii) quy mô dư nợ của Chi nhánh; (iv) hiệu quả, năng lực quản trị điều hành của chi nhánh và (v) các căn cứ khác.

Mô hình tổ chức phê duyệt và quản lý rủi ro tín dụng tại BIDV được thành lập với 3 khối chính: Khối quan hệ khách hàng (bán buôn và bán lẻ), Khối quản lý rủi ro và Khối tác nghiệp. BIDV đã thành lập Ủy ban Quản lý Rủi ro trực thuộc HĐQT; Hội đồng Tín dụng trung ương trực thuộc Tổng giám đốc và Hội đồng tín dụng cơ sở thuộc chi nhánh. Bên cạnh đó, hệ thống kiểm soát nội bộ được xây dựng tại ba miền và quản lý tập trung tại Hội sở chính, luôn tiến hành các đợt kiểm tra rà soát tính tuân thủ chính sách, quy trình nội bộ của BIDV cũng như các quy định của pháp luật, đảm bảo BIDV có thể phòng ngừa và hạn chế được rủi ro trong hoạt động tín dụng.



Quy trình đánh giá rủi ro tín dụng

BIDV không ngừng hoàn thiện quy trình quản trị rủi ro thông qua việc (i) thường xuyên rà soát quy trình đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và nên khách hàng của BIDV, (ii) xác định khẩu vị và chiến lược rủi ro từng thời kỳ, và (iii) triển khai các dự án nhằm tăng cường và hiện đại hóa việc quản trị rủi ro của Ngân hàng như xây dựng hệ thống công cụ đo lường rủi ro hiện đại...

Về quản trị danh mục tín dụng: Trên cơ sở chiến lược phát triển từng thời kỳ (định hướng kinh doanh, khách hàng và thị trường mục tiêu) BIDV đã xây dựng và ban hành chiến lược và khẩu vị rủi ro/giới hạn tín dụng theo ngành/lĩnh vực... nhằm mục tiêu đa dạng hóa danh mục tín dụng, kiểm soát rủi ro đảm bảo an toàn và hiệu quả tối ưu. Theo đó BIDV đẩy mạnh cho vay đối với các ngành được đánh giá có triển vọng tốt, ngành được Chính phủ ưu tiên nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc phân tán rủi ro, không tập trung vào một số ít ngành lĩnh vực, đồng thời hạn chế cho vay đối với các ngành có độ rủi ro cao và các ngành không phù hợp với chiến lược phát triển của Việt Nam và xu hướng hội nhập quốc tế,...



Công cụ quản lý rủi ro

BIDV đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro thông qua việc xây các công cụ phục vụ mục tiêu quản trị rủi ro hệ thống như: Hệ thống thông tin quản lý (MIS); Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ (liên tục cải tiến và hoàn thiện nhằm phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro để thực hiện phân loại nợ và áp dụng các chính sách phù hợp)... Ngoài ra, BIDV đang phối hợp cùng tư vấn xây dựng triển khai các dự án nhằm quản trị rủi ro theo các thông lệ quốc tế như: Các công cụ mới như thử nghiệm khủng hoảng (stress test), mô hình xác định VaR theo phương pháp Monte Carlo... vào thực tiễn hoạt động của ngân hàng để ngày càng hoàn chỉnh hệ thống công cụ quản lý rủi ro thị trường đáp ứng yêu cầu quản lý rủi ro của NHNN và hướng theo thông lệ quốc tế.

BIDV thực hiện Phân loại nợ định kỳ theo cả phương pháp định lượng và phương pháp định tính được quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Thông tư 02/2013/NHNN của NHNN, trường hợp kết quả phân loại một khoản nợ theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 khác nhau thì khoản nợ phải được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng do Trung tâm thông tin tín dụng (CIC) cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

Dự phòng chung được tính bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Dự phòng cụ thể được tính bằng giá trị còn lại của khoản nợ trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định của NHNN:

STT	Hạng	Nhóm nợ	Phân loại nợ	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	AAA	Nhóm 1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	AA+			
3	AA			
4	AA-			
5	A+			
6	A			
7	A-			
8	BBB			
9	BB+			
10	BB			
11	BB-	Nhóm 2	Nợ cần chú ý	5%
12	B			
13	D1	Nhóm 3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
14	D2	Nhóm 4	Nợ nghi ngờ	50%
15	D3	Nhóm 5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Ngoài ra, BIDV duy trì hệ thống thông tin báo cáo để phục vụ cả mục tiêu quản lý nội bộ và nhằm báo cáo các cơ quan chức năng. Các thông tin về danh mục tín dụng, chất lượng tín dụng...đều được báo cáo Hội đồng Quản trị và Ban điều hành theo định kỳ hoặc đột xuất.

BIDV duy trì hệ thống thông tin báo cáo để phục vụ cả mục tiêu quản lý nội bộ và nhằm báo cáo các cơ quan chức năng. BIDV đã hoàn tất dự án hiện đại hoá, theo đó BIDV có thể khai thác thông tin về khách hàng, nhóm khách hàng, danh mục tín dụng tự động từ hệ thống.




b. Quản lý rủi ro thanh khoản

BIDV triển khai quản lý rủi ro thanh khoản theo đúng các quy định của NHNN trong từng thời kỳ. Quản lý rủi ro thanh khoản được thực hiện tập trung tại trụ sở chính với cơ cấu tổ chức được thiết lập theo mô hình 3 tuyến bảo vệ. Hệ thống văn bản chế độ về quản lý rủi ro thanh khoản được ban hành đồng bộ từ chính sách, quy định đến các cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ, trong đó xác định rõ phương pháp, mô hình đo lường rủi ro thanh khoản, trách nhiệm của từng đơn vị thực hiện, biện pháp xử lý, khắc phục trong trường hợp rủi ro thanh khoản xảy ra. Bên cạnh các chỉ tiêu an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN, BIDV còn thiết lập giới hạn đối với hệ thống chỉ tiêu nội bộ và dấu hiệu và xây dựng bộ chỉ tiêu nhận dạng căng thẳng thanh khoản; thực hiện tính toán, theo dõi và báo cáo hàng ngày để đưa ra các cảnh báo kịp thời. BIDV luôn bám sát các diễn biến của thị trường, nhu cầu thanh toán của khách hàng và dự kiến các tình huống bất lợi để chuẩn bị sẵn các kịch bản điều hành cân đối vốn phù hợp. Kiểm tra sức chịu đựng rủi ro thanh khoản cũng được thực hiện định kỳ 2 lần/năm nhằm xác định khả năng chống đỡ của ngân hàng trước các điều kiện căng thẳng thanh khoản, từ đó có biện pháp dự phòng ứng phó phù hợp. BIDV cũng đã xây dựng mô hình hành vi khách hàng cho một số sản phẩm chính để dự đoán chính xác hơn dòng tiền thực tế, qua đó tăng cường hiệu quả công tác quản lý rủi ro thanh khoản. Việc mua sắm giải pháp ALM theo thông lệ bao gồm các cấu phần tính toán các chỉ tiêu Basel III, quản lý rủi ro thanh khoản trong ngày...cũng đang được xúc tiến

triển khai.







c. Quản lý rủi ro thị trường





Quản lý rủi ro thị trường được xác định là một trong những loại rủi ro trọng yếu cần quản lý, theo dõi, kiểm soát chặt chẽ tại BIDV. Công tác quản lý rủi ro thị trường được thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong triển khai, cụ thể:

-  Về mô hình quản lý: Quản lý rủi ro thị trường được thực hiện tập trung tại Trụ sở chính theo mô hình 3 tuyến bảo vệ.
-  Về văn bản chế độ: BIDV đã ban hành đầy đủ các văn bản chế độ hệ thống, đồng bộ từ chính sách, quy định đến các cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ, thực hiện rà soát các văn bản hàng năm nhằm đảm bảo tuân thủ đúng quy định của NHNN và phù hợp thực tế.
-  Về công cụ quản lý: BIDV đã thiết lập hệ thống hạn mức, giới hạn kiểm soát rủi ro thị trường (LCS) bao gồm đầy đủ các hạn mức và ngưỡng cảnh báo sớm cho từng danh mục/sản phẩm, đồng thời nghiên cứu, áp dụng hệ thống công cụ quản lý rủi ro thị trường đáp ứng yêu cầu NHNN và phù hợp theo thông lệ Basel bao gồm Trạng thái rủi ro; Lãi/lỗ thực tế và dự kiến; Độ nhạy (BPV, thời lượng, độ lồi); Giá trị chịu rủi ro (VaR); Kiểm tra hồi tố/Kiểm nghiệm giả thuyết (Backtest); Kiểm tra sức chịu đựng (Stresstest). Ngoài ra, BIDV đã chủ động nghiên cứu các phương pháp tính vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường theo Basel II, triển khai tính vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN và kiểm tra sức chịu đựng về vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

d. Quản lý rủi ro hoạt động

Để quản lý rủi ro hoạt động, BIDV đã triển khai các công việc bảo đảm tuân thủ quy định của NHNN, phù hợp với thông lệ quốc tế và tình hình hoạt động thực tế:









-  Thiết lập cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro hoạt động theo mô hình 3 tuyến bảo vệ.
-  Ban hành đầy đủ hệ thống văn bản chế độ.
-  Thiết lập khâu vị, hạn mức rủi ro hoạt động, và cơ chế theo dõi, giám sát.
-  Nghiên cứu, triển khai các công cụ quản lý rủi ro hoạt động (Tự đánh giá rủi ro và kiểm soát - RCSA, Chỉ số rủi ro trọng yếu - KRI, Thu thập và phân tích dữ liệu tổn thất rủi ro hoạt động, sử dụng phát hiện của kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập).
-  Triển khai quản lý rủi ro hoạt động đối với sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới, quản lý rủi ro hoạt động đối với hoạt động thuê ngoài, quản lý rủi ro hoạt động trong ứng dụng công nghệ, xây dựng, triển khai kế hoạch duy trì hoạt động liên tục và mua bảo hiểm để giảm thiểu tổn thất rủi ro hoạt động.
-  BIDV đã chủ động xây dựng, triển khai kế hoạch duy trì hoạt động liên tục bao gồm Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục ứng phó với dịch Covid-19 trong toàn hệ thống, tuân thủ chỉ đạo của Chính phủ, NHNN, cơ quan chức năng trên địa bàn và phù hợp với tình hình thực tế, hoạt động của toàn hệ thống diễn ra bình thường và đáp ứng nhu cầu khách hàng.

-  Triển khai tính vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN và kiểm tra sức chịu đựng về vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN.
-  Nghiên cứu xây dựng và phát triển các chương trình, giải pháp phần mềm hỗ trợ công tác quản lý rủi ro hoạt động.
-  Xây dựng và triển khai hệ thống báo cáo rủi ro hoạt động định kỳ, đột xuất.
-  Triển khai các chương trình đào tạo, truyền thông định kỳ nhằm nâng cao kiến thức, nhận thức và văn hóa quản lý rủi ro, đồng thời xây dựng thư viện đào tạo quản lý rủi ro hoạt động để cập nhật kiến thức đến các đơn vị/cán bộ trong hoàn hệ thống.

e. Quản lý rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là những sự kiện pháp lý bất lợi nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại vật chất hoặc phi vật chất đối với hoạt động của doanh nghiệp. Rủi ro nói chung và rủi ro pháp lý trong hoạt động ngân hàng luôn được đề cao hơn vì kinh doanh ngân hàng là loại hình kinh doanh đặc biệt, tiềm ẩn nhiều rủi ro và có khả năng gây tác động đổ vỡ mang tính hệ thống.

Tại BIDV, hoạt động quản lý, kiểm soát và hạn chế rủi ro pháp lý luôn được tôn trọng, đề cao trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật. Theo đó, các hoạt động để quản lý rủi ro pháp lý của BIDV được thể hiện trên các mặt:

-  Đối với từng mảng nghiệp vụ hoạt động đã xây dựng và ban hành hệ thống quy định, quy trình, quy chế, mẫu biểu hướng dẫn thực hiện tất cả các mảng nghiệp vụ để áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống; thường xuyên hệ thống hóa, pháp điển hóa để đảm bảo sự thống nhất, phù hợp;
-  Thẩm định pháp lý toàn diện đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật đối với tất cả các văn bản chế độ nội bộ của BIDV trước khi ban hành và áp dụng trên thực tế;
-  Tư vấn pháp lý thường xuyên trong mọi hoạt động BIDV, đặc biệt là tư vấn xử lý tranh chấp, thu hồi nợ;
-  Đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và văn bản chế độ nội bộ cho cán bộ toàn hệ thống;
-  Giám sát, kiểm tra sau đối với quá trình triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật và văn bản nội bộ;
-  Luôn cập nhật các chính sách, quy định pháp luật mới ban hành;
-  Chủ động: (a) nghiên cứu, tham gia quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động của BIDV từ đó nắm bắt xu hướng thay đổi chính sách pháp luật và có định hướng hoạt động phù hợp; và (b) kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi các mâu thuẫn, bất cập, chòng chéo tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành;
-  Thường xuyên kiện toàn, tăng cường, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ pháp chế đảm bảo đủ năng lực đáp ứng nhu cầu tư vấn pháp lý ngày càng tăng đối với hoạt động nghiệp vụ trong toàn bộ hệ thống.

Đối với các giao dịch có giá trị lớn, tính chất phức tạp hoặc liên quan đến yếu tố nước ngoài, BIDV chỉ định các công ty luật có uy tín, kinh nghiệm để tư vấn nhằm đảm bảo chặt chẽ, tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan và hạn chế các rủi ro pháp lý. Bên cạnh sự hỗ trợ từ Ban Pháp chế, các đơn vị thành viên cũng được phép thuê luật sư bên ngoài để giải quyết các vấn đề pháp lý của mình.

8.4. Thị trường hoạt động

a. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện

Là một trong ba ngân hàng thương mại có mạng lưới rộng nhất Việt Nam, BIDV có địa bàn kinh doanh trải dài và mạng lưới rộng khắp, phủ kín 63 tỉnh/thành phố trên cả nước với tổng số điểm mạng lưới đến 30/06/2021 gồm:

- 01 Trụ sở chính tại Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- 189 chi nhánh tại Việt Nam;
- 1 chi nhánh nước ngoài (tại Myanmar);
- 895 Phòng Giao dịch;
- 03 đơn vị sự nghiệp (Trung tâm Công nghệ Thông tin, Trung tâm dịch vụ kho quỹ phía Nam, Viện đào tạo và nghiên cứu);
- 02 Văn phòng Đại diện tại Việt Nam (TP.Hồ Chí Minh và TP.Đà Nẵng);
- 04 Văn phòng Đại diện tại nước ngoài (Campuchia, Lào, Đài Loan, Liên Bang Nga).

Mạng lưới chi nhánh tại Việt Nam của BIDV phân theo khu vực địa bàn như sau:

- 34 Chi nhánh tại thành phố Hà Nội;
- 36 Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- 18 Chi nhánh tại địa bàn động lực phía Bắc ngoài thành phố Hà Nội;
- 6 Chi nhánh tại địa bàn Đồng Bằng Sông Hồng;
- 17 Chi nhánh tại địa bàn miền núi phía Bắc;
- 14 Chi nhánh tại Bắc Trung Bộ;
- 15 Chi nhánh tại Nam Trung Bộ;
- 12 Chi nhánh tại Tây Nguyên;
- 15 Chi nhánh tại địa bàn động lực phía Nam ngoài thành phố Hồ Chí Minh;
- 22 Chi nhánh tại Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Mạng lưới hoạt động trong nước phân bố rộng khắp các tỉnh/thành phố giúp BIDV tiếp cận một số lượng lớn khách hàng trên toàn quốc và các khu lân cận, cung cấp dịch vụ đa dạng cho nhiều

đối tượng khách hàng từ cá nhân, hộ gia đình đến các loại hình tổ chức, doanh nghiệp.

b. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng**Về mạng lưới khách hàng:****- Khách hàng doanh nghiệp lớn**

Phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn của BIDV là các khách hàng có doanh thu bình quân 2 năm gần nhất trên 500 tỷ đồng hoặc giới hạn cấp tín dụng trên 200 tỷ đồng hoặc tiền gửi bình quân 2 năm gần nhất trên 50 tỷ đồng. Theo đó, BIDV đã tập trung khai thác tối đa tiềm năng khách hàng hiện tại, tăng cường mở rộng nền tảng khách hàng lõi, phát triển hệ thống quản trị xuyên suốt cùng cơ chế chính sách khách hàng linh hoạt phù hợp theo từng nhóm khách hàng. Năm 2020, BIDV đang có 3.594 khách hàng doanh nghiệp lớn trong đó tập trung chủ yếu ở địa bàn Hà Nội (1.061 khách hàng), địa bàn TP. Hồ Chí Minh (888 khách hàng). Trong 3.594 khách hàng này, tập trung theo ngành nghề: Bán buôn (844 khách hàng), Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (354 khách hàng), Sản xuất chế biến thực phẩm (201 khách hàng), Sản xuất và phân phối điện khí đốt (155 khách hàng).

- Khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV).

Về số lượng khách hàng DNNVV: Tính đến thời điểm hiện tại, số lượng khách hàng DNNVV tại BIDV (bao gồm cả đơn vị hành chính sự nghiệp) đạt 316.800 khách hàng (tăng trưởng 5.546 khách hàng so với cuối năm 2020, tương ứng 1,8%).

Về địa bàn: Khách hàng DNNVV của BIDV trải rộng cả 03 miền Bắc – Trung – Nam. Trong đó, khu vực miền Bắc chiếm tỷ trọng lớn nhất (đạt 173.408 khách hàng chiếm tỷ trọng 54,7%), khu vực miền Nam chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 (đạt 99.358 khách hàng chiếm tỷ trọng 31,4%), cuối cùng là khu vực miền Trung (đạt 44.034 khách hàng chiếm tỷ trọng 13,9%). Về cơ bản nền khách hàng hiện đang có xu hướng tập trung chủ yếu tại 02 địa bàn chính là TP Hà Nội (bao gồm 75.293 khách hàng, chiếm tỷ trọng 23,8%) và TP Hồ Chí Minh (bao gồm 43.967 khách hàng, chiếm tỷ trọng 13,9%).

Về ngành nghề kinh doanh: Hiện BIDV đang có quan hệ với các khách hàng DNNVV ở đa dạng các ngành nghề khác nhau. Trong đó khách hàng hoạt động tập trung chủ yếu trong các ngành nghề như Bán buôn, bán lẻ (gồm 81.297 khách hàng, chiếm tỷ trọng 25,7%), Xây dựng (gồm 53.554 khách hàng, chiếm tỷ trọng 16,9%), Dịch vụ (gồm 19.726 khách hàng, chiếm tỷ trọng 6,2%), Giáo dục đào tạo (gồm 13.094 khách hàng, chiếm tỷ trọng 4,1%), Vận tải (gồm 11.126 khách hàng, chiếm tỷ trọng 3,5%), các ngành khác.

- Khách hàng doanh nghiệp nước ngoài (FDI).

Hiện nay, số lượng khách hàng FDI tại BIDV là hơn 5.500 khách hàng từ nhiều quốc gia như Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Đài Loan... Mạng lưới khách hàng FDI của BIDV trải rộng trên toàn quốc, tập trung tại các địa bàn thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài như Hà Nội (1.091 khách hàng chiếm tỷ trọng 19,7%), TP. Hồ Chí Minh (1.245 khách hàng chiếm tỷ trọng 22,5%), Động lực phía Nam như Bình Dương, Đồng Nai (1.319 khách hàng chiếm tỷ trọng 23,8%). Ngành nghề kinh doanh của khối khách hàng FDI đa dạng, trong đó một số ngành nghề nổi bật, thu hút nhiều vốn đầu tư như công nghiệp chế biến, chế tạo (44%), Bán buôn (14%), xây dựng (3,9%), kinh doanh bất động sản (2%)...

- Khách hàng Định chế tài chính (ĐCTC): bao gồm hơn 2.700 CIF khách hàng tại Việt Nam và các quốc gia trên thế giới, được chia thành các nhóm khách hàng như sau:

- ✓ ĐCTC là Tổ chức tín dụng: bao gồm ĐCTC trong nước: 36 NHTM Việt Nam, 17 Công ty tài chính và Công ty tài chính tiêu dùng, 3 Công ty cho thuê tài chính, 443 quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và 4 tổ chức tài chính vi mô; và ĐCTC nước ngoài: 1.196 ngân hàng đại lý trên toàn thế giới.
- ✓ ĐCTC phi TCTD: bao gồm ĐCTC Việt Nam đặc biệt: Bảo hiểm xã hội, Bộ Tài Chính, Hải Quan, Kho Bạc Nhà nước, các Quỹ ngoài ngân sách...; và
- ✓ ĐCTC thương mại: Các công ty chứng khoán (144 CIF khách hàng), Công ty bảo hiểm (201 CIF khách hàng), Công ty Quản lý quỹ và các quỹ đầu tư (127 CIF khách hàng và các ĐCTC (350 CIF khách hàng).
- ✓ ĐCTC là tổ chức đa phương: Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB); Ngân hàng Thế giới (World Bank), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF); ĐCTC Tài chính Quốc tế (IFC) và Hiệp hội Ngân hàng Trung Quốc - ASEAN (CAIBA).
- Khách hàng cá nhân:

Tính đến 31/12/2020, BIDV đã đạt gần 12 triệu khách hàng cá nhân, chiếm ~10% dân số cả nước, tốc độ tăng trưởng số lượng khách hàng cá nhân trung bình đạt 14%/năm, trong đó 33% số lượng khách hàng tập trung ở 2 thành phố lớn là Hà Nội và Tp.Hồ Chí Minh. Tỷ lệ khách hàng hoạt động thường xuyên (Active) đạt 59%, trung bình mỗi khách hàng Active đăng ký sử dụng 4.0 sản phẩm dịch vụ ngân hàng bán lẻ.

Về sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng:

- Khách hàng doanh nghiệp:

Sản phẩm cho vay: BIDV hiện đang có rất nhiều nhóm sản phẩm tín dụng đa dạng. Trong đó bao gồm nhóm sản phẩm liên quan tới lãi suất và kỳ hạn cho vay (ngắn hạn và vay trung dài hạn), các sản phẩm tín dụng, cơ chế đặc thù cho từng quy mô và lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp (cơ chế cấp tín dụng đối với doanh nghiệp siêu nhỏ, cơ chế tín dụng đặc thù dành cho khách hàng DNNVV, sản phẩm tài trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, Tài trợ doanh nghiệp cung ứng, tài trợ nhà phân phối trong các lĩnh vực tiềm năng, tài trợ các chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp đầu ngành), các gói tín dụng ưu đãi lãi suất cho khách hàng doanh nghiệp...

Sản phẩm tiền gửi: Bên cạnh danh mục sản phẩm dùng chung cho đối tượng khách hàng doanh nghiệp đã khá đa dạng và tương đồng với các Ngân hàng thương mại khác trên thị trường, BIDV thường xuyên nắm bắt nhu cầu gửi tiền/quản lý dòng tiền đặc biệt của khách hàng để kịp thời nghiên cứu, thiết kế sản phẩm tiền gửi đặc thù cho từng khách hàng/nhóm khách hàng doanh nghiệp nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu đặc thù của doanh nghiệp, từ đó góp phần duy trì và gia tăng nguồn tiền gửi ổn định vào hệ thống BIDV (như sản phẩm tiền gửi đặc thù dành cho các khách hàng Sở kế hoạch đầu tư, Văn phòng tỉnh uỷ, Ban quản trị nhà chung cư, Cục/chi cục thi hành án, công đoàn cơ sở của các trường học, đơn vị hành chính sự nghiệp khác...)

Các sản phẩm dịch vụ khác: ngoài các sản phẩm liên quan tới huy động vốn và tín dụng, BIDV hiện đang cung cấp các sản phẩm phi tín dụng đa dạng tới khách hàng doanh nghiệp. Ngoài các sản phẩm về tài trợ thương mại như cho vay thực hiện hợp đồng xuất khẩu, Tài trợ nhập khẩu theo hợp đồng khung, Thanh toán CAD, UPAS L/C, UPAS nhờ thu, UPAS VNĐ, Chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất, Forfaiting, Tài trợ L/C nội địa, L/C giáp lưng hoặc các sản phẩm thanh toán và quản lý tiền tệ như: Thanh toán lương, Thanh toán tự động dành cho KHDN, Sản phẩm BIDV iBank (bao gồm **quản lý doanh thu, kiểm soát doanh thu**),..., lương, Thanh toán tự động dành cho Khách hàng doanh nghiệp, Sản phẩm BIDV iBank (bao gồm **quản lý doanh thu, kiểm**

soát doanh thu),..., BIDV đang tập trung phát triển sản phẩm dịch vụ thanh toán, thu hộ với hàm lượng công nghệ cao đặc biệt được quan tâm, chú trọng nhằm nâng cao tiện ích cho khách hàng sử dụng như Thu hộ qua Tài khoản định danh (Virtual Account), Thu hộ qua phí, thanh toán hóa đơn tiền điện, nước, truyền hình cáp, thanh toán lương, nộp thuế điện tử và các dịch vụ thành toán không dùng tiền mặt khác nhằm tăng thu phí dịch vụ và thu hút nguồn tiền gửi không kỳ hạn với chi phí thấp của khách hàng DNNVV. Trong đó đặc biệt BIDV đã triển khai Dịch vụ cung cấp tài khoản online cho doanh nghiệp đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội - đây là một dịch vụ mới, chưa từng được thực hiện tại BIDV cũng như tại các Sở Kế hoạch Đầu tư trong cả nước.

- Khách hàng cá nhân:

Năm 2020, BIDV tiếp tục triển khai nhiều sản phẩm ứng dụng công nghệ số, kết hợp với việc xây dựng một hành trình khách hàng khép kín, đưa các sản phẩm dịch vụ ngân hàng số trở thành lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ. Danh mục sản phẩm bán lẻ của BIDV hiện nay gồm hơn 100 sản phẩm, chia thành một số nhóm sản phẩm chính như sau:

- ✓ Tiền gửi là sản phẩm có thế mạnh của BIDV và có ưu thế vượt trội về quy mô so với các ngân hàng thương mại khác trên thị trường. Tổng quy mô huy động vốn dân cư của BIDV đến 31/12/2020 đạt hơn 634.000 tỷ đồng, chiếm hơn 52% tổng huy động vốn của BIDV. Để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, BIDV đã triển khai nhiều sản phẩm huy động theo từng đối tượng khách hàng với cơ cấu kỳ hạn hợp lý cùng các chương trình khuyến mại hấp dẫn như gói sản phẩm dành cho khách hàng đồ lương, khách hàng sinh viên, khách hàng là doanh nhân, khách hàng là nhân viên văn phòng. Bên cạnh các sản phẩm tiền gửi truyền thống, BIDV tích cực triển khai sản phẩm Tiền gửi Online qua Smartbanking tạo thiện cảm rất tốt với khách hàng, giúp khách hàng vượt qua các giới hạn về thời gian cũng như không gian trong việc quản lý tài sản của mình. Dự kiến thời gian tới BIDV sẽ triển khai sản phẩm Tiền gửi Tích lũy Online trên Smartbanking.
- ✓ Cho vay bán lẻ cũng là sản phẩm lợi thế của BIDV với quy mô dư nợ bán lẻ dẫn đầu thị trường. Đến 31/12/2020, tổng dư nợ bán lẻ đạt gần 426.000 tỷ đồng, chiếm 36% tổng dư nợ của BIDV. Trong các sản phẩm cho vay, BIDV đặc biệt có ưu thế với sản phẩm cho vay nhà ở, đây là sản phẩm 3 năm liên tiếp được bình chọn là sản phẩm cho vay tốt nhất Việt Nam của tạp chí The Asian Banker. Với sự phát triển của công nghệ số, vào tháng 6/2020, BIDV tự hào là Ngân hàng đầu tiên đưa ra thị trường Ứng dụng cho vay nhà ở trên thiết bị di động thông minh nhằm tối ưu hóa hành trình khách hàng với các chức năng hỗ trợ khách hàng vay vốn tìm kiếm nhà ở, tính toán ngân sách, đăng ký vay, tra cứu thông tin, hành trình xử lý hồ sơ vay vốn 24/7; đồng thời hỗ trợ cán bộ BIDV và chủ đầu tư dự án bất động sản trong việc đăng tải thông tin về dự án. Ngoài sản phẩm thế mạnh là cho vay nhu cầu nhà ở, BIDV cũng đã triển khai cho vay online qua ứng dụng BIDV Smartbanking đối với sản phẩm cho vay phục vụ nhu cầu đời sống không tài sản bảo đảm, giúp Khách hàng đủ điều kiện được tiếp cận vốn vay nhanh chóng, rút ngắn thủ tục, thời gian nhiều lần so với phương thức cho vay thông thường.

Đồng thời, BIDV đang tiếp tục nghiên cứu triển khai sản phẩm cho vay cầm cố tiền gửi online trên ứng dụng Smartbanking, gia tăng tiện ích và thuận tiện đối với khách hàng, đa dạng kênh bán hàng, đa dạng hóa sản phẩm tín dụng bán lẻ, tăng khả năng cạnh tranh của BIDV trên thị trường, tăng hàm lượng công nghệ đối với sản phẩm tín dụng bán lẻ của BIDV, giảm thời gian tác nghiệp của cán bộ, giảm thiểu thủ tục hồ sơ chứng từ, tiết kiệm thời gian của khách hàng. Dự kiến sản phẩm sẽ triển khai vào cuối năm 2021.

- ✓ Dịch vụ thanh toán cá nhân là sản phẩm truyền thống và đóng góp lớn nhất trong tổng thu dịch vụ bán lẻ của BIDV. Với kinh nghiệm lâu năm trong cung ứng các dịch vụ thanh toán cho các ngân hàng trong nước và nước ngoài tại Việt Nam, BIDV đã xây dựng các sản phẩm dịch vụ thanh toán cho khách hàng với nhiều lợi ích vượt trội, thời gian thanh toán nhanh chóng, chính xác, mức độ bảo mật cao. Ngoài ra, BIDV cũng đã chính thức vận hành SWIFT GPI (Global Payments Innovation) vào tháng 09/2018 và là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam đã triển khai cả 3 vai trò đại lý GPI: Ngân hàng Người chuyên tiền (Instructing Bank), Ngân hàng Trung gian (Intermediary Bank), Ngân hàng Người hưởng (Instructed Bank).
- ✓ Dịch vụ ngân hàng số là sản phẩm mới nhất song có tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ nhất trong danh mục sản phẩm của BIDV. Số lượng giao dịch tài chính qua kênh số cả năm 2020 đạt hơn 257 triệu giao dịch, tăng hơn 71% so với năm 2019. Số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ ngân hàng số tăng gần 1,8 triệu khách hàng, nâng tổng số khách hàng sử dụng dịch vụ IBMB đạt hơn 6,3 triệu. BIDV là ngân hàng kết nối nhiều nhất với các công ty Fintech với 30/41 trung gian thanh toán và hơn 1000 nhà cung cấp dịch vụ trực tiếp để triển khai các dịch vụ thanh toán tiền điện, nước, học phí, viễn thông, chứng khoán. BIDV thường xuyên nâng cấp các sản phẩm ngân hàng điện tử và bổ sung các tính năng số hóa cho các sản phẩm đặc biệt là sản phẩm số chiến lược BIDV Smartbanking; trong đó có một số tính năng nổi trội mới triển khai như: Mở rộng triển khai công nghệ AI nhận diện giọng nói trên Smartbanking, xây dựng bàn phím thông minh trên Smartbanking, triển khai giải pháp Smart OTP thay cho tin nhắn qua SMS tích hợp sẵn trong Smartbanking đảm bảo an toàn, tiết kiệm, triển khai hệ thống tích điểm đổi quà, đăng ký nhận thông báo cước tiền điện, tiền nước viễn thông truyền hình qua tin nhắn OTT, thông báo chương trình khuyến mại/dịch vụ mới.

c. Thị phần và khả năng cạnh tranh

- ✶ Vị thế thị trường cũng như thị phần về quy mô hoạt động của BIDV (Tổng tài sản, Dự nợ, huy động vốn) nằm trong top các ngân hàng đứng đầu thị trường trong nhiều năm.

Bảng 18: Thị phần của BIDV so với toàn ngành trong những năm gần đây

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng

Năm	Tổng tài sản			Dự nợ			Huy động vốn		
	Toàn ngành	BIDV	Thị phần	Toàn ngành	BIDV	Thị phần	Toàn ngành	BIDV	Thị phần
2018	7.775	1.313	16,9%	5.071	989	19,5%	5.684	1.001	17,6%
2019	8.057	1.490	18,5%	5.424	1.117	20,6%	5.904	1.139	19,3%
2020	8.996	1.517	16,9%	6.159	1.214	19,7%	6.654	1.250	18,8%

Nguồn: BIDV, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Bên cạnh đó, trong nhiều năm liên tiếp, BIDV nằm trong Top 2.000 công ty lớn nhất thế giới (Forbes); Top 500 thương hiệu ngân hàng giá trị nhất toàn cầu (Brand Finance) và liên tục được vinh danh trong nhiều giải thưởng lớn, tiêu biểu gần đây như: Danh hiệu “Ngân hàng Bán buôn số 1 của năm”, “Ngân hàng điện tử sáng tạo nhất Việt Nam”, “Ngân hàng SME số 1 Đông Nam Á” (Tạp chí Global Banking & Finance Review – GBAF, tháng 4/2021); giải thưởng

“Ngân hàng Bán lẻ tốt nhất Việt Nam - Best Retail Bank” (Tạp chí The Asian Banker, tháng 4/2021);...v.v.

Năng lực tài chính ngày càng được nâng cao

Tại 30/6/2021 vốn điều lệ của BIDV cao nhất trong hệ thống ngân hàng Việt Nam, đạt 40.220,18 tỷ đồng. Ngoài ra, nhờ sự hợp tác chiến lược với đối tác Hana Bank, BIDV nhận được chương trình hỗ trợ kỹ thuật dài hạn, bao gồm nhưng không giới hạn trên 6 lĩnh vực: quản trị chiến lược phát triển ngân hàng; quản lý hệ thống công nghệ và ngân hàng số; tăng cường phát triển ngân hàng bán lẻ; đa dạng hóa danh mục tài sản sinh lời; quản trị rủi ro; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Theo đó, năng lực quản trị điều hành; quản trị rủi ro; phát triển các sản phẩm dịch vụ hiện đại, công nghệ thông tin, nguồn nhân lực;...v.v. của BIDV đang ngày càng phát triển, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu sản phẩm, tiện ích của khách hàng, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

Dẫn đầu về mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin

BIDV được đánh giá là một trong những NHTM dẫn đầu ICT Index trong nhiều năm qua. Hiện nay, BIDV đang tiếp tục phát triển nhiều sản phẩm ngân hàng số theo xu hướng cách mạng công nghiệp 4.0. Đặc biệt, BIDV đã có bước tiến lớn về mô hình tổ chức là thành lập Trung tâm ngân hàng số, đánh dấu bước đi quan trọng trong chiến lược phát triển với công nghệ và ngân hàng số là một trong 3 trụ cột chính của BIDV.

d. Vị thế của BIDV trong ngành

BIDV là NHTM lâu đời nhất tại Việt Nam với bề dày 64 năm hoạt động và phát triển. BIDV là NHTM cổ phần niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam, có sở hữu chi phối của Chính phủ và có cổ đông chiến lược nước ngoài là một trong những ngân hàng hàng đầu tại Châu Á.

Vị thế dẫn đầu

Tại thời điểm 31/06/2021, BIDV đứng đầu hệ thống ngân hàng Việt Nam về quy mô Tổng tài sản (1.642 nghìn tỷ đồng). Là một ngân hàng đa năng, BIDV cung cấp tất cả các dịch vụ ngân hàng và sản phẩm tài chính cho khách hàng cá nhân, tổ chức và Chính phủ. BIDV có thể mạnh về mạng lưới rộng khắp bao gồm 189 chi nhánh trong nước và 895 phòng giao dịch tại tất cả 63 tỉnh thành phố trong cả nước, có hơn 1.000 quan hệ ngân hàng đại lý tại 98 quốc gia trên toàn thế giới. Ngoài ra, BIDV có các công ty trực thuộc hoạt động trong các lĩnh vực chứng khoán (BSC), bảo hiểm (BIC), cho thuê tài chính (BSL), giúp BIDV đáp ứng nhu cầu đa dạng của nền khách hàng rộng lớn bao gồm 10 triệu khách hàng cá nhân và 285 nghìn khách hàng doanh nghiệp. BIDV duy trì vị thế dẫn đầu thị trường trong nhiều lĩnh vực chủ chốt như bán lẻ, SME, kinh doanh ngoại tệ, thanh toán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thanh toán cho thị trường chứng khoán, nghiên cứu thị trường, đồng thời đang hướng mạnh đến lĩnh vực ngân hàng số.

Năng lực tài chính vững mạnh

Tổng tài sản đến 30/06/2021 đạt 1.642 nghìn tỷ đồng, tăng 8,3% so với đầu năm; dư nợ đạt 1.233 nghìn tỷ đồng (tăng 2%), tiền gửi khách hàng đạt 1.225 nghìn tỷ đồng (tương đương đầu năm trở thành ngân hàng có quy mô lớn tổng tài sản lớn nhất trên thị trường, vượt qua Agribank.

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021 của BIDV đạt 8.060 tỷ đồng, tăng 85% so với cùng kỳ năm trước.

Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt. Đến 30/06/2021, tỷ lệ nợ xấu của BIDV là 1,63% giảm 0,13% so với đầu năm. Đặc biệt, BIDV đã hoàn tất việc mua lại toàn bộ nợ xấu tại VAMC trong năm 2020.

Các tỷ lệ an toàn hoạt động luôn đảm bảo theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Tiên phong áp dụng chuẩn mực quốc tế

BIDV là ngân hàng đầu tiên của Việt Nam thực hiện kiểm toán theo chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS (từ 1996), là ngân hàng đầu tiên chủ động mời Moody's xếp hạng tín nhiệm (2006) và thuộc nhóm ngân hàng được định hạng tín nhiệm cao nhất Việt Nam. Đặc biệt, ngày 01/12/2019, BIDV đã được Ngân hàng Nhà nước công nhận đạt chuẩn Basel II trước thời hạn quy định.

e. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021 của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Đơn vị: triệu đồng

Tiêu chí	BID	VCB	MBB	CTG	TCB	VPB
Năm 2020						
Vốn điều lệ	40.220.180	37.088.774	27.987.569	37.234.046	35.049.062	25.299.680
Vốn chủ sở hữu	79.788.457	98.859.394	50.099.495	85.395.014	74.614.786	52.793.502
Tổng tài sản	1.516.869.903	1.327.537.012	494.982.162	1.341.392.922	439.602.933	419.026.527
Tiền gửi khách hàng	1.226.673.942	1.032.113.567	310.960.354	990.331.385	277.458.651	233.427.953
Cho vay khách hàng	1.214.295.917	839.788.261	298.296.983	1.015.333.270	277.524.615	290.816.086
Tổng thu nhập hoạt động	50.034.589	48.998.854	27.362.173	44.919.076	27.042.485	39.033.114
Lợi nhuận sau thuế	7.362.643	18.467.883	8.606.039	13.740.999	12.582.467	10.413.760
ROE	9,35%	20,55%	19,13%	16,89%	18,41%	21,92%
Định hạng tín nhiệm của Moody's (Định hạng nhà phát hành dài hạn)	Ba3	Ba3	Ba3	Ba3	Ba3	B1
30/06/2021						
Vốn điều lệ	40.220.180	37.088.774	27.987.569	37.234.046	35.049.062	25.299.680
Vốn chủ sở hữu	84.548.510	104.939.518	55.934.771	93.247.451	83.901.010	60.011.675
Tổng tài sản	1.642.336.884	1.304.179.106	523.334.486	1.473.013.792	504.303.766	451.767.038

Tiền gửi khách hàng	1.293.956.654	1.051.273.660	343.494.329	1.039.512.563	289.334.731	233.591.350
Cho vay khách hàng	1.297.445.087	921.948.437	325.160.444	1.057.905.018	310.617.819	306.025.689
Tổng thu nhập hoạt động	31.897.000	28.588.897	18.117.466	27.005.950	18.138.165	23.098.422
Lợi nhuận sau thuế	6.640.714	10.872.193	6.396.829	8.767.608	9.282.874	7.218.173
ROE	15,74%	20,72%	22,87%	18,81%	22,13%	24,06%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của một số ngân hàng niêm yết: BID, VCB, MBB, CTG, TCB và VPB

Theo đó, tại 31/12/2020 và 30/06/2021 BIDV đứng đầu về tổng tài sản, cho vay khách hàng và vốn điều lệ (sau thương vụ Keb Hana).

8.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Để tiếp tục phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh của mình, hiện tại BIDV đang triển khai các dự án sau:

Bảng 19: Một số dự án đầu tư xây dựng công trình đang triển khai trong giai đoạn năm 2019 - 6 tháng đầu năm 2021

TT	Tên dự án/công trình	Địa điểm	Tình hình triển khai	Đánh giá ảnh hưởng tới HĐKD của BIDV
1	Trụ sở làm việc Chi nhánh Sa Pa	Số 20 đường Ngũ Chỉ Sơn, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình.	
2	Trụ sở làm việc Chi nhánh Cẩm Phả	Số 204 đường Trần Phú, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh	Đang tổ chức lập thiết kế bản vẽ thi công - tổng dự toán.	
3	Trụ sở làm việc Chi nhánh Bắc Quảng Bình	368 Quang Trung - Phường Ba Đồn - Thị xã Ba Đồn - Quảng Bình	Đang tổ chức tổ chức lựa chọn nhà thầu	
4	Trụ sở làm việc Chi nhánh Hạ Long	Số 74 Trần Hưng Đạo, TP Hạ Long, Quảng Ninh	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình.	
5	Trụ sở làm việc Chi nhánh Lam Sơn	Đường Phan Chu Trinh TP Thanh Hóa	Đang tổ chức lập thiết kế bản vẽ thi công - tổng dự toán.	Trong giai đoạn 2019-2020 và đến thời điểm 30/06/2021, có 1 số dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng có ảnh hưởng

TT	Tên dự án/công trình	Địa điểm	Tình hình triển khai	Đánh giá ảnh hưởng tới HĐKD của BIDV
				<p>đến hoạt động kinh doanh của BIDV như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án đã hoàn thành làm tăng nhận diện thương hiệu, đảm bảo cơ sở vật chất là trụ sở cho Chi nhánh hoạt động kinh doanh. - Các chi phí đầu tư đảm bảo trong kế hoạch hoạt động kinh doanh của BIDV.
6	Trụ sở làm việc Chi nhánh Kỳ Anh	Xã Kỳ Tân, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Đang triển khai thi công xây dựng công trình	
7	Trụ sở làm việc Chi nhánh Tam Điệp	Đường Trần Phú, phường Bắc Sơn, TP Tam Điệp, Ninh Bình	Đang tổ chức tổ chức lựa chọn nhà thầu	
8	Trụ sở làm việc Chi nhánh Đồng Tháp	12A Đường 30/4 P1 Đồng Tháp	Đang tổ chức tổ chức lựa chọn nhà thầu	
9	Trụ sở làm việc Chi nhánh Quy Nhơn	399-403 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Bình Định	Đang tổ chức tổ chức lựa chọn nhà thầu	
10	Trụ sở làm việc Chi nhánh Hội An	86 Trần Hưng Đạo, TP Hội An, tỉnh Quảng Nam	Đã nghiệm thu hoàn thành xây dựng	
11	Trụ sở làm việc Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	56-62 Nam Kỳ Khởi nghĩa, Quận 1, TP HCM	Đang triển khai thi công xây dựng công trình	
12	Trụ sở PGD Ba Tri, CN Đồng Khởi.	11 Nguyễn Đình Chiểu, TT Ba Tri, Bến Tre	Đang triển khai thi công xây dựng công trình	
13	Trụ sở làm việc PGD Đắk Mil – Chi nhánh Đắk Nông	Số 38 Nguyễn Tất Thành- TT Đắk Mil- Huyện Đắk Mil- Tỉnh Đắk Nông	Đang tổ chức tổ chức lựa chọn nhà thầu	
14	Trụ sở làm việc PGD Hùng Vương – Chi nhánh Phố Núi	Số 90 Hùng Vương, phường Hội Thương, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Đã nghiệm thu hoàn thành xây dựng	
15	Trụ sở làm việc PGD Chợ mới, CN An Giang	Thị trấn Chợ Mới, Huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang	Đang tổ chức tổ chức lựa chọn nhà thầu	

TT	Tên dự án/công trình	Địa điểm	Tình hình triển khai	Đánh giá ảnh hưởng tới HĐKD của BIDV
16	Trụ sở làm việc PGD Đề Thám, CN Cao Bằng.	Lô số 3 khu đô thị mới Phường Đề Thám, Thành Phố Cao Bằng	Đang lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật.	
17	Trụ sở PGD Cầu Kè, CN Trà Vinh	Đường 30/4, Khóm 1, TT Cầu Kè, Huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh	Đang tổ chức tổ chức lựa chọn nhà thầu	

Nguồn: BIDV









Bảng 20: Một số dự án đầu tư công nghệ chính đang thực hiện trong giai đoạn năm 2019 – 6 tháng đầu năm 2021

TT	Tên dự án/Nội dung	Tình hình triển khai và thời gian triển khai
1	Dự án Chuyển đổi hệ thống Corebanking	
-	Hạng mục: Mua sắm, triển khai hệ thống phần mềm Corebanking thuộc Dự án Chuyển đổi hệ thống Corebanking	Dự án đang triển khai hợp đồng, dự kiến hoàn thành triển khai năm 2023
-	Hạng mục: Mua sắm, triển khai phần mềm hệ thống tài trợ thương mại của BIDV	Dự án đã hoàn thành triển khai tháng 3/2021
2	Trang bị giải pháp quản lý khoản vay (cho khách hàng doanh nghiệp)	Dự án đã hoàn thành triển khai năm 2020.
3	Mua sắm mới giải pháp quản trị nhân sự tổng thể	Dự án đã hoàn thành triển khai Quý II/2021.
4	Đầu tư và xây dựng Trung tâm dữ liệu mới theo tiêu chuẩn TIER 3	Dự án hoàn thành triển khai và đưa vào sử dụng năm 2020.
5	Triển khai hệ thống Hạ tầng quản trị doanh nghiệp (ECM)	Dự án đã hoàn thành triển khai năm 2020.
6	Trang bị giải pháp hệ thống ALM	Dự án đang trong giai đoạn lựa chọn nhà thầu, dự kiến sẽ triển khai trong giai đoạn 2021-2023.
7	Triển khai giải pháp Quản trị dữ liệu	Dự án đang trong giai đoạn lựa chọn nhà thầu, dự kiến sẽ triển khai trong giai đoạn 2021-2023
8	Triển khai quy trình khởi tạo khoản vay bán lẻ trên nền tảng giải pháp quản lý quy trình nghiệp vụ BPM	Dự án đang trong giai đoạn nghiên cứu, dự kiến sẽ triển khai trong giai đoạn 2021-2023
9	Mua sắm máy ATM đa năng (CRM) giai đoạn 2020-2022	Dự án đang trong giai đoạn nghiên cứu, dự kiến sẽ triển khai trong giai đoạn 2021-2023

Nguồn: BIDV

8.6. Chiến lược kinh doanh

Quán triệt Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ và các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2021 tại Chỉ thị số 01/CT-NHNN: với phương châm hành động “**Kỷ cương – Chất lượng – Chuyển đổi số**”, BIDV đề ra kế hoạch chiến lược kinh doanh đến 2025, tầm nhìn đến 2030 thông qua một số giải pháp trọng tâm như sau:

-  Triển khai Chiến lược phát triển kinh doanh của BIDV đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 tại tất cả các cấp trong toàn hệ thống thông qua thực hiện đồng bộ các giải pháp: xây dựng, triển khai và giám sát việc thực hiện Chương trình hành động triển khai Chiến lược theo từng lĩnh vực cụ thể, đặc biệt đối với các câu phần ngân hàng số, CNTT; truyền thông gắn triển khai chiến lược với việc thực hành văn hóa doanh nghiệp, phong trào học hỏi sáng tạo trong toàn hệ thống.
-  Quán triệt quan điểm chuyển đổi số toàn diện mọi mặt hoạt động của hệ thống: tập trung nguồn lực để triển khai các giải pháp đột phá trên kênh ngân hàng số (định danh điện tử - eKYC, chuyển tiền và thanh toán đa kênh bù trừ điện tử - ACH, huy động vốn/vay vốn online...), hướng tới mục tiêu đạt 80% lượng khách hàng tiếp cận và sử dụng các kênh ngân hàng số của BIDV vào năm 2025.
-  Điều hành tăng trưởng tín dụng ngay từ đầu năm, phù hợp với định hướng của ngành ngân hàng năm 2021: chú trọng tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, khuyến khích tín dụng trung dài hạn hiệu quả trong giới hạn phù hợp; tăng trưởng tín dụng ngắn hạn VND đối với khách hàng tốt, đem lại tổng hòa lợi ích cao.
-  Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng: theo dõi chặt chẽ khả năng phục hồi của nhóm khách hàng khó khăn và đã được hỗ trợ theo các chỉ đạo, định hướng của Chính phủ, NHNN; triển khai quyết liệt các biện pháp xử lý nợ xấu, thu hồi nợ tiềm ẩn rủi ro, nợ ngoại bảng.
-  Điều hành cân đối vốn linh hoạt, hiệu quả; đảm bảo các quy định của NHNN về an toàn hoạt động: Tập trung cơ cấu lại kỳ hạn của nền vốn theo hướng gia tăng tỷ trọng huy động vốn không kỳ hạn; đảm bảo cân đối vốn gắn với cải thiện nền vốn theo loại tiền.
-  Tập trung nâng cao năng lực tài chính thông qua tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư tài chính mới, phát hành trái phiếu tăng vốn BIDV, phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức; chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu thu nhập, gia tăng các nguồn thu đặc biệt là nguồn thu từ hoạt động phi lãi, đẩy mạnh triển khai quản trị chi phí hiệu quả.
-  Kiên định mục tiêu phát triển nền khách hàng gắn với nâng cao chất lượng chăm sóc, phục vụ khách hàng theo hướng gia tăng tỷ trọng khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa, khai thác thế mạnh trong hợp tác với KEB HanaBank để phát triển nhóm khách hàng doanh nghiệp nước ngoài.
-  Nâng cao năng lực quản trị điều hành trên cơ sở triển khai các công cụ quản trị tiên tiến và khai thác hiệu quả thế mạnh, hỗ trợ của cổ đông chiến lược KEB HanaBank đối với các lĩnh vực hợp tác:
 - ✓ Rà soát, đánh giá, kiện toàn mô hình tổ chức phù hợp với thông lệ;
 - ✓ Nâng cao năng lực quản trị rủi ro, triển khai áp dụng đầy đủ, nghiêm túc hệ thống quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với triển

khai Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của BIDV đến 2025; Đẩy mạnh đào tạo, nghiên cứu khoa học, lan tỏa văn hóa doanh nghiệp, ý tưởng sáng tạo trong toàn hệ thống.

9. Thông tin về cổ đông lớn

Tên cổ đông	Nhà nước (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại BIDV)	KEB Hana Bank
Năm thành lập	1951	1967
Số Giấy chứng nhận	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiền thân là Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, được thành lập ngày 06/05/1951 theo sắc lệnh số 15/SL của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 26/10/1961, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được đổi tên thành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	Đăng ký kinh doanh số 202-81-14695 do Sở thuế Namdeamun cấp ngày 30/01/1967
Vốn điều lệ		5.359.578 triệu KRW
Quốc tịch	Việt Nam	Hàn Quốc
Địa chỉ trụ sở chính	49 Phố Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	35 Eulji-ro, Jung-Gu, Seoul, 04523, Korea
Người đại diện theo pháp luật		Ông Park Sung Ho - Tổng Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Phan Đức Tú (Chủ tịch HĐQT) - Bà Nguyễn Thị Thu Hương (Ủy viên HĐQT) - Ông Lê Ngọc Lâm (Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc) 	Ông Lee, Jong Soung - Trưởng khối kinh doanh toàn cầu KEB Hana Bank
Số lượng cổ phần nắm giữ	3.257.324.161	603.302.706
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	80,99%	15%
Cổ phần có quyền biểu quyết	3.257.324.161	603.302.706
Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của người có liên quan, lợi ích có liên quan:	Không có	Không có

10. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

10.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị

Bảng 21: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị BIDV

STT	Tên	Chức vụ
1	(Ông) Phan Đức Tú	Chủ tịch HĐQT
2	(Ông) Lê Ngọc Lâm	Ủy viên
3	(Bà) Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên
4	(Bà) Phan Thị Chinh	Ủy viên
5	(Ông) Ngô Văn Dũng	Ủy viên
6	(Ông) Phạm Quang Tùng	Ủy viên
7	(Ông) Yoo Je Bong	Ủy viên
8	(Ông) Trần Xuân Hoàng	Ủy viên
9	(Ông) Lê Kim Hòa	Ủy viên
10	(Ông) Nguyễn Quang Huy	Ủy viên độc lập

Nguồn: BIDV, tại ngày 01/09/2021

10.1.1. Ông Phan Đức Tú - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ tên:	Phan Đức Tú
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	22/12/1964
Nơi sinh:	Nghệ An
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	040064000382 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 13/09/2018
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
- 01/1983 - 8/1985:	Cán bộ Ngân hàng Nhà nước Huyện Minh Long, Nghĩa Bình
- 9/1985 - 9/1987	Phụ trách phòng Tín dụng - Tổng hợp, Ngân hàng Nhà nước Huyện Minh Long, Nghĩa Bình

- 10/1987 - 9/1988: Cán bộ phòng Nghiệp vụ, Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng Khu vực I
- 12/1998 - 02/2005: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Ngãi.
- 03/2005 - 05/2007: Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 06/2007 - 30/04/2012: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/05/2012 – 14/11/2018: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 15/11/2018 – nay: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2021:

- Sở hữu cá nhân: 43.513 cổ phiếu (chiếm 0,0010819% vốn điều lệ).
- Sở hữu đại diện: 1.302.929.664 cổ phiếu (tương đương 40% tổng số cổ phiếu do NHNN Việt Nam nắm giữ) sở hữu đại diện cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (chiếm 32,3949234% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 9.284 cổ phiếu

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại ngày 30/06/2021)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Đoàn Thị Trần Hùng Phi	Vợ	9.284	0,0002308

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2021:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	28
Tổng cộng	28

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.1.2. Ông Lê Ngọc Lâm - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Họ tên:	Lê Ngọc Lâm
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	23/07/1975
Nơi sinh:	Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	001075008069, do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQD về dân cư cấp ngày 13/01/2016
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác:	
- 09/1997 – 01/2005:	Cán bộ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- 01/2005 – 05/2006:	Phó Trưởng phòng Tín dụng 2 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- 6/2006 – 8/2007:	Phó Trưởng phòng Pháp chế tín dụng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- 8/2007 – 8/2008:	Trưởng phòng Pháp chế tín dụng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- 8/2008 – 3/2009	Trưởng phòng Quản lý rủi ro tín dụng 1 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- 03/2009 - 10/2010:	Phó Giám đốc Ban Quản lý rủi ro Tín dụng - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 10/2010 - 03/2012:	Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Sở Giao dịch 1.
- 04/2012 - 04/2013:	Giám đốc ban Quản lý rủi ro Tín dụng - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 04/2013 - 01/2015:	Giám đốc Ban Khách hàng Doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/2015 – 14/11/2018:	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 15/11/2018 – 11/03/2021:	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 12/03/2021 – nay:	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Ủy viên Ban chấp hành Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2021:

- Sở hữu cá nhân: 723 cổ phiếu (chiếm 0,0000180% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 977.197.248 cổ phiếu (tương đương 30% tổng số cổ phiếu do NHNN Việt Nam nắm giữ) sở hữu đại diện cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (chiếm 24,2961926% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 9 cổ phiếu (chiếm 0,0000002% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại ngày 30/06/2021)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Lê Thị Phương Hải	Vợ	9	0,0000002

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2021: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV 10.1.3. Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Ủy viên Hội đồng quản trị

- Họ tên: **Nguyễn Thị Thu Hương**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 17/02/1967
- Nơi sinh: Vĩnh Phúc
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 012287551 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 18/01/2005
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
- 08/1984 - 04/1996: Cán bộ Ngân hàng Công thương Vĩnh Yên
 - 05/1996 - 08/1999: Cán bộ Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
 - 09/1999 - 05/2002: Phó Trưởng phòng – Thanh tra Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước
 - 06/2002 - 07/2009: Trưởng phòng thanh tra Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - 08/2009 - 05/2010: Phó Vụ trưởng Cơ quan thanh tra, giám sát Ngân hàng.

- 06/2010 – 04/2011: Quyền Vụ trưởng Cơ quan thanh tra, giám sát Ngân hàng.
- 05/2011 – 04/2019: Vụ trưởng Cơ quan thanh tra, giám sát Ngân hàng.
- 04/2019 – nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2021:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 977.197.248 cổ phiếu (tương đương 30% tổng số cổ phiếu do NHNN Việt Nam nắm giữ) sở hữu đại diện cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (chiếm 24,2961926% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2021: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.1.4. Bà Phan Thị Chinh - Ủy viên Hội đồng quản trị

- Họ tên: **Phan Thị Chinh**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 06/01/1968
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 011920202 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/09/2010
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
- 05/1991 – 12/1994: Cán bộ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
 - 01/1995 – 5/2002: Phó Trưởng phòng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
 - 05/2002 – 2/2003: Trưởng phòng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
 - 3/2003 – 07/2004: Phó Giám đốc Ban Trụ sở chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
 - 08/2004 - 05/2007: Giám đốc Ban Tài chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

- 06/2007 - 03/2014: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 04/2014 - nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần thanh toán quốc gia (Napas).
- Chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh Tháp BIDV

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2021:

- Sở hữu cá nhân: 29.186 cổ phiếu (chiếm 0,0007257% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2021:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	5
Tổng cộng	5

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.1.5. Ông Ngô Văn Dũng - Ủy viên Hội đồng quản trị

- Họ tên: **Ngô Văn Dũng**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 19/01/1968
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 011858489 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 09/09/2008
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Quá trình công tác:

- 01/07/1991 – 31/12/1996: Cán bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
 - 01/01/1997 – 30/11/1998: Phó Trưởng phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
 - 01/12/1998 – 31/01/2000: Phó Trưởng phòng Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thăng Long
 - 01/02/2000 – 30/04/2001: Trưởng phòng Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thăng Long
 - 01/05/2001 – 31/08/2002: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thăng Long
 - 01/09/2002 – 31/08/2004: Phó Giám đốc Ban Tín dụng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
 - 01/09/2004 - 31/07/2007: Giám đốc Ban Quản lý rủi ro Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
 - 01/08/2007 - 30/11/2007: Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội.
 - 01/12/2007 - 31/05/2015: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Hà Nội.
 - 01/06/2015 – nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH 01 thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản (BAMC).
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2021:

- Sở hữu cá nhân: 780 cổ phiếu (chiếm 0,0000194% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2021:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	26

Tổng cộng	26
------------------	-----------

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.1.6. Ông Phạm Quang Tùng - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên: **Phạm Quang Tùng**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 12/09/1971

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 034071000042 do Cục CSDKQLCT và DLQG về dân cư cấp ngày 31/03/2014

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế, Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

- 08/1996 - 06/2000: Cán bộ phòng Thẩm định tư vấn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam
- 07/2000 - 07/2002: Phó Trưởng phòng Thẩm định tư vấn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam
- 08/2002 - 04/2003: Trưởng phòng Tín dụng dịch vụ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam
- 05/2003 - 07/2004: Phó Giám đốc Ban Tín dụng và dịch vụ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam
- 08/2004 - 02/2005: Phó Giám đốc Ban Tín dụng Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam
- 03/2005 - 12/2005: Phó Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh Sở giao dịch 1
- 01/2006 - 09/2010: Giám đốc Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam.
- 09/2010 - 10/2010: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam.
- 10/2010 - 04/2011: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam.

- 04/2011 - 05/2016: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam.
- 06/2016 - 12/2017: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB).
- 12/2017 - 20/04/2018: Tiếp nhận trở lại BIDV công tác để triển khai quy trình bổ nhiệm lãnh đạo cấp cao tại BIDV.
- 21/04/2018 – nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV – Sumitrust (BSL).

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2021:

- Sở hữu cá nhân: 01 cổ phiếu (chiếm ~0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2021:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	6
Tổng cộng	6

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.1.7. Ông Yoo Je Bong - Ủy viên Hội đồng quản trị

- Họ tên: **Yoo Je Bong**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 07/08/1962
- Nơi sinh: Hàn Quốc
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Số Hộ Chiếu: M82753714 cấp ngày 11/12/2017 bởi Bộ Ngoại giao Hàn Quốc.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 07/1988 – 09/1991: Thư ký Công ty TNHH Tài chính đầu tư
- 09/1991 – 02/1994: Phó Trưởng phòng Ngân hàng Boram
- 02/1994 – 07/1997: Quản lý cấp cao Chi nhánh Hongkong của Ngân hàng Boram
- 07/1997 – 12/1998: Quản lý cấp cao Ngân hàng Boram
- 01/1999 – 03/2000: Quản lý cấp cao Chi nhánh Kwanghwamoon/Chi nhánh Busan – Ngân hàng Hana
- 03/2000 – 08/2004: Trưởng nhóm Quan hệ nhà đầu tư - Ngân hàng Hana
- 08/2004 – 07/2006: Trưởng bộ phận Đào tạo học thuật ở nước ngoài - Ngân hàng Hana
- 08/2006 - 07/2010: Trưởng Ban Kinh doanh toàn cầu, Ngân hàng Hana;
- 08/2010 - 02/2012: Phó chủ tịch & Giám đốc thường trực phụ trách Kinh doanh toàn cầu, Ngân hàng Jilin;
- 03/2012 - 11/2014: Chủ tịch & Giám đốc điều hành, Ngân hàng TNHH Hana (Trung Quốc);
- 12/2014 - 07/2015: Giám đốc điều hành Khối Kinh Doanh Toàn Cầu, Ngân hàng Hana;
- 08/2015 - 12/2015: Phó Chủ Tịch Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Minsheng;
- 01/2016 - 12/2018: Giám Đốc Khối Chiến Lược Toàn Cầu, Tập Đoàn Tài Chính Hana (trong đó giai đoạn 01/2016 – 12/2017 kiêm chức vụ Phó Giám đốc Ngân hàng phụ trách Khối kinh doanh toàn cầu, Ngân hàng KEB Hana);
- Từ 01.2019 – nay: Phó Tổng Giám Đốc Tập Đoàn Tài Chính Hana, Chuyên Trách Chiến Lược Miền Nam Và Miền Bắc,

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Phó Tổng Giám Đốc Tập Đoàn Tài Chính Hana, Chuyên Trách Chiến Lược Miền Nam Và Miền Bắc.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2021:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2021: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.1.8. Ông Trần Xuân Hoàng - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên: **Trần Xuân Hoàng**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 22/10/1965
Nơi sinh: Phù Mỹ, Bình Định
Quốc tịch: Việt Nam
Số CMND/CCCD: 031065004184 do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 18/12/2017
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 01/11/1987 – 30/06/1989: Giáo viên Trường nghiệp vụ Ngân hàng Thị xã Kon Tum
- 01/07/1989 – 05/07/1992: Cán bộ Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai
- 06/07/1992 – 19/10/1993: Phó Trưởng phòng Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai
- 20/10/1993 – 30/06/1996: Trưởng phòng Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai
- 01/07/1996 - 14/07/2006: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai
- 15/07/2006 - 14/08/2008: Phó Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 2.
- 15/08/2008 - 30/04/2012: Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/05/2012 – 06/03/2020: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 07/03/2020 – nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC);
- Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần bất động sản và xây dựng nhà Mê Kông (MHBR).

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2021:

- Sở hữu cá nhân: 81 cổ phiếu (chiếm 0,0000020% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 34.449 cổ phiếu (chiếm 0,0008565% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại ngày 30/06/2021)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Hoàng Thị Giang Hà	Vợ	34.449	0,0008565

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2021:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	74
Tổng cộng	74

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.1.9. Ông Lê Kim Hòa - Ủy viên Hội đồng quản trị

- Họ tên: **Lê Kim Hòa**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 1965
- Nơi sinh: Đắk Lắk
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 066065000004 do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 28/03/2016
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
- 12/1987 – 03/1995: Cán bộ Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đắk Lắk.
 - 4/1995 – 01/1997 Phó Trưởng phòng Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đắk Lắk.
 - 02/1997 – 5/1997 Trưởng phòng Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đắk Lắk.

- 05/1997 - 10/2002: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đắk Lắk.
- 11/2002 - 07/2007: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đắk Lắk.
- 08/2007 - 08/2008: Giám đốc Ban tín dụng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 09/2008 - 02/2009: Giám đốc Ban Quản lý rủi ro tín dụng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 03/2009 - 04/2009: Phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển TP Hồ Chí Minh.
- 05/2009 - 08/2013: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển TP Hồ Chí Minh.
- 09/2013 - 05/2014: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển TP Hồ Chí Minh.
- 06/2014 – 02/2018: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- 03/2018 – 06/03/2020: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển TP Hồ Chí Minh.
- 07/03/2020 – 01/04/2020: Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC).

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2021:

- Sở hữu cá nhân: 42.983 cổ phiếu (chiếm 0,0010687% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2021: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.1.10. Ông Nguyễn Quang Huy - Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập

Họ tên: **Nguyễn Quang Huy**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 04/10/1960

Nơi sinh: Thái Lan

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 000060000007 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/10/2014

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý kinh tế

Quá trình công tác:

- 02/1983- 12/1988: Đội trưởng đội quản lý lao động tại Tiệp Khắc
- 11/1990 - 08/1993: Chuyên viên Vụ Quan hệ quốc tế, Ngân hàng nhà nước.
- 09/1993- 05/1995: Phó trưởng phòng Vụ Quan hệ quốc tế, Ngân hàng nhà nước.
- 06/1995 - 12/1996: Học cao học tại Mỹ.
- 01/1997 - 06/1997: Trưởng phòng, Vụ Quan hệ quốc tế, Ngân hàng nhà nước.
- 07/1997 - 01/2003: Phó vụ trưởng, Vụ Quan hệ quốc tế, Ngân hàng nhà nước.
- 10/2003 – 01/2005: Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Ngân hàng Nhà nước VN;
- 02/2005 – 05/2007: Đại diện tại Ngân hàng thế giới (WB);
- 07/2007 – 08/2014: Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước VN;
- 09/2014 – 05/2015: Tổng Giám đốc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
- 05/2015 – 04/2020: Chủ tịch HĐQT Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
- 05/2020 – 04/2021: Nghỉ hưu theo chế độ.
- 05/2021 – nay: Ủy viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2021:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2021: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát

Bảng 22: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát BIDV

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Võ Bích Hà	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Cao Cự Trí	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên Ban Kiểm soát

Nguồn: BIDV tại thời điểm 01/9/2021

10.2.1. Bà Võ Bích Hà - Trưởng Ban Kiểm soát

Họ tên: **Võ Bích Hà**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 01/03/1967

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 011399528 do Công an Hà Nội cấp ngày 12/04/2007

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Chứng chỉ nghề nghiệp: Chứng chỉ của Hiệp hội kế toán viên công chứng Australia (CPA Australia)

Quá trình công tác:

- 5/1991 - 3/1997: Cán bộ Phòng Tài chính Kế toán – Hội sở chính BIDV.

- 4/1997 - 8/1997: Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán - Hội sở chính BIDV.

- 9/1997 - 3/2000: Phó Trưởng phòng Nguồn vốn kinh doanh - Hội sở chính BIDV.

- 4/2000 - 4/2002: Phó trưởng phòng Phụ trách phòng Kinh doanh tiền tệ - Hội sở chính BIDV.

- 5/2002 - 9/2006: Trưởng phòng Quản lý vốn góp - Hội sở chính BIDV.

- 10/2006 - 4/2015: Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư - Hội sở chính BIDV.

- 17/04/2015 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2021:

- Sở hữu cá nhân: 9 cổ phiếu (chiếm 0,0000002% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 15.920 cổ phiếu (chiếm 0,0003959% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại ngày 30/06/2021)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Nguyễn Xuân Hòa	Chồng	15.918	0,0003958
Đặng Hồng Kiên	Em rể	2	0,0000001

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2021:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	4
Tổng cộng	4

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.2.2. Ông Cao Cự Trí - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên: **Cao Cự Trí**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 04/10/1966

Nơi sinh: Xã Diễn Bình, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 040066000196, do Cục CSĐKQL CT và DLQG về DC cấp ngày 04/03/2017

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Chứng chỉ nghề nghiệp: Chứng chỉ của Hội Kế toán Quản trị Công chứng Úc (CMA Australia)

Quá trình công tác:

- 01/10/1984 - 30/06/2002: Công tác tại Ngân hàng Nhà nước (Tỉnh Nghệ An, NHNN Trung ương): Cán bộ, Phó trưởng phòng, Trưởng phòng.
- 01/07/2002 - 14/02/2004: Phó Trưởng Phòng Lựa chọn định chế - Sở Giao dịch 3 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 15/02/2004 - 30/09/2006: Trưởng Phòng Lựa chọn định chế - Sở Giao dịch 3 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/10/2006 - 28/02/2009: Phó Giám đốc - Sở Giao dịch 3 – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (trong đó từ 20/07/2007 – 15/10/2007 là Phó Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Lựa chọn định chế, Kiêm Trưởng Phòng Thẩm định và Trưởng phòng Quản lý tín dụng - Sở Giao dịch 3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam).
- 01/03/2009 - 30/04/2012: Phó Trưởng Ban Kiểm Soát - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/05/2012 - nay: Thành viên Ban Kiểm Soát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Trưởng Kiểm toán nội bộ - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2021:

- Sở hữu cá nhân: 3.581 cổ phiếu (chiếm 0,0000890% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2021: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.2.3. Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên: **Nguyễn Thị Thu Hà**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 17/01/1980

Nơi sinh: Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 030180004532 do Cục Cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư cấp ngày 13/11/2017

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài Chính Ngân Hàng
- Chứng chỉ nghề nghiệp: Chứng chỉ của Hội Kế toán Quản trị Công chứng Úc (CMA Australia)
- Quá trình công tác:
- 10/2002 – 07/2004: Chuyên viên Ban Tài Chính Kế toán – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
 - 08/2004 – 02/2007: Chuyên viên Ban Tài Chính – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
 - 03/2007 – 04/2011: Phó Trưởng phòng Ban Tài chính – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
 - 05/2011 – 07/2015: Trưởng phòng Ban Tài chính – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
 - 08/2015 – 02/2020: Phó Giám đốc Ban Quản lý hiệu quả hoạt động – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
 - 03/2020 – 10/2020: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Hai Bà Trưng
 - 11/2020 – 03/2021: Phó Giám đốc Ban Kế hoạch – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
 - 03/2021 - nay: Thành viên Ban Kiểm Soát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm Soát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2021:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2021:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	57

Tổng cộng	57
------------------	-----------

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bảng 23: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc BIDV

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc
2	Ông Quách Hùng Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Trần Phương	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Nguyễn Thiên Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Phan Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Hoàng Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
8	Ông Trần Long	Phó Tổng Giám đốc
9	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao	Phó Tổng Giám đốc
10	Ông Sung Ki Jung	Thành viên Ban điều hành
11	Ông Từ Quốc Học	Trưởng Khối Pháp chế và kiểm soát tuân thủ
12	Bà Tạ Thị Hạnh	Kế toán trưởng

Nguồn: BIDV, tại ngày 01/09/2021

10.3.1. Ông Lê Ngọc Lâm - Tổng Giám đốc

Xem phần 10.1.2

10.3.2. Ông Quách Hùng Hiệp - Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Quách Hùng Hiệp**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 23/09/1969

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 001069007554, do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQD về dân cư cấp ngày 20/06/2016

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

- 13/05/1991 - 31/03/1994: Cán bộ Trụ sở chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- 01/04/1994 – 05/08/1996: Cán bộ Phòng Quan hệ Quốc tế & NHDL – Trụ sở chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- 06/08/1996 – 30/05/1999: Phó Trưởng phòng Quan hệ quốc tế và NHDL – Trụ sở chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- 01/06/1999 - 31/07/2002: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (LVB).
- 01/08/2002 - 31/03/2005: Giám đốc Ban Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/12/2004 - 08/03/2010: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh VID- Public.
- 01/04/2005 - 31/10/2006: Phó Giám đốc Chi nhánh Sở Giao dịch 1 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/11/2006 - 31/12/2006: Phó Giám đốc Sở Giao dịch 3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/01/2007 - 01/03/2011: Giám đốc Sở Giao dịch 3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 16/10/2010 - 30/04/2012: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/05/2012 – nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng liên doanh Lào Việt (LVB)

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2021:

- Sở hữu cá nhân: 35.078 cổ phiếu (chiếm 0,0008721% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2021: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.3.3. Ông Trần Phương - Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Trần Phương**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 27/12/1973

Nơi sinh: Bắc Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 013045909 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 12/03/2008

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính ngân hàng

Quá trình công tác:

- 10/1997-11/2000: Cán bộ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội
- 12/2000-07/2004: Phó Trưởng phòng Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội
- 08/2004-01/2006: Cán bộ Phòng Kế hoạch – Ban Kế hoạch phát triển Trụ sở chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- 01/2006 - 06/2006: Phó Trưởng phòng Kế hoạch – Ban Kế hoạch phát triển – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 07/2006 - 12/2006: Trưởng Phòng Nghiên cứu Phát triển– Ban Kế hoạch Phát triển – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/2007 - 08/2008: Phó Giám đốc, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Cổ phần hoá – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 08/2008 - 04/2012: Giám đốc Ban Kế hoạch Phát triển – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 05/2012 – nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2021:

- Sở hữu cá nhân: 21.147 cổ phiếu (chiếm 0,0005258% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 6.162 cổ phiếu (chiếm 0,0001532% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
--------	-------------	-----------------------------------	-----------------------

		(tại thời điểm 30/06/2021)	
Phạm Thị Kim Oanh	Vợ	6.162	0,0001532

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2021: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.3.4. Ông Lê Trung Thành - Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Lê Trung Thành**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 05/09/1964

Nơi sinh: An Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 024788171 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/08/2007

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

- 10/1988-01/1992: Cán bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh An Giang
- 02/1992-11/1992: Cán bộ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển An Giang
- 12/1992-07/1993: Quyền Trưởng phòng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển An Giang
- 08/1993 - 08/2002: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển An Giang.
- 09/2002 - 01/2004: Phó Giám đốc điều hành Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển An Giang.
- 02/2004 - 11/2004: Trưởng ban chuyên trách phát triển mạng lưới kinh doanh BIDV tại Thành Phố Hồ Chí Minh.
- 12/2004 - 07/2014: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Kỳ Khởi Nghĩa.
- 07/2014 – 03/2018: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 04/2018 – 30/4/2019: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Đồng Bằng Sông Cửu Long.
- 01/05/2019 – nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ BIDV Metlife.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2021:

- Sở hữu cá nhân: 2.252 cổ phiếu (chiếm 0,0000560% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2021: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.3.5. Ông Nguyễn Thiên Hoàng - Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Nguyễn Thiên Hoàng**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/06/1973

Nơi sinh: Bồ Trách – Quảng Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 044073001666 do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 11/11/2019

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 01/1994-12/1999: Cán bộ Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Bình
- 01/2000-01/2003: Phó trưởng phòng Tín dụng Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Bình
- 02/2003-10/2006: Trưởng phòng Tín dụng Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Bình
- 11/2006 - 09/2007: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Quảng Bình.
- 10/2007 - 04/2012: Giám đốc Chi nhánh BIDV Quảng Bình.
- 05/2012 - 07/2012: Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV kiêm Giám đốc Chi nhánh BIDV Quảng Bình.
- 07/2012 - 05/2016: Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV.

- 01/06/2016 – nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2021:

- Sở hữu cá nhân: 3 cổ phiếu (chiếm 0,0000001% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 2 cổ phiếu (chiếm 0,0000001% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại thời điểm 30/06/2021)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Nguyễn Thị Thanh Hương	Em gái	2	0,0000001

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2021: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.3.6. Ông Phan Thanh Hải – Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Phan Thanh Hải**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1977

Nơi sinh: Chương Mỹ – Hà Tây

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 001077021938 do Cục QLHC về TTXH cấp ngày 11/1/2019

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

Quá trình công tác:

- 07/2000-11/2001: Cán bộ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
- 12/2001-10/2002: Cán bộ Chi nhánh Sở giao dịch 1 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- 10/2002-03/2005: Cán bộ Ban Quản lý tín dụng - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- 04/2005-01/2007: Cán bộ Ban Tổ chức cán bộ - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

- 01/2007-08/2008: Phó Trưởng phòng Tổ chức cán bộ 1 – Ban Tổ chức cán bộ BIDV
- 09/2008-12/2009: Trưởng phòng Ban Phát triển sản phẩm & Tài trợ thương mại BIDV
- 01/2010 – 10/2010: Phó Giám đốc Ban Phát triển sản phẩm & Tài trợ thương mại BIDV.
- 11/2010 – 03/2012: Phó Giám đốc Ban Quản lý rủi ro tín dụng.
- 04/2012 - 08/2014: Quyền Giám đốc/Giám Đốc Chi nhánh BIDV Vĩnh Long.
- 09/2014 - 10/2014: Phó Giám đốc thứ nhất Ban Kế hoạch chiến lược.
- 10/2014 - 04/2019: Giám đốc Ban Kế hoạch chiến lược.
- 04/2019 – 05/2019: Giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp lớn.
- 05/2019 – 11/03/2020: Trưởng khối Ngân hàng bán buôn, kiêm Giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp lớn.
- 12/03/2020 – nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2021:

- Sở hữu cá nhân: 5 cổ phiếu (chiếm 0,0000001% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 137 cổ phiếu (chiếm 0,0000034% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Đoàn Thị Hồng	Vợ	137	0,0000034

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2021: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.3.7. Ông Hoàng Việt Hùng – Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Hoàng Việt Hùng**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 16/10/1972

Nơi sinh: Nghệ An

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 182037476 do Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 19/02/2008
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính ngân hàng
- Quá trình công tác:
- 12/1996-12/2003: Cán bộ phòng Tín dụng Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An
 - 12/2003-02/2006: Phó trưởng phòng Hành chính quản trị Chi nhánh BIDV Nghệ An
 - 03/2006 – 02/2007: Trưởng phòng hành chính quản trị – Chi nhánh BIDV Nghệ An.
 - 03/2007 – 10/2007: Trưởng phòng Tín dụng 1 – Chi nhánh BIDV Nghệ An.
 - 11/2007 – 12/2012: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Nghệ An.
 - 01/2013 – 04/2019: Giám đốc Chi nhánh BIDV Nghệ An.
 - 04/2019 – 03/2020: Giám đốc Ban Tổ chức nhân sự.
 - 12/03/2020 – nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Ban Tổ chức nhân sự.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Ban Tổ chức nhân sự.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2021:

- Sở hữu cá nhân: 8 cổ phiếu (chiếm 0,0000002% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2021: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.3.8. Ông Trần Long – Phó Tổng Giám đốc

- Họ tên: **Trần Long**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 16/03/1976
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 038076000418 do Cục Cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư cấp ngày 16/03/2016

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

- 01/1999 - 05/2001: Cán bộ phòng Tín dụng – Sở giao dịch 1 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- 05/2001 - 08/2002: Phó trưởng phòng Tín dụng 2- Sở giao dịch 1 BIDV
- 08/2002 - 10/2002: Chuyên viên Phòng Tín dụng – dịch vụ 3 Ban Tín dụng Trụ sở chính BIDV
- 10/2002 - 02/2004: Chuyên viên Phòng Quản lý dự án – Sở giao dịch 3 BIDV
- 02/2004 - 08/2006: Phó trưởng phòng Quản lý dự án – Sở giao dịch 3 BIDV
- 08/2006 – 10/2007: Trưởng phòng Thư ký tổng hợp – Trụ sở chính BIDV.
- 11/2007 – 02/2012: Tổng Giám đốc – CTCP cho thuê máy bay (VALC) – đơn vị liên doanh góp vốn của BIDV.
- 02/2012 – 05/2012: Phó Giám đốc Ban Kế hoạch chiến lược.
- 05/2012 – 09/2014: Giám đốc Ban Kế hoạch chiến lược.
- 09/2014 – 03/2020: Giám đốc Chi nhánh BIDV Hà Thành.
- 03/2020 – nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2021:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2021: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.3.9. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao – Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Nguyễn Thị Quỳnh Giao**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 29/11/1978

Nơi sinh: Phú Xuyên, Hà Tây (Hà Nội)

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 012908555 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 23/08/2006

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 12/2000-09/2003: Cán bộ phòng Tín dụng 1- Chi nhánh Sở giao dịch 1
- 09/2003-10/2006: Phó Trưởng phòng Tín dụng 1– Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1
- 11/2006 – 08/2007: Trưởng phòng Tổ chức cán bộ – Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 08/2007 – 07/2010: Trưởng phòng Tín dụng 1, Giám đốc Phòng giao dịch – Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 08/2010 – 03/2012: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 04/2012 – 05/2015: Giám đốc Ban Phát triển Ngân hàng bán lẻ.
- 06/2015 – 03/2020: Giám đốc Chi nhánh BIDV Hà Nội.
- 12/03/2020 – nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2021:

- Sở hữu cá nhân: 3 cổ phiếu (chiếm 0,0000001% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2021: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.3.10. Ông Sung Ki Jung – Thành viên Ban điều hành

Họ tên: **Sung Ki Jung**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 14/04/1967

Nơi sinh: Hàn Quốc

Quốc tịch: Hàn Quốc

- Hộ chiếu số: 81004694 cấp ngày 20/07/2012 bởi Bộ Ngoại giao Hàn Quốc
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
- 09/2010 – 01/2015: Trưởng Trung tâm kinh doanh Toàn cầu, Ngân hàng PT Bank Keb Hana Indonesia.
 - 02/2015 – 12/2015: Trưởng Nhóm tiếp thị kinh doanh toàn cầu, Ngân hàng Keb Hana.
 - 01/2016 – 12/2016: Trưởng bộ phận Nhóm Chiến lược Toàn Cầu, Tập đoàn Tài chính Hana.
 - 01/2017 – 08/2018: Trưởng Bộ Phận kinh doanh Toàn Cầu, Ngân hàng Keb Hana.
 - 08/2018 – 08/2019: Trưởng Bộ Phận Chiến lược Toàn Cầu, Ngân hàng Keb Hana.
 - 09/2019: 12/2019: Trưởng Khối Thành lập Hợp tác BIDV – Hana, Ngân hàng Keb Hana.
 - 01/2020 – nay: Thành viên Ban điều hành BIDV.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban điều hành BIDV.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2021:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2021: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.3.11. Ông Từ Quốc Học - Trưởng Khối Pháp chế và Giám sát tuân thủ

- Họ tên: **Từ Quốc Học**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 1963
- Nơi sinh: Hà Bắc
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 013244265 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 19/11/2009
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng

Quá trình công tác:

- 12/1986-06/1987: Cán bộ Ngân hàng Nhà nước -Chi nhánh Huyện Lục Nam, Hà Bắc
- 07/1988-06/1988: Cán bộ Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng tỉnh Hà Bắc
- 07/1988-07/1991: Cán bộ Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp Hà Bắc
- 07/1991-11/1993: Cán bộ Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng tỉnh Hà Bắc
- 09/1999 – 11/2005: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Bắc Giang.
- 11/2005 – 05/2010: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Hà Thành.
- 06/2010 – 07/2013: Giám đốc Chi nhánh BIDV Hòa Bình.
- 07/2013 – 05/2019: Giám đốc Ban Kiểm tra và Giám sát tuân thủ.
- 05/2019 – nay: Trưởng Khối Pháp chế và Giám sát tuân thủ kiêm Giám đốc Ban Kiểm tra và Giám sát tuân thủ

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Khối Pháp chế và Giám sát tuân thủ kiêm Giám đốc Ban Kiểm tra và Giám sát tuân thủ

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2021:

- Sở hữu cá nhân: 4 cổ phiếu (chiếm 0,0000001% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 2.131 cổ phiếu (chiếm 0,0000053% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Từ Thị Thu Huyền	Em ruột	1.060	0,0000264
Nguyễn Thị Hồng Vân	Vợ	9	0,0000002
Phan Văn Khôi	Em rể	2	0
Phạm Mạnh Hùng	Em rể	1.060	0,0000264

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2021: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

10.3.12. Bà Tạ Thị Hạnh - Kế toán trưởng

Họ tên: **Tạ Thị Hạnh**

Giới tính: Nữ

- Ngày tháng năm sinh: 05/05/1972
- Nơi sinh: Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 033172000269 do Cục trưởng cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 22/6/2015
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Ngân hàng
- Quá trình công tác:
- 09/1994-01/1999: Cán bộ Phòng Tài chính –Kế toán Sở giao dịch - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
 - 01/1999-02/2001: Phó trưởng phòng Tài chính –Kế toán Sở giao dịch BIDV
 - 02/2001-05/2002: Phó trưởng phòng Phụ trách Tài chính –Kế toán Sở giao dịch BIDV
 - 06/2002-10/2006: Trưởng phòng Tài chính –Kế toán Sở giao dịch BIDV
 - 01/11/2006- 31/12/2009: Phó Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1.
 - 01/01/2010- 31/10/2011: Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Khách hàng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
 - 01/06/2011- 31/10/2011: Kế toán Trưởng kiêm Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Khách hàng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
 - 01/11/2011- 30/04/2012: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
 - 01/05/2012 – nay: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2021:

- Sở hữu cá nhân: 2.253 cổ phiếu (chiếm 0,0000560% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2021:




Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
-----------------	-----------------------------

Cho vay	1.979
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	0
Tổng cộng	1.979

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

11. Chính sách trả cổ tức

Việc chi trả cổ tức của BIDV được dựa trên các yếu tố sau:

-  Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;
-  Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và ý kiến của NHNN về tỷ lệ chi trả cổ tức
-  Kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng trong thời gian tới.

Bảng 24: Tình hình chi trả cổ tức của BIDV giai đoạn 2018 –2020

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức/mệnh giá cổ phần	Ghi chú
2018	7%/năm (01 cổ phiếu được nhận 700 đồng)	Bằng tiền mặt
2019	8%/năm (01 cổ phiếu được nhận 800 đồng)	Bằng tiền mặt
2020	BIDV đề xuất tỷ lệ 7%/năm	Bằng cổ phiếu (*)

() Chính sách chi trả cổ tức năm 2020 đã được ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức, tỷ lệ chi trả cổ tức và điều chỉnh hình thức chi trả cổ tức theo phê duyệt cuối cùng của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về việc chi trả cổ tức.*

12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Trong 3 năm gần nhất trước khi phát hành Trái Phiếu (từ năm 2018-2020) và đến thời điểm 30/06/2021, BIDV luôn thực hiện thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn (bao gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu đến hạn).

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

13.1. Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi

Tính đến 30/06/2021, giá trị các khoản trái phiếu chưa đáo hạn do BIDV phát hành là 39.730.144 triệu VND trong đó giá trị trái phiếu tăng vốn (là loại trái phiếu đủ điều kiện tính vào vốn cấp 2 của BIDV theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN) là 37.729.781 triệu VND, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng:

Tên trái phiếu	Cơ quan chấp thuận phát hành	Giá trị (triệu VND)	Kỳ hạn
Trái phiếu NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2018 đáo hạn năm 2028	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 67/GCN-UBCK ngày 9/11/2018	1.000.000	10 năm
Trái phiếu NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng đợt 1 năm 2019	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 64/GCN-UBCK ngày 27/8/2019	2.499.320	07 năm
Trái phiếu NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng đợt 1 năm 2019		500.000	10 năm
Trái phiếu NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng Quý IV năm 2019	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 113/GCN-UBCK ngày 01/11/2019	500.000	7 năm
Trái phiếu NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng Quý IV năm 2019	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 114/GCN-UBCK ngày 01/11/2019	2.577.020	7 năm
Trái phiếu NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng Quý IV năm 2019		222.980	10 năm
Tổng cộng		7.299.320	

- Trái phiếu phát hành riêng lẻ:

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	Giá trị (triệu VND)	
		31/12/2020	30/06/2021
Trái phiếu thường	Từ 12 tháng đến dưới 05 năm	61	61
	Từ 05 năm trở lên	2.000.303	2.000.302
Trái phiếu tăng vốn	Trên 05 năm	30.611.462	30.430.461
Tổng cộng		32.611.826	32.430.824

13.2. Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất

STT	Nội dung	30/6/2021 (triệu đồng)
1	Tổng giá trị hợp đồng	8.571.970
2	Lũy kế tiền thuê tài sản đã phân bổ vào chi phí	3.621.058
3	Chi phí chờ phân bổ còn lại (đối với tài sản thuê trả trước)	895.997
4	Số tiền thuê nhà, đất cần tiếp tục giải ngân	4.054.916

Nguồn: BIDV

13.3. Những cam kết chưa thực hiện khác

Chi tiết các nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết đưa ra tại ngày 30/06/2021 của BIDV như sau:

Bảng 25: Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của BIDV tại 30/06/2021

Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)
1. Các khoản bảo lãnh	163.912
- Bảo lãnh vay vốn	4.296
- Bảo lãnh khác	159.616
2. Cam kết thanh toán LC	112.930
3. Các cam kết đưa ra	9.486

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Trong quá trình hoạt động kinh doanh ngân hàng, BIDV đã khởi kiện một số khách hàng tại các Tòa án có thẩm quyền để đưa ra yêu cầu thanh toán nợ, xử lý tài sản bảo đảm. Đây là một trong các phương thức, biện pháp xử lý, thu hồi các khoản nợ xấu, nợ tiềm ẩn rủi ro được thực hiện thông thường trong hoạt động kinh doanh ngân hàng tại Việt Nam và không gây bất lợi nghiêm trọng đến hoạt động chung của BIDV cũng như khả năng thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo cam kết của BIDV.

Đến thời điểm hiện tại BIDV có liên quan đến một số vụ án hình sự sau:

- Vụ án hình sự “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức” và “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” xảy ra tại Chi nhánh Bim Sơn đang được Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa chuẩn bị đưa ra xét xử sơ thẩm.
- Vụ án hình sự “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xảy ra tại Công ty cổ phần Chăn nuôi Bình Hà (khách hàng của BIDV Hà Tĩnh) đang được Tòa Án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh chuẩn bị đưa ra xét xử sơ thẩm.
- Vụ án hình sự liên quan đến Ngân hàng TMCP Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long (MHB) và Công ty chứng khoán MHB (MHBS) trong giai đoạn từ năm 2011 – 2014 (trước khi MHB được sáp nhập vào BIDV). Ngày 22/11/2018, Tòa án Nhân dân TP. HCM ra Bản án hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, một số đương sự trong Vụ án có kháng cáo, vì vậy Tòa án Nhân dân cấp cao tại TP.HCM tiếp tục giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.
- Vụ án hình sự xảy ra tại Phòng Giao dịch Cái Dầu – Chi nhánh BIDV Long Xuyên (nay sáp nhập chuyển giao về Chi nhánh BIDV An Giang). Trong vụ án này, BIDV được triệu tập tham gia tố tụng với tư cách là bị hại. Ngày 25/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang ra Bản án hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, một số đương sự trong Vụ án có kháng cáo, vì vậy Tòa án Nhân dân cấp cao tại TP.HCM tiếp tục giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- e. Vụ án hình sự liên quan đến hành vi “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” trong việc xử lý Tài sản bảo đảm tại Chi nhánh BIDV Tây Sài Gòn. Ngày 28/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã ra Bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, một số đương sự trong Vụ án có kháng cáo, vì vậy Tòa án Nhân dân cấp cao tại TP. HCM tiếp tục giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Qua các vụ án hình sự BIDV được cơ quan tiến hành triệu tập tham gia tố tụng (cụ thể như đã nêu trên) đã thể hiện việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và quản lý của Đảng, Nhà nước đối với hoạt động của các tổ chức tín dụng Việt Nam trong đó có BIDV. Về cơ bản, hướng xử lý, cơ chế xử lý đối với các khoản tiền, tài sản mà Cơ quan tiến hành tố tụng xác định BIDV bị chiếm đoạt, thất thoát hoặc thiệt hại trong các vụ án hình sự đều bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của BIDV (BIDV có quyền được nhận lại hoặc có quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, thiệt hại). Các vụ việc trên không ảnh hưởng đến khả năng thực hiện các quyền, nghĩa vụ phát sinh đối với trái phiếu phát hành năm 2021.

15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

BIDV cam kết không thuộc trường hợp nêu trên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của BIDV trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 26: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm 2020/2019	6 tháng đầu năm 2021
Tổng giá trị tài sản	1.489.957	1.516.686	1,8%	1.642.337
Doanh thu thuần	120.814	124.668	3,2%	62.156
Thu nhập lãi thuần	35.978	35.797	-0,5%	23.760
Tổng thu nhập hoạt động	48.121	50.037	4,0%	31.897
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	30.864	32.344	4,8%	23.752
Lợi nhuận trước thuế	10.732	9.026	-15,9%	8.060
Lợi nhuận sau thuế	8.548	7.224	-15,5%	6.461

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm 2020/2019	6 tháng đầu năm 2021
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức	8%			

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét

Bảng 27: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất theo BCTC riêng

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm 2020/2019	6 tháng đầu năm 2021
Tổng giá trị tài sản	1.451.598	1.477.279	1,8%	1.601.782
Doanh thu thuần	114.120	117.594	3,0%	59.083
Thu nhập lãi thuần	34.678	34.250	-1,2%	22.903
Tổng thu nhập hoạt động	46.048	47.539	3,2%	30.432
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	30.007	31.195	4,0%	22.940
Lợi nhuận trước thuế	10.308	8.330	-19,2%	7.518
Lợi nhuận sau thuế	8.291	6.690	-19,3%	6.036

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét


Hoạt động kinh doanh năm 2020 của BIDV duy trì ổn định, bám sát các chỉ tiêu kế hoạch theo mục tiêu đề ra.

Tại thời điểm 31/12/2020, tổng tài sản hợp nhất của BIDV đạt 1.516.686 tỷ đồng, tăng trưởng 1,8% so với năm 2019, tiếp tục duy trì vị thế là ngân hàng TMCP có quy mô lớn nhất thị trường.

Chênh lệch thu chi hợp nhất năm 2020 đạt 32.344 tỷ đồng, tăng trưởng 4,8% so với năm 2019.

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2020 đạt 9.026 tỷ đồng, giảm 15,9% so với năm 2019 do BIDV chủ động giảm thu nhập để thực hiện cơ cấu nợ và miễn giảm lãi, phí cho khách hàng khó khăn do Covid-19 theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước.

❖ **Các chỉ tiêu khác**

 Cơ cấu thu nhập

Bảng 28: Cơ cấu thu nhập của BIDV giai đoạn 2019 – 6 tháng đầu năm 2021 theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng đầu năm 2021	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi thuần	35.978	74,8	35.797	71,5	23.760	74,5
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.266	8,9	5.266	10,5	3.176	10,0
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối	1.495	3,1	1.732	3,5	785	2,5
4	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	326	0,7	479	1,0	572	1,8
5	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	481	1,0	1.516	3,0	-493	-1,5
6	Lãi thuần từ hoạt động khác	5.361	11,1	5.093	10,2	3.992	12,5
7	Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần	214	0,4	154	0,3	105	0,3
Tổng thu nhập hoạt động		48.121	100	50.037	100	31.897	100

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét


Bảng 29: Cơ cấu thu nhập của BIDV trong giai đoạn 2019 – 6 tháng năm 2021 theo BCTC riêng

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng 2021	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi thuần	34.678	75,3	34.250	72,0	22.903	75,3
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.669	8,0	4.465	9,4	2.736	9,0
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối	1.461	3,2	1.701	3,6	734	2,4
4	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	265	0,6	397	0,8	474	1,6
5	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	482	1,0	1.514	3,2	-495	-1,6

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng 2021	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
6	Lãi thuần từ hoạt động khác	5.245	11,4	5.054	10,6	3.958	13,0
7	Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần	249	0,5	158	0,3	122	0,4
Tổng thu nhập hoạt động		46.048	100	47.539	100	30.432	100

Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét

 Cơ cấu doanh thu

Bảng 30: Cơ cấu doanh thu của BIDV giai đoạn 2019 – 6 tháng đầu năm 2021 theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng đầu năm 2021	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	100.747	83,4	100.688	80,8	50.229	80,8
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	7.872	6,5	8.618	6,9	4.920	7,9
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối	4.052	3,4	4.241	3,4	1.668	2,7
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	388	0,3	1.120	0,9	700	1,1
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.022	0,8	1.855	1,5	1	0,0
6	Thu nhập từ hoạt động khác	6.518	5,4	7.993	6,4	4.532	7,3
7	Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần	214	0,2	154	0,1	105	0,2
Tổng cộng		120.814	100	124.668	100	62.156	100


Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét

Bảng 31: Cơ cấu doanh thu của BIDV giai đoạn 2019 – 6 tháng đầu năm 2021 theo BCTC riêng

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng đầu năm 2021	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	98.037	85,9	97.823	83,2	48.807	82,6
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	5.988	5,2	6.542	5,6	3.749	6,3
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối	2.125	1,9	2.410	2,0	1.372	2,3
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	323	0,3	887	0,8	571	1,0
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.012	0,9	1.854	1,6	1	0,0
6	Thu nhập từ hoạt động khác	6.386	5,6	7.920	6,7	4.460	7,5
7	Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần	249	0,2	158	0,1	122	0,2
Tổng cộng		114.120	100	117.594	100	59.083	100

Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét

 Cơ cấu chi phí hoạt động

Bảng 32: Cơ cấu chi phí hoạt động của BIDV trong giai đoạn 2019–6 tháng đầu năm 2021 theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng đầu năm 2021	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Chi phí nhân viên	9.722	56,3	10.117	57,2	4.713	57,9
2	Chi về tài sản	3.027	17,5	3.064	17,3	1.354	16,6
3	Chi hoạt động quản lý công vụ	3.556	20,6	3.514	19,9	1.586	19,5
4	Chi phí hoạt động khác	951	5,5	997	5,6	491	6,0
Tổng chi phí hoạt động		17.257	100	17.693	100	8.145	100

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét

Bảng 33: Cơ cấu chi phí hoạt động của BIDV giai đoạn 2019 – 6 tháng đầu năm 2021 theo BCTC riêng

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng đầu năm 2021	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Chi phí nhân viên	9.082	56,6	9.380	57,4	4.321	57,7
2	Chi về tài sản	2.759	17,2	2.778	17,0	1.228	16,4
3	Chi hoạt động quản lý công vụ	3.197	19,9	3.219	19,7	1.455	19,4
4	Chi phí hoạt động khác	1.003	6,3	968	5,9	488	6,5
Tổng chi phí hoạt động		16.041	100	16.344	100	7.492	100

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét

❖ **Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán độc lập**

Không có.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

- Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm liên tục liên trước năm đăng ký chào bán:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tốc độ tăng trưởng	
				2019/2018	2020/2019
LNST riêng	7.094.012	8.290.555	6.690.239	16,86%	-19,3%
LNST hợp nhất	7.480.028	8.547.757	7.223.565	14,27%	-15,49%

Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của BIDV năm 2019 tăng tương ứng 16,86% và 14,27% so với năm 2018 do ngân hàng tập trung tối đa hóa thu nhập từ các hoạt động dịch vụ, kinh doanh ngoại tệ phái sinh và thu nợ hạch toán ngoại bảng.

Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của BIDV năm 2020 giảm tương ứng là 19,3% và 15,49% so với năm 2019 do ngân hàng giảm thu nhập để thực hiện các biện pháp hỗ trợ khách hàng khó khăn do ảnh hưởng của Covid-19 theo chủ trương chung của Nhà nước (như miễn giảm lãi, phí cho khách hàng, cơ cấu nợ theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN).

- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất: Không có.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Tình hình công nợ

Bảng 34: Tình hình nợ phải thu, nợ phải trả giai đoạn 31/12/2019 – 30/06/2021

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Theo số liệu BCTC riêng				
1	Tổng nợ phải thu	19.889	19.429	19.855
2	Tổng nợ phải trả	32.929	30.389	28.827
	Tổng	52.818	49.815	48.682
Theo số liệu BCTC hợp nhất				
1	Tổng nợ phải thu	25.864	25.736	26.287
2	Tổng nợ phải trả	37.540	34.792	34.425
	Tổng	62.404	60.528	60.712

Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất và riêng giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét

2.1.2 Trái phiếu chưa đáo hạn

Bảng 35: Danh mục trái phiếu chưa đáo hạn tại thời điểm 30/06/2021

Mã/Tên trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu phát hành (tỷ VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (năm)	Ngày thực hiện quyền mua lại (nếu có)
BID10406	350	10,45	18-12-2006	18-12-2026	20	18-12-2021
BID162601	1.350	7,50	17-8-2016	17-8-2026	10	17-8-2021
BID162602	1.350	7,50	19-8-2016	19-8-2026	10	19-8-2021
Trái phiếu BIDV kỳ hạn 5 năm	2.000	6,50	29/12/2017	29/12/2022	5	
BID2_18.01	130	7,70	25-7-2018	25-7-2030	12	25-7-2025
BID2_18.02	300	7,00	8-8-2018	8-8-2028	10	8-8-2023
BID2_18.04	80	7,70	28-8-2018	28-8-2030	12	28-8-2025
BID2_18.06	1.000	6,60	19-12-2018	19-12-2028	10	19-12-2023
BID2_19.02	100	6,78	28-6-2019	28-6-2029	10	28-6-2024
BID2_19.03	100	7,10	31-7-2019	31-7-2026	7	31-7-2021
BID2_19.04	2.499	7,20	26-9-2019	26-9-2026	7	26-9-2021
BID2_19.05	500	7,30	26-9-2019	26-9-2029	10	26-9-2024
BID2_19.06	400	7,20	30-9-2019	30-9-2026	7	30-9-2021

Mã/Tên trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu phát hành (tỷ VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (năm)	Ngày thực hiện quyền mua lại (nếu có)
BID2_19.07	600	7,40	30-9-2019	30-9-2029	10	30-9-2024
BID2_19.11	2.483	7,10	5-11-2019	5-11-2026	7	5-11-2021
BID2_19.10	500	6,88	21-11-2019	21-11-2026	7	21-11-2021
BID2_19.09	223	7,20	26-11-2019	26-11-2029	10	26-11-2024
BID2_19.08	2.577	7,10	26-11-2019	26-11-2026	7	26-11-2021
BID2_RL19.20	201	7,15	13-12-2019	13-12-2026	7	13-12-2021
BID2_RL19.18	100	7,30	18-12-2019	18-12-2034	15	18-12-2029
BID2_RL19.22	34	7,10	19-12-2019	19-12-2026	7	19-12-2021
BID2_RL19.17	200	7,00	20-12-2019	20-12-2029	10	20-12-2024
BID2_RL20.03	232	6,58	23-4-2020	23-4-2028	8	23-4-2023
BID2_RL20.04	16	6,78	23-4-2020	23-4-2030	10	23-4-2025
BID2_RL20.02	472	6,38	23-4-2020	23-4-2027	7	23-4-2022
BID2_RL20.12	500	6,83	27-4-2020	27-4-2028	8	27-4-2023
BID2_RL20.13	500	6,83	28-4-2020	28-4-2028	8	28-4-2023
BID2_RL20.06	534	6,38	8-5-2020	8-5-2027	7	8-5-2022
BID2_RL20.07	206	6,58	8-5-2020	8-5-2028	8	8-5-2023
BID2_RL20.08	43	6,78	8-5-2020	8-5-2030	10	8-5-2025
BID2_RL20.15	744	6,28	26-5-2020	26-5-2027	7	26-5-2022
BID2_RL20.16	61	6,58	26-5-2020	26-5-2028	8	26-5-2023
BID2_RL20.17	6	6,78	26-5-2020	26-5-2030	10	26-5-2025
BID2_RL20.14	500	7,95	26-5-2020	26-5-2035	15	26-5-2030
BID2_RL20.18	615	6,30	11-6-2020	11-6-2027	7	11-6-2022
BID2_RL20.19	93	6,60	11-6-2020	11-6-2028	8	11-6-2023
BID2_RL20.20	206	6,80	11-6-2020	11-6-2030	10	11-6-2025
BID2_RL20.23	200	6,88	16-6-2020	16-6-2030	10	16-6-2025
BID2_RL20.24	200	6,88	17-6-2020	17-6-2030	10	17-6-2025
BID2_RL20.25	200	6,68	18-6-2020	18-6-2028	8	18-6-2023
BID2_RL20.26	200	6,68	22-6-2020	22-6-2028	8	22-6-2023
BID2_RL20.28	1.000	6,28	22-6-2020	22-6-2027	7	22-6-2022
BID2_RL20.27	200	6,68	23-6-2020	23-6-2028	8	23-6-2023
BID2_RL20.29	1.000	6,28	23-6-2020	23-6-2027	7	23-6-2022
BID2_RL20.30	1.000	6,28	24-6-2020	24-6-2027	7	24-6-2022
BID2_RL20.35	230	7,70	25-6-2020	25-6-2035	15	25-6-2030
BID2_RL20.31	400	6,28	25-6-2020	25-6-2027	7	25-6-2022
BID2_RL20.32	491	6,28	26-6-2020	26-6-2027	7	26-6-2022
BID2_RL20.33	89	6,58	26-6-2020	26-6-2028	8	26-6-2023
BID2_RL20.34	50	6,78	26-6-2020	26-6-2030	10	26-6-2025
BID2_RL20.36	260	6,70	16-7-2020	16-7-2027	7	16-7-2022
BID2_RL20.37	125	7,00	16-7-2020	16-7-2028	8	16-7-2023

Mã/Tên trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu phát hành (tỷ VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (năm)	Ngày thực hiện quyền mua lại (nếu có)
BID2_RL20.38	33	7,20	16-7-2020	16-7-2030	10	16-7-2025
BIDL2027039	342	6,70	30-7-2020	30-7-2027	7	30-7-2022
BIDL2028040	139	7,00	30-7-2020	30-7-2028	8	30-7-2023
BIDL2030041	9	7,20	30-7-2020	30-7-2030	10	30-7-2025
BIDL2027042	1.500	6,70	10-8-2020	10-8-2027	7	10-8-2022
BIDL2028045	91	6,90	20-8-2020	20-8-2028	8	20-8-2023
BIDL2030046	52	7,00	20-8-2020	20-8-2030	10	20-8-2025
BIDL2027044	177	6,60	20-8-2020	20-8-2027	7	20-8-2022
BIDL2027047	580	6,60	31-8-2020	31-8-2027	7	31-8-2022
BIDL2028048	144	6,90	31-8-2020	31-8-2028	8	31-8-2023
BIDL2030049	6	7,00	31-8-2020	31-8-2030	10	31-8-2025
BIDL2027053	250	6,60	17-9-2020	17-9-2027	7	17-9-2022
BIDL2028054	162	6,90	17-9-2020	17-9-2028	8	17-9-2023
BIDL2030055	6	7,00	17-9-2020	17-9-2030	10	17-9-2025
BIDL2035059	50	7,00	24-9-2020	24-9-2035	15	24-9-2030
BIDL2027056	307	6,60	29-9-2020	29-9-2027	7	29-9-2022
BIDL2028057	58	6,90	29-9-2020	29-9-2028	8	29-9-2023
BIDL2030058	21	7,00	29-9-2020	29-9-2030	10	29-9-2025
BIDL2035065	47	7,20	14-10-2020	14-10-2035	15	14-10-2030
BIDL2035063	50	7,00	19-10-2020	19-10-2035	15	19-10-2030
BIDH2028064	1.000	6,70	26-10-2020	26-10-2028	8	26-10-2023
BIDL2035050	200	7,00	29-10-2020	29-10-2035	15	29-10-2030
BIDL2028066	300	6,70	20-11-2020	20-11-2028	8	20-11-2023
BIDL2028067	56	6,48	25-12-2020	25-12-2028	8	25-12-2023
BIDL2028061	1.000	6,50	30-12-2020	30-12-2028	8	30-12-2023
BIDL2128001	1.000	6,33	20-5-2021	20-5-2028	7	20-5-2023
BIDL2136002	800	6,90	21-5-2021	21-5-2036	15	21-5-2031
BIDL2128003	700	6,20	3-6-2021	3-6-2028	7	3-6-2023
BIDL2128004	300	6,18	11-6-2021	11-6-2028	7	11-6-2023
BIDL2128005	1.000	6,28	15-6-2021	15-6-2028	7	15-6-2023
BIDL2136006	120	6,90	23-6-2021	23-6-2036	15	23-6-2031
BIDL2128007	130	6,18	23-6-2021	23-6-2028	7	23-6-2023
BIDLH2128008	482	6,18	25-6-2021	25-6-2028	7	25-6-2023
BIDLH2129009	112	6,48	25-6-2021	25-6-2029	8	25-6-2024
BIDLH2131010	5	6,58	25-6-2021	25-6-2031	10	25-6-2026
BIDL2136012	50	6,90	29-6-2021	29-6-2036	15	29-6-2031
BIDL2129013	1.000	6,53	29-6-2021	29-6-2029	8	29-6-2024
Tổng cộng	39.730					

Nguồn: BIDV

2.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 36: Các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các khoản phải nộp	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021	Việc tuân thủ theo quy định pháp luật
Theo số liệu BCTC riêng					
1	Các khoản thuế (thuế Giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), các loại thuế khác)	3.389.153	3.044.058	2.288.543	BIDV thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước theo các cơ chế chính sách hiện hữu
2	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	26.787	20.810	11.978	
Tổng		3.415.940	3.064.868	2.300.521	
Theo số liệu BCTC hợp nhất					
1	Các khoản thuế (thuế GTGT, thuế TNDN, các loại thuế khác)	3.795.458	3.481.553	2.598.347	BIDV thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước theo các cơ chế chính sách hiện hữu
2	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	56.746	51.755	30.353	
Tổng		3.852.204	3.533.308	2.625.700	

Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất và riêng giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét

2.1.4. Trích lập các quỹ

Năm 2019, BIDV đã được ĐHĐCĐ và cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án trích lập các quỹ từ lợi nhuận để lại cụ thể như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 414,52 tỷ đồng.
- Quỹ dự phòng tài chính: 829,05 tỷ đồng.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.755,99 tỷ đồng.

Năm 2020, BIDV đã trình và được ĐHĐCĐ thông qua về phương án trích lập các quỹ từ lợi nhuận để lại, cụ thể như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 333,33 tỷ đồng.
- Quỹ dự phòng tài chính: 666,66 tỷ đồng.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.886,1 tỷ đồng.

6 tháng đầu năm 2021: thực hiện theo Điều 4 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, trong đó ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định mức tạm trích lập các quỹ trong năm 2021. Mức trích lập tối đa theo quy định hiện hành và phù hợp với kết quả kinh doanh trong năm. Theo đó, đến thời điểm 30/6/2021 căn cứ kết quả kinh doanh BIDV đã tạm trích lập các quỹ như sau:

- Tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 800 tỷ đồng.

Việc đề xuất trích lập Quỹ của BIDV đảm bảo tuân thủ các quy định trong quản lý tài chính đối với các Tổ chức tín dụng, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định mức trích lập các hàng năm theo phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2.1.5. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất: Không có

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 37: Chi tiết chỉ tiêu tài chính giai đoạn năm 2019 – 6 tháng đầu năm 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị	Theo BCTC riêng			Theo BCTC hợp nhất		
		Năm 2019	Năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	Năm 2019	Năm 2020	6 tháng đầu năm 2021
1. Chỉ tiêu về vốn							
- Vốn điều lệ	Tỷ đồng	40.220	40.220	40.220	40.220	40.220	40.220
- Vốn tự có	Tỷ đồng	99.582	105.242	116.833	105.591	114.519	125.556
- Tỷ lệ an toàn vốn	%	8,52	8,15	8,44	8,74	8,61	8,81
2. Chất lượng tài sản							
- Tỷ lệ nợ quá hạn	%	1,44	1,12	1,14	1,60	1,17	1,23
- Tỷ lệ nợ xấu	%	1,66	1,67	1,54	1,75	1,76	1,62
- (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	75,27	81,40	80,13	75,69	81,60	80,26
- Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	97,51	97,34	98,59	95,56	97,25	98,47
3. Khả năng thanh khoản (*)							
- Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	13,52	11,58	12,62			
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	26,55	25,71	24,83			
- Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	87,95	86,98	85,40			
4. Kết quả hoạt động kinh doanh							
- Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	16,87	11,34	9,80	16,24	11,48	9,82

Chỉ tiêu	Đơn vị	Theo BCTC riêng			Theo BCTC hợp nhất		
		Năm 2019	Năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	Năm 2019	Năm 2020	6 tháng đầu năm 2021
- Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,76	0,57	0,49	0,77	0,60	0,51
- Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	2,58	2,37	3,01	2,62	2,43	3,05
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,61	0,46	0,78	0,61	0,48	0,82
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	13,57	9,11	15,74	12,94	9,18	15,74
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng /cổ phiếu				1.869	1.447	1.369
- Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	8,0	9,4	9,0	8,9	10,5	10,0
- Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	35,6	53,6	36,4	39,8	58,3	39,4

(*) Theo Quy định NHNN, tỷ lệ này chỉ áp dụng với hoạt động riêng Ngân hàng

Nguồn: BIDV

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

- Theo ý kiến của Tổ chức kiểm toán, Báo cáo tài chính riêng năm 2019 của Tổ Chức Phát Hành đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Theo ý kiến của Tổ chức kiểm toán, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Tổ Chức Phát Hành đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

- Theo ý kiến của Tổ chức kiểm toán, Báo cáo tài chính riêng năm 2020 của Tổ Chức Phát Hành đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Theo ý kiến của Tổ chức kiểm toán, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Tổ Chức Phát Hành đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.
- Căn cứ trên kết quả soát xét của Tổ chức kiểm toán, Tổ chức kiểm toán không thấy có vấn đề gì khiến Tổ chức kiểm toán cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ năm 2021 không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 30/06/2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Căn cứ trên kết quả soát xét của Tổ chức kiểm toán, Tổ chức kiểm toán không thấy có vấn đề gì khiến Tổ chức kiểm toán cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2021 không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 30/06/2021, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

4.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 38: Kế hoạch lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021

Đơn vị: tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	2021	
	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2020
Tổng thu nhập hoạt động	54.400	+14,4%
Lợi nhuận sau thuế	10.000	+ 49%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Tổng thu nhập hoạt động	18,4%	+ 4,4%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	12,5%	+ 3,2%
Tỷ lệ cổ tức	Không thấp hơn mức thực hiện năm 2020 (Năm 2020 chi trả cổ tức dự kiến 7% bằng cổ phiếu)	

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của BIDV

Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên: Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chủ yếu, ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh Kế hoạch kinh doanh năm 2021 phù hợp với tình hình thực tế, đặc biệt là diễn biến dịch Covid 19 và theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; tỷ lệ và hình thức chi trả cổ tức thực hiện theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

4.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ cổ tức nêu trên

Cơ sở để đạt được kế hoạch lợi nhuận 2021

BIDV xây dựng kế hoạch và tính toán khả năng có thể đảm bảo đạt mục tiêu trên cơ sở các căn cứ sau:

- Tăng trưởng tín dụng theo kế hoạch NHNN giao (hiện BIDV được giao là 7,5% và sẽ điều chỉnh nếu được NHNN chấp thuận), bám sát chủ trương, giải pháp điều hành kinh tế của Chính phủ, chính sách tiền tệ, tín dụng, hoạt động ngân hàng của NHNN.
- Cân đối nguồn vốn, sử dụng vốn an toàn - hiệu quả, đảm bảo thanh khoản, đáp ứng kịp thời nhu cầu tín dụng và thanh toán của nền kinh tế, củng cố vị trí dẫn đầu trên các phân khúc thị trường chủ đạo như bán lẻ, SME, ...
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng đảm bảo tỷ lệ nợ xấu <1,6%, quyết liệt triển khai các giải pháp xử lý nợ xấu, tăng cường các biện pháp thu hồi nợ ngoại bảng.
- Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, tập trung đẩy mạnh phát triển hoạt động Ngân hàng số, phân đầu gia tăng các nguồn thu phi lãi theo đúng định hướng; Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển sản phẩm dịch vụ và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.
- Gia tăng hiệu quả sử dụng chi phí.
- Cấu trúc lại toàn diện hoạt động đầu tư đảm bảo công khai, minh bạch và tối đa hóa lợi ích của BIDV.
- Nâng cao năng lực quản trị điều hành, tăng cường công tác quản trị rủi ro trên tất cả các mặt hoạt động.
- Tiếp tục triển khai hiệu quả quan hệ hợp tác với cổ đông chiến lược Hana Bank trong 6 lĩnh vực đã ký kết: (i) Quản trị chiến lược phát triển ngân hàng; (ii) Quản lý hệ thống công nghệ và ngân hàng số; (iii) Tăng cường phát triển ngân hàng bán lẻ; (iv) Đa dạng hóa danh mục tài sản sinh lời; (v) Quản trị rủi ro; và (vi) Đào tạo & phát triển nguồn nhân lực.

Cơ sở để đạt được kế hoạch cổ tức 2021:

- Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2020 của ngân hàng;
- Căn cứ nhu cầu nâng cao năng lực tài chính của ngân hàng;
- Căn cứ phê duyệt của cấp có thẩm quyền (NHNN, Bộ Tài chính).

4.3. *Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận*

Với tư cách là tổ chức tư vấn cho đợt chào bán, HSC đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của BIDV.

Trên cơ sở phân tích tiềm năng phát triển của ngành ngân hàng và các thông tin thu thập được, cùng đánh giá về BIDV trên các phương diện như năng lực lãnh đạo của đội ngũ lãnh đạo, hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống công nghệ thông tin, nền tảng khách hàng cũng như định hướng chiến lược phát triển, HSC cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của BIDV dự kiến cho năm 2021 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các Nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào trái phiếu của BIDV.

5. **Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo**

Dự kiến trong 03 năm tới, BIDV sẽ tiếp tục triển khai chào bán sản phẩm trái phiếu với mục đích nêu tại phần VI của Bản Cáo Bạch và việc chào bán phù hợp với quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước cũng như trên cơ sở phương án phát hành được cấp thẩm quyền chấp thuận.

VI. **THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN**

Mục VI dưới đây bao gồm các điều khoản và điều kiện Trái Phiếu được chào bán theo Bản Cáo Bạch này. Trái Phiếu được điều chỉnh bởi các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu (“**Các Điều Kiện Trái Phiếu**”) được quy định tại Phụ Lục I Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

Với việc đăng ký mua Trái Phiếu và/hoặc nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, và trở thành chủ sở hữu Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu được xem là đã hiểu và đồng ý với tất cả các nội dung và quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu và chịu sự ràng buộc của các quy định có liên quan của văn bản này.

Trái Phiếu được phát hành thành nhiều đợt (các “**Đợt Phát Hành**” như được định nghĩa dưới đây). Theo đó, tại mỗi Đợt Phát Hành, trừ khi được quy định khác đi thì các quy định đối với và liên quan đến Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bất kỳ quy định nào đề cập chung đến Trái Phiếu hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu được hiểu là đề cập đến Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc quy định cho Trái Phiếu hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu của Đợt Phát Hành tương ứng đó.

Các thuật ngữ và cụm từ viết hoa sử dụng trong Mục VI Bản Cáo Bạch này sẽ có ý nghĩa như sau:

“**Chuyển Quyền Sở Hữu**” có nghĩa là các hình thức mua bán, cho tặng, thừa kế, trao đổi hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật làm thay đổi quyền sở hữu trái phiếu.

“**Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu**” có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

“**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như quy định tại Điểm 13(a).

“**Đợt Phát Hành**” có nghĩa là (i) đợt phát hành thứ nhất dự kiến thực hiện trong Quý IV/2021, sau khi được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng (“**Đợt 1**”); và (ii) đợt phát hành thứ hai dự kiến thực hiện trong Quý IV/2021 theo quyết định của Tổ Chức Phát Hành, sau khi kết thúc Đợt 1 nhưng không quá 12 (mười hai) tháng (“**Đợt 2**”).

“**Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu**” có nghĩa là hợp đồng được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu, theo đó, Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu được chỉ định là đại lý đăng ký ban đầu cho Trái Phiếu, cung cấp dịch vụ đăng ký và thanh toán cho Trái Phiếu trong giai đoạn Trái Phiếu chưa được đăng ký tập trung tại VSD.

“**Hợp Đồng Đại Diện**” có nghĩa là hợp đồng được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, theo đó Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ định là tổ chức đại diện cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa là khoảng thời gian để xác định lại lãi suất của Trái Phiếu, định kỳ 01 (một) năm một lần kể từ Ngày Phát Hành.

“**Kỳ Thanh Toán Lãi**” có nghĩa là định kỳ một (01) năm một lần kể từ Ngày Phát Hành.

“**Kỳ Hạn Trái Phiếu**” có nghĩa như quy định tại Điểm 6 Mục VI Bản Cáo Bạch này.

“**Ngày Làm Việc**” có nghĩa là ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật Việt Nam) mà vào ngày đó hoạt động thanh toán giữa các ngân hàng tại Việt Nam được thực hiện bình thường.

“**Ngày Phát Hành**” có nghĩa là Ngày Làm Việc tiếp theo sau ngày kết thúc việc thu tiền chào bán Trái Phiếu (áp dụng cho từng Đợt Phát Hành) trên thực tế theo công bố của Tổ Chức Phát Hành.

“**Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại**” có nghĩa là (i) ngày tròn hai (02) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu mã BIDL2128002C và BIDL2128005C, (ii) ngày tròn ba (03) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu mã BIDL2129003C và BIDL2129006C, (iii) ngày tròn năm (05) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu mã BIDL2131004C và BIDL2131007C.

“**Ngày Đáo Hạn**” có nghĩa là (i) ngày tròn bảy (07) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu mã BIDL2128002C và BIDL2128005C, (ii) ngày tròn tám (08) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu mã BIDL2129003C và BIDL2129006C và (iii) ngày tròn mười (10) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu BIDL2131004C và BIDL2131007C.

“**Ngày Đến Hạn Gốc**” có nghĩa là Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác khi Tổ Chức Phát Hành thực hiện mua lại Trái Phiếu hoặc Ngày Đáo Hạn.

“**Ngày Đăng Ký Cuối Cùng**” có nghĩa là Ngày Làm Việc được xác định theo thông báo của VSD để thực hiện một hoặc nhiều mục đích cụ thể bao gồm nhưng không giới hạn các mục đích sau: (i) thực hiện thanh toán lãi Trái Phiếu, (ii) thực hiện thanh toán gốc Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, (iii) thực hiện hoàn trả Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn, (iv)

thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ khác theo Trái Phiếu và/hoặc (v) các mục đích khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

“**Ngày Thanh Toán Lãi**” có nghĩa là mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành cho đến khi kết thúc Kỳ Hạn Trái Phiếu.

“**Ngày Chốt Danh Sách**” có nghĩa là:

- (A) Trong trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký, lưu ký tập trung tại VSD:
- (i) Trong vòng 15 Ngày Làm Việc trước ngày Tổ Chức Phát Hành thực hiện gửi hồ sơ đăng ký và hồ sơ lưu ký Trái Phiếu tới VSD.
 - (ii) Ngày Làm Việc thứ mười (10) trước mỗi Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn khác để thực hiện mua lại Trái Phiếu; hoặc
 - (iii) Ngày Làm Việc được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thông báo theo Hợp Đồng Đại Diện nhằm triệu tập Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (B) Trong trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký, lưu ký tập trung tại VSD:
- (i) Ngày Đăng Ký Cuối Cùng;
 - (ii) Ngày Làm Việc được ấn định bởi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan và quy chế của VSD nhằm thực hiện việc mua lại Trái Phiếu trước hạn bắt buộc;
 - (iii) Ngày Làm Việc được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành lựa chọn phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan và quy chế của VSD và thông báo theo Hợp Đồng Đại Diện nhằm triệu tập hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu; hoặc
 - (iv) Ngày Làm Việc được xác định theo quy chế của VSD để chốt danh sách đó trong trường hợp nếu Tổ Chức Phát Hành không có quyền ấn định ngày chốt danh sách đó.

“**Người Sở Hữu Trái Phiếu**” là người mua hoặc nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, (i) đã được đăng ký và có tên trong Sổ Đăng Ký do Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu quản lý trước khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại VSD, hoặc (ii) có tên trong danh sách người sở hữu trái phiếu do VSD quản lý và cung cấp tại từng thời điểm sau khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại VSD.

“**Quyền Mua Lại Trước Hạn**” là quyền của Tổ Chức Phát Hành được mua lại trước hạn toàn bộ, nhưng không được mua lại một phần Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại với giá mua lại bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan. Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu do mình sở hữu cho Tổ Chức Phát Hành và Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ.

“**Tổ Chức Phát Hành**” có nghĩa là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

“**Thành Viên Lưu Ký**” có nghĩa là là công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và được VSD chấp thuận trở thành thành viên lưu ký.

“**Văn Kiện Trái Phiếu**” có nghĩa là bất cứ văn kiện nào, bao gồm: (i) Bản Cáo Bạch; (ii) Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu; (iii) Hợp Đồng Đại Diện; (iv) Bất kỳ văn kiện, hợp đồng hay thỏa thuận nào khác được ký kết hoặc ban hành sau Ngày Phát Hành có quy định và/hoặc liên quan về quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu/Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với các Trái Phiếu và được các bên liên quan công nhận (và được những Người Sở Hữu Trái Phiếu/Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận) là một Văn Kiện Trái Phiếu; và (v) Bất kỳ văn kiện hay thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của bất kỳ văn kiện, hợp đồng hay thỏa thuận nào nêu trong các Mục từ (i) đến (iv) trên đây.

“**VSD**” có nghĩa là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (hoặc bất kỳ tổ chức nào khác kế thừa chức năng đăng ký, và/hoặc lưu ký chứng khoán tại Việt Nam) (tùy từng trường hợp áp dụng).

1. Tên Trái Phiếu

Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2021.

2. Loại trái phiếu

2.1. Loại trái phiếu: Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản bảo đảm.

2.2. Các tính chất khác của trái phiếu

- (a) Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định.
- (b) Trái Phiếu được phát hành và thanh toán bằng Đồng Việt Nam dưới hình thức bút toán ghi sổ.
- (c) Trong Kỳ Hạn Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.
- (d) Mã Trái Phiếu:

Trái Phiếu	Mã Trái Phiếu	
	Đợt 1	Đợt 2
Trái Phiếu kỳ hạn 07 (bảy) năm	BIDL2128002C	BIDL2128005C
Trái Phiếu kỳ hạn 08 (tám) năm	BIDL2129003C	BIDL2129006C
Trái Phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm	BIDL2131004C	BIDL2131007C

3. Mệnh giá

100.000 VND (một trăm nghìn Đồng Việt Nam)/01 (một) Trái Phiếu.

4. Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán

Tổng số lượng Trái Phiếu dự kiến chào bán của các Đợt Phát Hành là 90.000.000 (chín mươi triệu) Trái Phiếu, chi tiết như sau:

STT	Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn	Số lượng Trái Phiếu chào bán	Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá (VND)	Thời điểm phát hành dự kiến
Trái Phiếu chào bán ra công chúng Đợt 1					
1	BIDL2128002C	07 năm	30.000.000 (Ba mươi triệu)	3.000.000.000.000 (Ba nghìn tỷ)	Dự kiến trong Quý IV/2021
2	BIDL2129003C	08 năm	10.000.000 (Mười triệu)	1.000.000.000.000 (Một nghìn tỷ)	
3	BIDL2131004C	10 năm	10.000.000 (Mười triệu)	1.000.000.000.000 (Một nghìn tỷ)	
Tổng cộng			50.000.000 (Năm mươi triệu)	5.000.000.000.000 (Năm nghìn tỷ)	
Trái Phiếu chào bán ra công chúng Đợt 2					
4	BIDL2128005C	07 năm	25.000.000 (Hai mươi lăm triệu)	2.500.000.000.000 (Hai nghìn năm trăm tỷ)	Dự kiến trong Quý IV/2021
5	BIDL2129006C	08 năm	10.000.000 (Mười triệu)	1.000.000.000.000 (Một nghìn tỷ)	
6	BIDL2131007C	10 năm	5.000.000 (Năm triệu)	500.000.000.000 (Năm trăm tỷ)	
Tổng cộng			40.000.000 (Bốn mươi triệu)	4.000.000.000.000 (Bốn nghìn tỷ)	

Trường hợp chưa chào bán hết số lượng Trái Phiếu dự kiến phát hành trong Đợt 1 thì số lượng Trái Phiếu chưa chào bán hết trong Đợt 1 sẽ được chuyển sang Đợt 2 tương ứng theo từng kỳ hạn Trái Phiếu. Để làm rõ, số lượng Trái Phiếu chào bán trong Đợt 2 bao gồm số lượng Trái Phiếu dự kiến chào bán Đợt 2 ban đầu (nêu trên) và số lượng Trái Phiếu không chào bán hết trong Đợt 1 chuyển sang tương ứng theo từng kỳ hạn Trái Phiếu (nếu có).

5. Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá của các Đợt Phát Hành là 9.000.000.000.000 (chín nghìn tỷ) Đồng Việt Nam, chi tiết quy định tại Điểm 4.

Để làm rõ, tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá Đợt 2 thực tế bao gồm tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá Đợt 2 ban đầu (nêu trên) tương ứng theo từng kỳ hạn Trái Phiếu và tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá không chào bán hết trong Đợt 1 chuyển sang tương ứng theo từng kỳ hạn Trái Phiếu.

6. Kỳ hạn Trái Phiếu

Trái Phiếu được phát hành với các kỳ hạn 07 năm, 08 năm và 10 năm. Chi tiết kỳ hạn Trái Phiếu tương ứng với mã Trái Phiếu được quy định chi tiết tại Điểm 4.

7. Tiền lãi và Lãi suất

7.1 Tiền Lãi

(a) Tiền lãi Trái Phiếu được tính kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành cho đến nhưng không bao gồm Ngày Đến Hạn Gốc (tùy trường hợp áp dụng), và được thanh toán vào Ngày Thanh Toán Lãi.

(i) Đối với các Trái Phiếu mã BIDL2128002C và BIDL2128005C:

Nếu Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại thì Ngày Thanh Toán Lãi năm thứ hai (02) sẽ là Ngày Thanh Toán Lãi cuối cùng của Trái Phiếu và tiền lãi năm thứ hai (02) sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu tương ứng.

(ii) Đối với các Trái Phiếu mã BIDL2129003C và BIDL2129006C:

Nếu Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại thì Ngày Thanh Toán Lãi năm thứ ba (03) sẽ là Ngày Thanh Toán Lãi cuối cùng của Trái Phiếu và tiền lãi năm thứ ba (03) sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu tương ứng.

(iii) Đối với các Trái Phiếu mã BIDL2131004C và BIDL2131007C:

Nếu Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại thì Ngày Thanh Toán Lãi năm thứ năm (05) sẽ là Ngày Thanh Toán Lãi cuối cùng của Trái Phiếu và tiền lãi năm thứ năm (05) sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu tương ứng.

Nếu Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đến Hạn Gốc không phải là Ngày Làm Việc thì ngày thanh toán sẽ là Ngày Làm Việc tiếp theo ngay sau ngày đó. Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là một Ngày Làm Việc. Trong trường hợp đến Ngày Đến Hạn Gốc mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được tiền thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu mà không phải do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc Thành Viên Lưu Ký hoặc Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức có chức năng thanh toán theo từng trường hợp cụ thể thì số tiền thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu đó sẽ được Tổ Chức Phát Hành hoặc Thành Viên Lưu Ký hoặc Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức có chức năng thanh toán theo từng trường hợp cụ thể đó giữ hộ và không được hưởng lãi.

(b) Mỗi Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi kể từ Ngày Đến Hạn Gốc của Trái Phiếu đó (tùy từng trường hợp áp dụng) trừ khi tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy

đủ hoặc bị từ chối thanh toán vào các ngày đó do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc Thành Viên Lưu Ký hoặc Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức có chức năng thanh toán theo từng trường hợp cụ thể.

(i) Đối với các Trái Phiếu mã BIDL2128002C và BIDL2128005C:

Nếu khoản tiền gốc của Trái Phiếu bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán mà do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc Thành Viên Lưu Ký hoặc Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức có chức năng thanh toán theo từng trường hợp cụ thể tại (i) Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại thì khoản tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi theo mức 150% Lãi Suất của Kỳ Thanh Toán Lãi thứ hai (02); hoặc (ii) Ngày Đáo Hạn thì khoản tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi theo mức 150% Lãi Suất của Kỳ Thanh Toán Lãi thứ bảy (07) (kể cả trước và sau khi có quyết định về việc giữ lại hoặc từ chối thanh toán) cho đến ngày, nhưng không bao gồm ngày mà Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người đại diện của Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được tất cả các khoản tiền liên quan đến Trái Phiếu đến hạn thanh toán.

(ii) Đối với các Trái Phiếu mã BIDL2129003C và BIDL2129006C:

Nếu khoản tiền gốc của Trái Phiếu bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán mà do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc Thành Viên Lưu Ký hoặc Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức có chức năng thanh toán theo từng trường hợp cụ thể tại (i) Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại thì khoản tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi theo mức 150% Lãi Suất của Kỳ Thanh Toán Lãi thứ ba (03); hoặc (ii) Ngày Đáo Hạn thì khoản tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi theo mức 150% Lãi Suất của Kỳ Thanh Toán Lãi thứ tám (08) (kể cả trước và sau khi có quyết định về việc giữ lại hoặc từ chối thanh toán) cho đến ngày, nhưng không bao gồm ngày mà Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người đại diện của Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được tất cả các khoản tiền liên quan đến Trái Phiếu đến hạn thanh toán.

(iii) Đối với các Trái Phiếu mã BIDL2131004C và BIDL2131007C:

Nếu khoản tiền gốc của Trái Phiếu bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán mà do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc Thành Viên Lưu Ký hoặc Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức có chức năng thanh toán theo từng trường hợp cụ thể tại (i) Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại thì khoản tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi theo mức 150% Lãi Suất của Kỳ Thanh Toán Lãi thứ năm (05); hoặc (ii) Ngày Đáo Hạn thì khoản tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi theo mức 150% Lãi Suất của Kỳ Thanh Toán Lãi thứ mười (10) (kể cả trước và sau khi có quyết định về việc giữ lại hoặc từ chối thanh toán) cho đến ngày, nhưng không bao gồm ngày mà Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người đại diện của Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được tất cả các khoản tiền liên quan đến Trái Phiếu đến hạn thanh toán.

- (c) Trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi, nếu khoản tiền lãi đến hạn của Trái Phiếu bị từ chối thanh toán hoặc được thanh toán không đầy đủ do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc Thành Viên Lưu Ký hoặc Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức có chức năng thanh toán theo từng trường hợp cụ thể thì Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi quá hạn đối với số tiền bị chậm trả tính từ và bao gồm ngày chậm trả cho đến nhưng không bao gồm ngày thanh toán thực tế theo mức lãi suất bằng 150% Lãi Suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Thanh Toán Lãi bị chậm trả.

- (d) Tiền lãi phát sinh từ việc tiền gốc và/hoặc tiền lãi của Trái Phiếu không được thanh toán hoặc bị từ chối thanh toán theo quy định tại Điểm 7.1(b) và (c) nêu trên sẽ do bên gây ra lỗi (tùy từng trường hợp là Tổ Chức Phát Hành hoặc Thành Viên Lưu Ký hoặc Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức có chức năng thanh toán theo từng trường hợp cụ thể) chịu trách nhiệm chi trả trực tiếp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (e) Công thức tính tiền lãi cho Điểm 7.1(a) như sau:

$$\text{Tiền lãi Trái Phiếu được hưởng} = \frac{\text{Mệnh giá Trái Phiếu năm giữ thực tế tại Ngày Chốt Danh Sách} \times \text{LS} \times \text{N}}{365}$$

Trong đó:

- + **LS:** có nghĩa là Lãi Suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Thanh Toán Lãi.
 - + **N:** có nghĩa là số ngày được tính kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành hoặc ngày đầu tiên của Kỳ Thanh Toán Lãi cho đến nhưng không bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ Thanh Toán Lãi tiếp theo hoặc Ngày Đáo Hạn.
- (f) Tiền lãi tại các Điểm 7.1(b), (c) và (d) nêu trên sẽ được tính trên cơ sở một năm có ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.

7.2 Lãi Suất

- (a) Lãi suất của Trái Phiếu cho từng Kỳ Thanh Toán Lãi được tính theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm) và được Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu (trước khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tập trung tại VSD) hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (sau khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tập trung tại VSD) xác định tại Ngày Xác Định Lãi Suất theo công thức sau:

Mã Trái Phiếu	Lãi suất áp dụng
BIDL2128002C và BIDL2128005C	Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 0,75% (không phải bảy mươi lăm phần trăm)/năm
BIDL2129003C và BIDL2129006C	Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 0,9% (không phải chín phần trăm)/năm
BIDL2131004C và BIDL2131007C	Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 1,0% (một phần trăm)/năm

- (b) Vì mục đích của Điều Kiện 7.2 (a):
- (i) “**Ngày Xác Định Lãi Suất**” có nghĩa là Ngày Phát Hành đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên hoặc Ngày Làm Việc thứ bảy (07) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Thanh Toán Lãi đối với các Kỳ Thanh Toán Lãi tiếp theo;

- (ii) “**Lãi Suất Tham Chiếu**”, đối với mỗi Kỳ Thanh Toán Lãi, có nghĩa là trung bình cộng lãi suất (là lãi suất hoặc trần lãi suất trong trường hợp không có lãi suất) tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất của Kỳ Thanh Toán Lãi đó. Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân.
- (iii) “**Ngân Hàng Tham Chiếu**” bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Khu vực/TP Hà Nội, (mỗi ngân hàng nêu trên gọi riêng là “**Ngân Hàng Tham Chiếu**” và gọi chung là “**Các Ngân Hàng Tham Chiếu**”).
- (iv) Nếu Tổ Chức Phát Hành không thực hiện mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, lãi suất Trái Phiếu sẽ được điều chỉnh áp dụng cho Kỳ Thanh Toán Lãi thứ sáu (06) đến khi Trái Phiếu đáo hạn như sau:

Mã Trái Phiếu	Lãi suất áp dụng
BIDL2128002C và BIDL2128005C	Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + 3,25% (ba phẩy hai mươi lăm phần trăm)/năm
BIDL2129003C và BIDL2129006C	Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + 2,57% (hai phẩy năm mươi bảy phần trăm)/năm
BIDL2131004C và BIDL2131007C	Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + 2,0% (hai phần trăm)/năm

- (c) Lãi Suất Tham Chiếu được xác định theo các nguyên tắc sau:

- (i) Trường hợp Ngân Hàng Tham Chiếu hoặc Các Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố mức lãi suất cho kỳ hạn 12 tháng (áp dụng cho lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau), Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ xác định lãi suất công bố của Các Ngân Hàng Tham Chiếu áp dụng cho kỳ hạn tương đương 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng; hoặc kỳ hạn thấp hơn gần nhất 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng và kỳ hạn tương đương 12 tháng.
- (ii) Trường hợp vào Ngày Xác Định Lãi Suất mà Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không xác định được Lãi Suất Tham Chiếu do một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) trang thông tin điện tử chính thức của bất kỳ Ngân Hàng Tham Chiếu nào không hoạt động hoặc Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố hoặc không có lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc kỳ hạn tương đương 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng; hoặc kỳ hạn thấp hơn gần nhất 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng và kỳ hạn tương đương 12 tháng) thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc kỳ hạn tương đương 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng; hoặc kỳ hạn thấp hơn gần nhất 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng và kỳ hạn tương đương 12 tháng) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của (các) Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại tại

Ngày Xác Định Lãi Suất tương ứng. Khi đó, Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải có bằng chứng chứng minh trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu không hoạt động hoặc không công bố lãi suất nêu trên. Để tránh nhầm lẫn, nguyên tắc này không áp dụng đối với trường hợp trang thông tin điện tử chính thức của bất kỳ Ngân Hàng Tham Chiếu nào vẫn công bố nhưng thay đổi cách thức công bố lãi suất (công bố lãi suất theo Chi nhánh cụ thể) dẫn đến việc (một hoặc một số) Lãi Suất Tham Chiếu của (các) Ngân Hàng Tham Chiếu tại Điểm 7.2(b) không xác định được thì Ngân Hàng Tham Chiếu được sử dụng có giá trị tương đương là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao Dịch, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao Dịch, và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao Dịch 1 (bao gồm cả trường hợp Chi nhánh Ngân Hàng Tham Chiếu đó đổi tên) để thay thế cho Ngân Hàng Tham Chiếu tương ứng.

- (iii) Trường hợp vào Ngày Xác Định Lãi Suất mà Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không xác định được Lãi Suất Tham Chiếu do trang thông tin điện tử chính thức của cả bốn (04) Ngân Hàng Tham Chiếu không hoạt động và/hoặc không công bố hoặc không có lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn, trả sau, 12 tháng (hoặc kỳ hạn tương đương 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng; hoặc kỳ hạn thấp hơn gần nhất 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng và kỳ hạn tương đương 12 tháng) thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc kỳ hạn tương đương 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng; hoặc kỳ hạn thấp hơn gần nhất 12 tháng nếu không có kỳ hạn 12 tháng và kỳ hạn tương đương 12 tháng) được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1 công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Thông tin về lãi suất này phải được cung cấp cho Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (tùy từng trường hợp áp dụng) bằng văn bản.
 - (iv) Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý rằng kết quả xác định Lãi Suất của Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về số học một cách rõ ràng.
- (d) Trong trường hợp pháp luật có quy định áp dụng trần lãi suất đối với Trái Phiếu thì (A) nếu quy định áp dụng trần lãi suất không có hiệu lực áp dụng hoặc không bắt buộc áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu đã được quy định tại Điểm 7.2 (a) nêu trên thì lãi suất Trái Phiếu sẽ tiếp tục được áp dụng theo quy định tại Điểm 7.2 (a) đó; (B) nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu và lãi suất Trái Phiếu đã được quy định tại Điểm 7.2 (a) nêu trên vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì lãi suất Trái Phiếu sẽ là mức lãi suất trần tối đa được phép theo quy định của pháp luật; (C) nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu nhưng lãi suất Trái Phiếu được quy định tại Điểm 7.2 (a) nêu trên không vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì lãi suất Trái Phiếu là mức lãi suất được xác định như tại Điểm 7.2 (a) nêu trên.

7.3 Ngừng Thanh Toán Tiền Lãi

Trong khoảng thời gian từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đến Hạn Gốc, Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng thanh toán tiền lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo

nếu việc thanh toán lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ (“**Số Tiền Lãi Chậm Trả**”). Việc chậm trả lãi như vậy sẽ không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của Các Điều Kiện Trái Phiếu cho bất kỳ mục đích nào.

Số Tiền Lãi Chậm Trả sẽ không được nhập vào gốc và sẽ được hưởng lãi suất kể từ và bao gồm ngày chậm trả cho đến nhưng không bao gồm ngày hoàn trả thực tế (là ngày Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu Số Tiền Lãi Chậm Trả và lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Chậm Trả).

Lãi suất áp dụng cho Số Tiền Lãi Chậm Trả là Lãi Suất cho Kỳ Thanh Toán Lãi tương ứng mà Tổ Chức Phát Hành chậm trả lãi (mức lãi suất này được áp dụng trong suốt thời gian chậm trả lãi của Số Tiền Lãi Chậm Trả tương ứng).

Trong trường hợp Số Tiền Lãi Chậm Trả được hưởng lãi không tròn một Kỳ Thanh Toán Lãi thì số tiền lãi sẽ được tính trên cơ sở số ngày thực tế chậm trả trong kỳ và một năm có ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.

8. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc

- 8.1 Tiền lãi Trái Phiếu được trả sau, định kỳ một (01) năm một lần vào Ngày Thanh Toán Lãi cho đến khi Tổ Chức Phát Hành hoàn thành việc thanh toán gốc Trái Phiếu theo quy định tại Điểm 8.2 dưới đây.
- 8.2 Tiền gốc Trái Phiếu được thanh toán bằng 100% mệnh giá vào Ngày Đáo Hạn Gốc (tùy từng trường hợp phát sinh). Để tránh nhầm lẫn, vào mỗi ngày đến hạn thanh toán theo Điểm này, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ nhận được số tiền bằng tổng số tiền gốc cộng với lãi phát sinh và chưa được thanh toán tính đến và không bao gồm ngày thanh toán đó.

9. Giá chào bán

100% mệnh giá tương đương 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng Việt Nam)/ 01 (một) Trái Phiếu.

10. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ hoặc chấm dứt hoạt động

- 10.1 Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ theo quy định tại Điểm 7.3.
- 10.2 Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị thanh lý, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có bảo đảm hoặc không có bảo đảm khác. Các Trái Phiếu phát hành cùng đợt sẽ có thứ tự thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

11. Quyền và nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

11.1. Quyền Của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi tên trong Sổ Đăng Ký do Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu quản lý (trước khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tập trung tại VSD) hoặc trong danh sách Người sở hữu trái phiếu được quản lý tập trung tại VSD (sau khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại VSD) sẽ là chủ sở hữu duy nhất

của Trái Phiếu về mọi phương diện và sẽ có quyền nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác liên quan đến Trái Phiếu đó.

(a) Quyền sở hữu và được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu

(i) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại VSD

Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu sẽ lập và duy trì sổ đăng ký (“**Sổ Đăng Ký**”) ghi tên, số lượng Trái Phiếu sở hữu, tài khoản nhận gốc, lãi Trái Phiếu và các thông tin khác của những Người Sở Hữu Trái Phiếu.

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu, thay mặt và theo ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu (“**Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu**”) đối với việc đăng ký sở hữu Trái Phiếu. Mỗi Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được đánh số riêng biệt để nhận biết và sẽ được ghi trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu.

Quyền sở hữu Trái Phiếu chỉ được chuyển giao sau khi bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao hoàn thành các thủ tục Chuyển Quyền Sở Hữu mà Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu quy định và hoàn tất việc đăng ký thông tin về bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu trong Sổ Đăng Ký. Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu sẽ cấp, hoặc bảo đảm cấp cho bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu một Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu mới ghi nhận (i) khoản tiền gốc của Trái Phiếu đã được nhận Chuyển Quyền Sở Hữu và (ii) quyền sở hữu của bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký trong Sổ Đăng Ký (để tránh nhầm lẫn, bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu sẽ trở thành Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu được nhận Chuyển Quyền Sở Hữu ngay khi quyền sở hữu của bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu đối với Trái Phiếu đó được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký, không phụ thuộc vào việc bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu đã được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu hay chưa). Các chi phí liên quan đến việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu ấn định khi thực hiện việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, phù hợp với luật Việt Nam và thực tiễn thị trường và sẽ do bên Chuyển Quyền Sở Hữu và/hoặc bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu thanh toán cho Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu.

Nếu Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị thất lạc, mất cắp, rách nát, hư hại hoặc phá hủy thì Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu đó có thể được cấp lại tại văn phòng được chỉ định của Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành sau khi người yêu cầu cấp lại thanh toán các chi phí phát sinh liên quan đến việc cấp lại đó cho Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu và người yêu cầu cấp lại phải cung cấp chứng cứ liên quan đến việc cấp lại đó. Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị rách nát, hư hại phải được nộp lại trước khi được cấp lại.

(ii) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại VSD.

Sau khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại VSD, việc cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu (nếu có) sẽ theo các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam và của VSD và các quy định của Hợp Đồng Đại Diện (trong phạm vi các quy định đó phù hợp với pháp luật Việt Nam và quy định của VSD).

(b) Quyền hưởng lãi và các khoản thanh toán khác

Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Các Điều Khoản Trái Phiếu đối với số Trái Phiếu mình sở hữu theo các quy định dưới đây:

- (i) Đối với các Trái Phiếu chưa được lưu ký tập trung tại VSD, mỗi khoản thanh toán tiền lãi định kỳ vào Ngày Thanh Toán Lãi hoặc khoản thanh toán tiền gốc và lãi vào Ngày Đến Hạn Gốc sẽ được trả cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (là những người có tên trong Sổ Đăng Ký tại Ngày Chốt Danh Sách) thông qua việc Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (được ủy quyền bởi Tổ Chức Phát Hành) chuyển trực tiếp vào tài khoản của Người Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký trong Sổ Đăng Ký hoặc thông qua hình thức hợp pháp khác theo thỏa thuận với Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (ii) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tập trung tại VSD, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của VSD và các quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu và các quy định của Hợp Đồng Đại Diện (trong phạm vi các quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng Đại Diện không xung đột với các quy định của pháp luật Việt Nam và VSD).

(c) Quyền giao dịch Trái Phiếu

- (i) Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do Chuyển Quyền Sở Hữu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu, mua bán có kỳ hạn hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- (ii) Để tránh nhầm lẫn, Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể cầm cố Trái Phiếu tại các tổ chức tín dụng theo quy định hiện hành của pháp luật nếu tổ chức tín dụng đó chấp thuận. Người Sở Hữu Trái Phiếu được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm (cầm cố) tại Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật và quy định hiện hành của Tổ Chức Phát Hành.
- (iii) Không ảnh hưởng đến quy định tại Điểm 11.1(c)(ii), Tổ Chức Phát Hành không nhận chiết khấu Trái Phiếu hoặc mua bán có kỳ hạn Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch khác với Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu mà có hiệu lực như một giao dịch mua lại trước hạn Trái Phiếu trừ trường hợp mua lại trước hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu.
- (iv) Trước thời điểm Tổ Chức Phát Hành chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện các thủ tục đăng ký và lưu ký Trái Phiếu, việc giao dịch Trái Phiếu như trên sẽ được thực hiện thông qua đăng ký tại Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu theo thủ tục quy định tại Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu.
- (v) Trái Phiếu sẽ không được thực hiện giao dịch Chuyển Quyền Sở Hữu từ thời điểm Tổ Chức Phát Hành chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện các thủ tục đăng ký, lưu ký Trái Phiếu cho đến khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tại VSD.
- (vi) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại VSD, việc giao dịch Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của VSD và các quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu và các quy định của Hợp Đồng Đại Diện (trong phạm vi các quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp

Đồng Đại Diện không xung đột với các quy định của pháp luật Việt Nam và VSD).

(d) Quyền biểu quyết

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền biểu quyết (tại Hội nghị hoặc trong đợt lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu) về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu mà phải xin ý kiến của Người Sở Hữu Trái Phiếu như được quy định tại Điểm 23.2 dưới đây.

(e) Quyền có tổ chức đại diện

Vì mục đích đăng ký và lưu ký tập trung Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định Công ty Cổ phần chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) làm đại diện người sở hữu trái phiếu như quy định tại Điểm 13(a) nhằm giám sát việc Tổ Chức Phát Hành tuân thủ nghĩa vụ theo Các Điều Kiện Trái Phiếu và bảo vệ quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện.

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận Chuyển Quyền Sở Hữu công nhận và đồng ý không hủy ngang việc chỉ định Công ty Cổ phần chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điểm 11.1(e) này và Hợp Đồng Đại Diện.

(f) Quyền nhận thông tin

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền nhận thông tin mà Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu theo phương thức quy định tại Điểm 23.3 dưới đây.

(g) Quyền khi xảy ra các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành

- (i) Nếu Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ tiền gốc và/hoặc tiền lãi của bất kỳ Trái Phiếu nào đến hạn (trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành được phép thực hiện quyền Ngừng Thanh Toán Tiền Lãi theo quy định tại Điểm 7.3) và vẫn tiếp tục không thanh toán trong thời gian mười (10) ngày kể từ ngày đến hạn tương ứng (mỗi trường hợp như vậy được gọi là một “**Sự Kiện Vi Phạm**”), thì để buộc Tổ Chức Phát Hành thực hiện nghĩa vụ thanh toán, Người Sở Hữu Trái Phiếu, thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, có quyền khởi kiện Tổ Chức Phát Hành theo thủ tục phá sản hoặc thanh lý hoặc khởi kiện theo các hình thức khác do Người Sở Hữu Trái Phiếu lựa chọn mà không cần gửi thông báo nào khác. Để làm rõ, việc khởi kiện Tổ Chức Phát Hành sẽ không được thực hiện trực tiếp bởi Người Sở Hữu Trái Phiếu nào mà sẽ được thực hiện thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, trừ trường hợp theo quy định tại Khoản 2.4 Điều 2 của Hợp Đồng Đại Diện.
- (ii) Nếu có một lệnh của tòa án được đưa ra hoặc một nghị quyết của cấp có thẩm quyền được thông qua về việc phá sản hoặc giải thể đối với Tổ Chức Phát Hành (bất kể là có một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn hay không) (mỗi trường hợp như vậy đều được gọi là một “**Sự Kiện Vi Phạm**”), và lệnh hoặc nghị quyết đó không được thu hồi/hủy bỏ trong thời gian mười lăm (15) Ngày Làm Việc kể từ ngày được đưa ra, thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi một thông báo bằng văn bản, được coi là có hiệu lực vào ngày nhận thông báo, cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu để yêu cầu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn.

- (iii) Ngay khi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (1) biết có Sự Kiện Vi Phạm xảy ra hoặc (2) nhận được thông báo từ Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại đoạn (ii) trên đây, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, sau khi xác minh thông tin, phải gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu khác và các bên liên quan khác (nếu có) để tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán ngay lập tức mà không phải thực hiện thêm bất cứ thủ tục nào khác nữa. Trong trường hợp này, Trái Phiếu được coi là sẽ đến hạn toàn bộ ngay lập tức cùng với tiền lãi lũy kế (nếu có) và các khoản tiền khác (nếu có) được tính cho đến ngày hoàn trả.
- (h) Toàn quyền quyết định và có thể tự thực hiện các thủ tục để lưu ký Trái Phiếu do mình nắm giữ.
- (i) Các quyền khác theo quy định pháp luật và Các Điều Kiện Trái Phiếu.

11.2. Nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

- (a) Nộp thuế phát sinh từ các khoản thu nhập hoặc bất kỳ khoản thanh toán nào mà Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được liên quan đến Trái Phiếu.
- (b) Phối hợp thực hiện các thủ tục, công việc theo yêu cầu của pháp luật hoặc của Tổ Chức Phát Hành để hoàn thành việc đăng ký, lưu ký tập trung, niêm yết Trái Phiếu.
- (c) Các nghĩa vụ khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu, Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu, và các Văn Kiện Trái Phiếu khác (nếu có).

11.3. Trường hợp thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trường hợp phát sinh thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu đã quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu, các phát sinh thay đổi chỉ có hiệu lực sau khi có thỏa thuận bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện theo một Nghị Quyết những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại các Điểm 23.2(c), 23.2(d) và 23.2(e) hoặc theo yêu cầu bắt buộc của pháp luật.

12. Quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành

12.1. Quyền Của Tổ Chức Phát Hành

- (a) *Mua Lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại*
 - (i) Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, bằng việc gửi thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (thông báo này là không hủy ngang) theo quy định tại Điểm 12.1(a)(iii) dưới đây, Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại trước hạn toàn bộ nhưng không mua lại một phần Trái Phiếu tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại với giá mua lại bằng mệnh giá Trái Phiếu.
 - (ii) Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành và nhận được 100% khoản tiền gốc Trái Phiếu do mình sở hữu; khi đó Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ và tất cả các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan tới các Trái Phiếu (nếu có) sẽ tự động hết hiệu lực lưu hành.

- (iii) Vì mục đích mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại như quy định tại Điểm 12.1(a) này, Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ thông báo việc mua lại trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành và của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ít nhất 10 (mười) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được thông báo mua lại của Tổ Chức Phát Hành mà không do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc không thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện việc bán lại Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành (nếu có), Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang sở hữu cho Tổ Chức Phát Hành. Tiền mua lại Trái Phiếu sẽ được: (i) thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy chế của VSD đối với các Trái Phiếu đã lưu ký tại VSD; (ii) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (theo ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành) thanh toán vào tài khoản được đăng ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với các Trái Phiếu chưa được lưu ký tại VSD hoặc (iii) thanh toán thông qua hình thức hợp pháp khác theo thỏa thuận với Người Sở Hữu Trái Phiếu đó và quy định của pháp luật.

- (b) Các quyền khác theo quy định pháp luật và Các Văn Kiện Trái Phiếu.

12.2. Nghĩa Vụ Của Tổ Chức Phát Hành

- (a) Thanh toán đầy đủ gốc, lãi và các khoản tiền khác liên quan đến Trái Phiếu theo Các Điều Kiện Trái Phiếu.
- (b) Thực hiện các thủ tục và công việc thuộc trách nhiệm của Tổ Chức Phát Hành để hoàn thành việc đăng ký, lưu ký và niêm yết Trái Phiếu theo quy định của pháp luật và theo Các Điều Kiện Trái Phiếu.
- (c) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và các Văn Kiện Trái Phiếu.

13. Đại diện người sở hữu trái phiếu

- (a) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu: Công ty cổ phần chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- (b) Trách nhiệm cơ bản của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp đồng số 49/BHA/BIDV-HSC ngày 22 tháng 09 năm 2021 với Tổ Chức Phát Hành.
- (i) Thực hiện mọi hành vi và công việc với mục đích tối thượng là bảo vệ quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- (ii) Ký kết và thực hiện bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu là một bên nhân danh và/hoặc vì lợi ích của những Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- (iii) Giám sát việc tuân thủ và/hoặc xử lý đối với các cam kết, nghĩa vụ, trách nhiệm và nhiệm vụ của Tổ Chức Phát Hành quy định trong các Văn Kiện Trái Phiếu; thông báo ngay cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu khi có bằng chứng rõ ràng về việc Tổ Chức Phát Hành vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ, trách nhiệm, nhiệm vụ nào theo bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào;
- (iv) Triệu tập và tổ chức Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu khi có yêu cầu hợp lệ của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ

Chức Phát Hành trong phạm vi các yêu cầu đó được đưa ra phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu; ký các quyết định/ng nghị quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao;

- (v) Làm trung gian liên lạc giữa Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và các tổ chức có liên quan khác; Nhận và nhanh chóng thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu về nội dung của mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc các thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc VSD yêu cầu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- (vi) Nhận và nhanh chóng thông báo hoặc chuyển tiếp cho các bên liên quan mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào gửi cho Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Khoản Trái Phiếu;
- (vii) Thông báo và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc VSD thực hiện các Quyết định/Nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi các Quyết định/Nghị quyết đó được đưa ra phù hợp với các Văn Khoản Trái Phiếu;
- (viii) Hỗ trợ Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các thủ tục cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại các Văn Khoản Trái Phiếu;
- (ix) Phối hợp với Tổ Chức Phát Hành để hỗ trợ, hướng dẫn Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các thủ tục đăng ký, lưu ký tập trung tại VSD và niêm yết Trái Phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật và các quy chế của VSD hoặc Sở giao dịch chứng khoán;
- (x) Trong trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD, hỗ trợ Người Sở Hữu làm việc với Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu trong việc tiếp nhận, thu hồi các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị rách, bị mờ, hết hiệu lực hoặc đã báo thất lạc mà được tìm thấy và cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu mới nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu có yêu cầu;
- (xi) Thực hiện các chức năng liên quan đến việc thanh toán gốc, lãi Trái Phiếu đối với các Trái Phiếu không lưu ký tại VSD;
- (xii) Các trách nhiệm khác theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện.

14. Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu

Trước khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại VSD, Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HSC”) là Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu cho Trái Phiếu để thực hiện các dịch vụ dưới đây:

14.1. Dịch vụ đăng ký Trái Phiếu

Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu được chỉ định thay mặt Tổ Chức Phát Hành thực hiện:

- (a) Lập và lưu giữ Sổ Đăng Ký ghi thông tin của những Người Sở Hữu Trái Phiếu, cấp cho mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại phần Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu;
- (b) Thực hiện thủ tục Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu, Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu và cập nhật việc Chuyển Quyền Sở Hữu này vào Sổ Đăng Ký;
- (c) Thực hiện cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị thất lạc, mất cắp, rách nát, hư hại hoặc phá hủy;
- (d) Vào Ngày Làm Việc thứ mười lăm (15) trước mỗi Ngày Thanh Toán Lãi, Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, hoặc Ngày Đáo Hạn, gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu thông báo về Ngày Chốt Danh Sách;
- (e) Duy trì và lưu giữ sổ sách ghi chép về các tài liệu mà Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu nhận được liên quan đến quá trình Chuyển Quyền Sở Hữu và các dịch vụ khác mà Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu cung cấp theo Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu;
- (f) Cung cấp bản sao Sổ Đăng Ký cập nhật về Người Sở Hữu Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành ngay khi có yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành và trợ giúp những yêu cầu hợp lý liên quan đến Sổ Đăng Ký những Người Sở Hữu Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành;
- (g) Xác nhận số lượng Trái Phiếu sở hữu và xác nhận phong tỏa, giải tỏa Trái Phiếu theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu phục vụ cho giao dịch hợp lý của Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- (h) Tùy thuộc quy định của luật pháp Việt Nam từng thời điểm, khấu trừ, giữ lại, kê khai và nộp thuế, phí và lệ phí tính trên giá trị giao dịch Chuyển Quyền Sở Hữu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

14.2. Dịch vụ thanh toán Trái Phiếu

Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu được chỉ định thay mặt Tổ Chức Phát Hành thực hiện:

- (a) Ít nhất ba mươi (30) ngày trước ngày đến hạn thanh toán tiền lãi hoặc tiền gốc của Trái Phiếu, thông báo cho Tổ Chức Phát Hành về ngày thanh toán đó;
- (b) Tiến hành thanh toán tiền lãi của Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu vào Ngày Thanh Toán Lãi phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- (c) Thanh toán tiền gốc của Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu vào Ngày Đến Hạn Gốc phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- (d) Tính toán, xác định tiền lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu phải trả cho Người Sở Hữu Trái Phiếu vào Ngày Thanh Toán Lãi hoặc Ngày Đến Hạn Gốc phù hợp với Các Điều Khoản của Trái Phiếu, và trong vòng hai (02) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Chốt Danh Sách cung cấp bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu, trong đó nêu rõ số tiền lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu đến hạn phải trả cho mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu và số tài khoản nhận tiền lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu đã đăng ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu đó; và
- (e) Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu chịu trách nhiệm trước mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu về

bất cứ tổn thất hoặc trách nhiệm nào phát sinh do lỗi của Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu dẫn đến khoản tiền gốc và/hoặc lãi Trái Phiếu không được thanh toán hoặc bị từ chối thanh toán theo quy định tại Điểm 7.1(b) và (c).

- (f) Thực hiện xác định lãi suất Trái Phiếu định kỳ theo quy định tại Điểm 7.2.

14.3. Thực hiện chức năng Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại VSD

Sau khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại VSD, Tổ Chức Phát Hành sẽ chấm dứt việc chỉ định Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu tại Điểm 14.1 và 14.2. Việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc tại Điểm 14.1 và 14.2 nêu trên sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và VSD.

Để làm rõ, các công việc được quy định tại Điểm 14.2 không được thực hiện bởi VSD thì sẽ được thực hiện bởi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và quy định cụ thể tại Hợp Đồng Đại Diện (với điều kiện các quy định tại Hợp Đồng Đại Diện không mâu thuẫn với quy định của pháp luật Việt Nam và VSD).

15. Việc Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn

- (a) Mua lại Trái Phiếu theo Quyền Mua Lại Trước Hạn của Tổ Chức Phát Hành vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại theo quy định tại Điểm 12.1(a).
- (b) Không ảnh hưởng tới Điểm 12.1(a), trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, Tổ Chức Phát Hành thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu vào bất cứ lúc nào bằng bất cứ phương thức nào và với bất cứ giá nào phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định có bán Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Phát Hành hay không. Việc chào mua Trái Phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu. Bất cứ Trái Phiếu nào do Tổ Chức Phát Hành mua lại sẽ không được tính vào tỷ lệ biểu quyết tại cuộc họp những Người Sở Hữu Trái Phiếu để quyết định những vấn đề liên quan đến các biện pháp xử lý đối với Tổ Chức Phát Hành.
- (c) Các trường hợp mua lại khác theo quy định của pháp luật.

16. Phương thức phân phối

Bán trực tiếp cho nhà đầu tư tại các chi nhánh/phòng giao dịch trên toàn quốc và trụ sở chính của Tổ Chức Phát Hành.

17. Đăng ký mua Trái Phiếu

- (a) **Đối tượng được đăng ký mua:** tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật.
- (b) **Thời hạn đăng ký mua Trái Phiếu:**
- (i) Sau khi Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng đối với các Trái Phiếu chào bán Đợt 1 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp có hiệu lực, Tổ Chức Phát Hành sẽ công bố thông tin về việc phát hành Trái Phiếu Đợt 1 ra công chúng (“**Thông Báo Phát Hành Đợt 1**”).

- (ii) Sau khi văn bản chấp thuận chào bán Trái Phiếu Đợt 2 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có hiệu lực, Tổ Chức Phát Hành sẽ công bố thông tin về việc phát hành Trái Phiếu Đợt 2 ra công chúng (“**Thông Báo Phát Hành Đợt 2**”).
- (iii) Thời gian dự kiến để các nhà đầu tư đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu mỗi đợt thực hiện theo quy định tại Điểm 18 và đảm bảo thời hạn đăng ký mua cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày công bố Thông Báo Phát Hành Đợt 1 hoặc Thông Báo Phát Hành Đợt 2.

(c) **Số lượng Trái Phiếu đăng ký mua tối thiểu:**

Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn	Số lượng Trái Phiếu đăng ký mua tối thiểu
BIDL2128002C và BIDL2128005C	07 năm	500 (năm trăm) Trái Phiếu, tương đương 50.000.000 (năm mươi triệu) Đồng Việt Nam theo mệnh giá. Để tránh nhầm lẫn, nhà đầu tư chỉ được mua số lượng Trái Phiếu chẵn đến hàng đơn vị và tối thiểu 500 (năm trăm) Trái Phiếu cho một lần đặt mua
BIDL2129003C và BIDL2129006C	08 năm	300 (ba trăm) Trái Phiếu, tương đương 30.000.000 (ba mươi triệu) Đồng Việt Nam theo mệnh giá. Để tránh nhầm lẫn, nhà đầu tư chỉ được mua số lượng Trái Phiếu chẵn đến hàng đơn vị và tối thiểu 300 (ba trăm) Trái Phiếu cho một lần đặt mua
BIDL2131004C và BIDL2131007C	10 năm	100 (một trăm) Trái Phiếu, tương đương 10.000.000 (mười triệu) Đồng Việt Nam theo mệnh giá. Để tránh nhầm lẫn, nhà đầu tư chỉ được mua số lượng Trái Phiếu chẵn đến hàng đơn vị và tối thiểu 100 (một trăm) Trái Phiếu cho một lần đặt mua

(d) **Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu**

- (i) Nhà đầu tư đăng ký mua Trái Phiếu tại các chi nhánh/phòng giao dịch trên toàn quốc và trụ sở chính của Tổ Chức Phát Hành.
- (ii) Nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu theo hướng dẫn đặt mua của Tổ Chức Phát Hành sau khi nhận được Thông Báo Phát Hành Đợt 1 và/hoặc Thông Báo Phát Hành Đợt 2. Tiền mua trái phiếu phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa cho đến khi hoàn tất đợt chào bán và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- (iii) Để tránh hiểu nhầm, trong mọi trường hợp, việc đăng ký mua Trái Phiếu chỉ được coi là hoàn thành khi tiền mua Trái Phiếu được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành nêu tại Điểm 19. Trong trường hợp nhà đầu tư đã đăng ký nhưng không hoàn thành việc thanh toán tiền mua trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định thì việc đăng ký coi như không còn giá trị.

(e) **Phương thức phân bổ Trái Phiếu**

Trái Phiếu sẽ được phân bổ cho các nhà đầu tư theo nguyên tắc công bằng, công khai.

Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua mỗi Đợt Phát Hành bằng hoặc nhỏ hơn số lượng Trái Phiếu được phép phát hành của đợt đó thì Tổ Chức Phát Hành sẽ phân phối cho mỗi nhà đầu tư số lượng Trái Phiếu bằng 100% số lượng Trái Phiếu mà nhà đầu tư đó đăng ký mua.

Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua mỗi Đợt Phát Hành vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép phát hành của đợt đó thì Tổ Chức Phát Hành phải phân phối hết số Trái Phiếu được phép phát hành cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư.

(f) ***Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu hoặc nộp thừa tiền mua Trái Phiếu***

Tổ Chức Phát hành sẽ thực hiện chuyển trả lại tiền cho nhà đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư đăng ký mua không đạt mức tối thiểu hoặc nộp thừa tiền mua Trái Phiếu, cụ thể:

Thời gian: Trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc mỗi đợt chào bán theo công bố của Tổ Chức Phát Hành.

Cách thức: Chuyển vào tài khoản ngân hàng của người đặt mua Trái Phiếu theo thông tin đã đăng ký hoặc nhận tiền mặt tại địa điểm mà nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua Trái Phiếu (chỉ đối với trường hợp không có tài khoản ngân hàng).

(g) ***Phương thức chuyển giao Trái Phiếu***

Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc mỗi đợt chào bán Trái Phiếu, nhà đầu tư sẽ nhận Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu tại địa điểm mà nhà đầu tư đã đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu của Đợt Phát Hành đó hoặc theo phương thức khác theo quy định tại Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu.

18. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu

Sau khi Giấy chứng nhận chào bán Trái Phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp có hiệu lực, Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện phân phối Trái Phiếu trong thời gian tối thiểu 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày Thông Báo Phát Hành.

Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu ra công chúng như sau:

18.1. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu Đợt 1

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng	T
2	Công bố thông tin về đợt chào bán Trái Phiếu Đợt 1 ra công chúng và bản Thông Báo Phát Hành Đợt 1	T1
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu Đợt 1	Từ T1 đến T1+20

STT	Nội dung công việc	Thời gian
	- Thời gian bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu Đợt 1	T1
	- Thời gian cuối cùng nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu Đợt 1	T1 + 20
5	Báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin về kết quả chào bán Trái Phiếu Đợt 1	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

Ghi chú:

- Ngày T1 là ngày Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về đợt chào bán Trái Phiếu Đợt 1 ra công chúng. T1 dao động từ ngày T đến ngày T+7 Ngày Làm Việc.
- Lịch trình phân phối Trái Phiếu Đợt 1 cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chính thức sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng và theo tình hình thực tế.

18.2. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu Đợt 2

Sau khi kết thúc Đợt 1 và trên cơ sở kế hoạch phát hành Đợt 2, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi văn bản thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kế hoạch phát hành và cập nhật các thông tin thay đổi của Tổ Chức Phát Hành ảnh hưởng đến quyết định mua Trái Phiếu của Nhà đầu tư so với Bản cáo bạch này (nếu có).

Trường hợp có thay đổi thông tin quan trọng ảnh hưởng đến quyết định mua Trái Phiếu của Nhà đầu tư, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi văn bản xin điều chỉnh thông tin với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin điều chỉnh trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành cho các Nhà đầu tư được biết.

Khoảng cách giữa Đợt 2 và Đợt 1 không quá 12 tháng và việc chào bán Trái Phiếu Đợt 2 chỉ được thực hiện sau khi (i) Tổ Chức Phát Hành nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tiếp tục chào bán Đợt 2 và (ii) công bố Thông Báo Phát Hành Đợt 2 ra công chúng.

Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu Đợt 2 như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp văn bản chấp thuận chào bán Trái Phiếu Đợt 2	T'
2	Công bố thông tin về đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng và bản Thông Báo Phát Hành Đợt 2	T2
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu	Từ T2 đến T2+20
	- Thời gian bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu Đợt 2	T2

STT	Nội dung công việc	Thời gian
	- Thời gian cuối cùng nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu Đợt 2	T2 + 20
5	Báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin về kết quả chào bán Trái Phiếu Đợt 2	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

Ghi chú:

- Ngày T2 là ngày Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về đợt chào bán Trái Phiếu Đợt 2 ra công chúng. T2 dao động từ ngày T' đến ngày T'+7 Ngày Làm Việc.
- Lịch trình phân phối Trái Phiếu Đợt 2 cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chính thức sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp văn bản chấp thuận chào bán Trái Phiếu Đợt 2.

19. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu

Tên chủ tài khoản: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Số tài khoản: 125.0000.87243

Tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm

20. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành

- Đối với quy định pháp luật áp dụng cho các tổ chức tín dụng về phê duyệt Phương án phát hành trái phiếu:

Thông tư 01/2021/TT-NHNN ngày 31/3/2021 quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, không quy định phương án phát hành trái phiếu trong năm tài chính của Ngân hàng thương mại phải có chấp thuận của NHNN.

- Đối với quy định phê duyệt Kế hoạch phát hành trái phiếu áp dụng với NHTM do nhà nước nắm cổ phần chi phối:

Theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 18 Quyết định số 2678/QĐ-NHNN ngày 30/12/2019 ban hành quy chế về người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính và doanh nghiệp do NHNN quản lý, đối với nội dung: “Kế hoạch phát hành trái phiếu trong năm tài chính của doanh nghiệp (nếu có), gồm phát hành trái phiếu tại thị trường trong nước và phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế” thì người đại diện phần vốn nhà nước phải báo cáo, xin ý kiến NHNN trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên. Do vậy, người đại diện phần vốn nhà nước tại BIDV đã thực hiện các thủ tục xin ý kiến NHNN đối với kế hoạch phát hành trái phiếu năm 2021 và đã nhận được ý kiến chấp thuận của NHNN tại văn bản số 3140/NHNN-TCKT ngày 06/5/2021.

Theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 18 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Khoản 3 Điều 20 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, và Điểm a Khoản 1 Điều 42 Điều lệ BIDV, thẩm quyền phê duyệt Phương án phát hành trái phiếu (không chuyển

đổi, không kèm chứng quyền) thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị BIDV. Căn cứ phê duyệt của NHNN tại văn bản số 3140/NHNN-TCKT ngày 06/5/2021, người đại diện vốn nhà nước tại BIDV đã biểu quyết thông qua Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của BIDV.

21. Các loại thuế có liên quan

21.1. Các loại thuế có liên quan

Phần trình bày về thuế này dựa trên các quy định hiện hành tại ngày phát hành Bản Cáo Bạch và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản Cáo Bạch. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư, một số nhà đầu tư (như người môi giới chứng khoán) phải tuân theo các quy định riêng.

(a) Thuế thu nhập cá nhân

Thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu của cá nhân được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC và sẽ được khấu trừ với mức thuế như sau:

- Thu nhập từ lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập đầu tư vốn. Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ đầu tư vốn là 5%.
- Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

(b) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của Pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai và nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai Thuế thu nhập Doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp Thuế thu nhập Doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC với mức thuế suất áp dụng như sau:

- Mức thuế suất áp dụng đối với tiền lãi từ Trái Phiếu là 5%;
- Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu là 0,1% trên tổng doanh thu chuyển nhượng Trái Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

(c) Thuế Giá trị Gia tăng

Theo các quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC, lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu thuộc đối tượng không chịu thuế Giá trị Gia tăng.

21.2. *Khấu trừ Thuế*

Các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán sau khi đã khấu trừ bất kỳ loại thuế, phí hoặc bất cứ loại lệ phí nào (“**Thuế**”) do bất kỳ cơ quan có thẩm quyền, hoặc bất kỳ cơ quan nào của Chính phủ Việt Nam có quyền ban hành hoặc áp dụng thuế.

Chi phí hành chính liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc VSD (tùy từng trường hợp áp dụng) ấn định khi Trái Phiếu được Chuyển Quyền Sở Hữu, theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ thị trường. Để làm rõ, khoản tiền mà Tổ Chức Phát Hành thanh toán theo Trái Phiếu sẽ là khoản tiền còn lại sau khi đã khấu trừ Thuế và Tổ Chức Phát Hành không phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào để bù đắp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

22. Thông tin về các cam kết

(a) *Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư*

- Tổ Chức Phát Hành đáp ứng đầy đủ các quy định của Pháp luật về điều kiện phát hành Trái Phiếu.
- Tổ Chức Phát Hành có đầy đủ quyền, quyền hạn, thẩm quyền và đã thực hiện các thủ tục và có các chấp thuận nội bộ cần thiết phù hợp với điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Tổ Chức Phát Hành để phát hành Trái Phiếu và thực hiện các nghĩa vụ theo Trái Phiếu.
- Tổ Chức Phát Hành cam kết thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi Trái Phiếu cho Những Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- Tổ Chức Phát Hành cam kết thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư liên quan đến Trái Phiếu.

(b) *Cam kết về thực hiện niêm yết Trái Phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội*

Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện các công việc để triển khai niêm yết Trái Phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc mỗi đợt chào bán Trái Phiếu. Kế hoạch cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Tổ Chức Phát Hành thực hiện nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định của pháp luật chứng khoán	Thực hiện đồng thời với việc nộp hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
2	Tổ Chức Phát Hành thực hiện đăng ký Trái Phiếu tại VSD	Sau khi Trái Phiếu phát hành, có xác nhận kết quả phát hành của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện
3	Tổ Chức Phát Hành hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết Trái Phiếu phát hành ra công chúng	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng và sau khi đăng ký Trái Phiếu tại VSD
4	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội có quyết định chấp thuận niêm yết Trái Phiếu	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành nộp đầy đủ và hợp lệ các hồ sơ đăng ký niêm yết đối với mỗi đợt chào bán Trái Phiếu
5	Tổ Chức Phát Hành đưa Trái Phiếu vào giao dịch	Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội có quyết định chấp thuận niêm yết Trái Phiếu mỗi đợt

23. Các Điều Khoản Khác

23.1. Hủy Bỏ

Tất cả Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành hoặc người được uỷ quyền của Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc hoàn trả vào Ngày Đáo Hạn hoặc mua lại trước hạn theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu sẽ được hủy bỏ ngay và sẽ không được phát hành lại hoặc bán lại.

Trong vòng năm (05) ngày trước Ngày Đến Hạn Gốc theo Các Điều Khoản Trái Phiếu, trường hợp theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu mà Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu vẫn đang lưu hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu phải nộp lại Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu (trường hợp chưa xảy ra sự kiện chậm dứt việc chỉ định Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu theo quy định tại Điều 14.3) hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (trường hợp đã xảy ra sự kiện chậm dứt việc chỉ định Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu). Để tránh nhầm lẫn, không phụ thuộc vào việc Người Sở Hữu Trái Phiếu nộp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (tùy từng trường hợp), Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tự động hết hiệu lực kể từ thời điểm Tổ Chức Phát Hành hoàn thành nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền gốc, lãi đến hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu.

23.2. Nghị quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu

- (a) Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc nhóm Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất 10% tổng mệnh giá Trái Phiếu chưa được thanh toán tại thời điểm đó triệu tập với thông báo bằng văn bản gửi trước ít nhất năm (05) Ngày Làm Việc (trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu thì phải gửi thông báo cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu để Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Phát Hành (tùy từng trường hợp áp dụng). Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được tổ chức dưới các hình thức phù hợp theo yêu cầu của người triệu tập, như hội nghị qua điện thoại, video, trao đổi qua thư điện tử...
- (b) Phụ thuộc vào Điều 23.2(c), số đại biểu cần thiết để cuộc họp được tiến hành là một hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện cho ít nhất 50% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang

lưu hành và chưa được thanh toán tại thời điểm đó, hoặc đối với bất kỳ cuộc họp nào được triệu tập lại thì số đại biểu cần thiết để tiến hành cuộc họp là một hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu với bất kỳ tỷ lệ Trái Phiếu theo mệnh giá nào mà họ nắm giữ hoặc đại diện.

- (c) Trong bất kỳ hội nghị nào có nội dung sửa đổi (i) Ngày Đáo Hạn hoặc bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi, (ii) giảm hoặc ngừng thanh toán khoản tiền gốc, hoặc (iii) thay đổi lãi suất phải trả liên quan đến Trái Phiếu, hoặc (iv) thay đổi loại tiền tệ thanh toán Trái Phiếu hoặc thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu đã quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu (“**Vấn Đề Loại Trừ**”), thì số đại biểu cần thiết để tiến hành họp là một người hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện ít nhất 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành và chưa được thanh toán tại thời điểm đó, hoặc bất kỳ cuộc họp nào được triệu tập lại thì số đại biểu để tiến hành họp là một người hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện ít nhất 50% theo tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành và chưa được thanh toán tại thời điểm triệu tập lại cuộc họp đó.
- (d) Nghị quyết được (những) Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự cuộc họp thông qua và biểu quyết tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu (dù họ có tham dự trực tiếp hội nghị hay không) với điều kiện là bất kỳ sự thay đổi nào về Vấn Đề Loại Trừ phải được sự chấp thuận của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành.
- (e) Không phụ thuộc vào các quy định tại Điểm 23.2 (a), (b), (c) và (d) nêu trên, Nghị quyết Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua tại một cuộc họp với sự tham dự của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành và chưa thanh toán tại thời điểm tiến hành Hội Nghị là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập Hội Nghị không đúng quy định.
- (f) Nghị quyết Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quyết định của những người có thẩm quyền triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu tại Điểm 23.2(a) và khi được thông qua sẽ có giá trị như Nghị quyết thông qua tại cuộc họp và có giá trị ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện (1) việc lấy ý kiến phải được gửi đến tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm chốt danh sách lấy ý kiến và (2) phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện cho ít nhất 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu thông qua (đối với Vấn Đề Loại Trừ, phải được tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu đang nắm giữ 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thông qua).
- (g) Để tránh hiểu nhầm, bất kỳ Nghị quyết nào được Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu thông qua theo quy định tại Điểm 23.2 này sẽ không có giá trị ràng buộc đối với Tổ Chức Phát Hành nếu không được chấp thuận bởi Tổ Chức Phát Hành (trừ các nghị quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua sau khi đã phát sinh Sự Kiện Vi Phạm sẽ có giá trị ràng buộc vô điều kiện với Tổ Chức Phát Hành).
- (h) Không phụ thuộc vào các quy định tại các Điểm 23.2 (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (g) nêu trên, trường hợp chỉ có một Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sở hữu 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thì không cần triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu. Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sẽ thỏa thuận thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Khoản Trái Phiếu bằng văn bản thỏa thuận giữa hai bên hoặc bằng bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời trực tiếp của bên được xin ý kiến về nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh,

bổ sung đó, và trong trường hợp này, văn bản thỏa thuận thống nhất giữa Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất và/hoặc bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời đồng ý/chấp thuận của bên được xin ý kiến sẽ có giá trị pháp lý như một Nghị quyết Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu đã được Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận thông qua. Đối với các nội dung để xử lý các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất có quyền thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Kiện Trái Phiếu mà không cần sự chấp thuận của Tổ Chức Phát Hành.

23.3. Thông báo

Mọi thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được coi là được gửi hợp lệ bằng cách công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bên gửi, hoặc chuyển tận tay, gửi qua fax, qua đường thư điện tử (trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức, những bản gốc thông báo, thư liên lạc phải được gửi trong thời hạn năm (05) Ngày Làm Việc sau đó), gửi bằng thư bảo đảm hoặc gửi qua dịch vụ chuyển phát của tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát đến địa chỉ tại Sở Đăng Ký tại thời điểm gửi thông báo.

23.4. Luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp

Các Điều Kiện Trái Phiếu sẽ được điều chỉnh và giải thích theo luật Việt Nam. Các tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Trái Phiếu và Các Điều Kiện Trái Phiếu, trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác và các bên cùng có lợi, trường hợp không tự thương lượng, hòa giải được thì mỗi bên có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết vụ việc.

24. Thông tin về các trái phiếu khác được chào bán cùng đợt

Ngoài Trái Phiếu được đăng ký chào bán theo Bản Cáo Bạch này, BIDV đang nộp hồ sơ xin cấp phép đăng ký chào bán một số trái phiếu với UBCKNN, thông tin cụ thể như sau:

Tên trái phiếu	Phương thức phát hành	Tổng mệnh giá trái phiếu đăng ký chào bán	Mệnh giá
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng theo phương thức bảo lãnh phát hành năm 2021	Phát hành ra công chúng theo phương thức bảo lãnh phát hành	1.200 tỷ đồng	100.000 VND/trái phiếu
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng theo phương thức đại lý phát hành năm 2021	Phát hành ra công chúng theo phương thức Đại lý phát hành	1.000 tỷ đồng	100.000 VND/trái phiếu

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Tổ Chức Phát Hành phát hành Trái Phiếu để tăng quy mô vốn hoạt động của ngân hàng, tạo thêm kênh thu hút vốn trung và dài hạn để đáp ứng nhu cầu đầu tư đa dạng của khách hàng, đảm bảo sự bền vững nguồn vốn của ngân hàng.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ chào bán trái phiếu

Số tiền thu được từ phát hành Trái Phiếu ra công chúng trong năm 2021 được Tổ Chức Phát Hành sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động cho Tổ Chức Phát Hành và thực hiện cho vay nền kinh tế đối với các ngành nghề dự kiến như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Tên ngành	Kế hoạch sử dụng vốn	Tiến độ sử dụng vốn
I	Đợt 1	5.000	
1	Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, sản xuất điện năng khác	2.500	Quý IV/2021 – Quý I/2022
2	Công nghiệp, thương mại công nghiệp	500	
3	Lĩnh vực khác	2.000	
II	Đợt 2	4.000	
1	Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, sản xuất điện năng khác	2.000	Quý IV/2021 – Quý II/2022
2	Công nghiệp, thương mại công nghiệp	500	
3	Lĩnh vực khác	1.500	
Tổng cộng		9.000	

Trường hợp Trái Phiếu chào bán Đợt 1 chưa được phân phối hết như kế hoạch chào bán dự kiến thì kế hoạch sử dụng vốn Trái Phiếu Đợt 1 sẽ được phân bổ lại theo từng ngành nghề tương ứng theo tỷ trọng khối lượng Trái Phiếu chào bán thành công/khối lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán ($Giá\ trị\ sử\ dụng\ vốn\ ngành\ i = Kế\ hoạch\ sử\ dụng\ vốn\ ngành\ i * Tổng\ khối\ lượng\ Trái\ Phiếu\ chào\ bán\ thành\ công\ Đợt\ 1 / Tổng\ khối\ lượng\ Trái\ Phiếu\ đăng\ ký\ chào\ bán\ Đợt\ 1$). Phần kế hoạch sử dụng vốn còn lại của Đợt 1 sau khi phân bổ lại sẽ được chuyển sang kế hoạch sử dụng vốn của Đợt 2, tương ứng theo từng ngành nghề.

2. Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán

(a) Kế hoạch trả lãi Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành thực hiện thanh toán lãi Trái Phiếu định kỳ một (01) năm một lần kể từ Ngày Phát Hành.

Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng lãi thu được từ các lĩnh vực mà Tổ Chức Phát Hành dự kiến giải ngân từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các chi phí, sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái Phiếu cho các nhà đầu tư

với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ.

(b) Kế hoạch trả nợ gốc Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành thực hiện thanh toán/hoàn trả gốc Trái Phiếu vào: (i) Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu, (ii) Ngày Đáo Hạn hoặc (iii) ngày đến hạn khác khi Tổ Chức Phát Hành thực hiện mua lại Trái Phiếu.

Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng nguồn tiền từ (i) nguồn thu nợ từ các dự án được tài trợ vốn từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu và (ii) nguồn vốn huy động khác, nguồn vốn tự tích lũy, lợi nhuận hoạt động kinh doanh và tiềm lực tài chính của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán gốc Trái Phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái Phiếu.

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 62883568 Fax: (84.24) 62885678

ĐẠI LÝ ĐĂNG KÝ TRÁI PHIẾU

Tên công ty : Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Trụ sở chính : Lầu 5&6, tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.28) 3823 3299/(84.28) 3829 3826 Fax: (84.28) 3823 3301

ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

Tên công ty : Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở chính : Lầu 5&6 Tòa nhà AB Tower, số 76 Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.28) 38233299 Fax: (84.28) 238233301

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Tên công ty : Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Trụ sở chính : Lầu 5&6, tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.28) 3823 3299/(84.28) 3829 3826 Fax: (84.28) 3823 3301

Website : www.hsc.com.vn

Ý kiến của Tổ Chức Tư Vấn về đợt chào bán

Trên cơ sở những thông tin về đợt chào bán và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành đã được HĐQT BIDV thông qua, và những nhận

định về tình hình thị trường kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng, với tư cách là Tổ Chức Tư Vấn cho đợt phát hành Trái Phiếu, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nhận định kế hoạch chào bán Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành là hợp lý và khả thi, với giả định không có những biến động bất thường và bất khả kháng nằm ngoài tầm kiểm soát của Tổ Chức Phát Hành làm ảnh hưởng đến đợt chào bán.

Tổ Chức Tư Vấn cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét của Tổ Chức Tư Vấn được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên kinh nghiệm thực tế và các thông tin thu thập có chọn lọc mà không hàm ý đảm bảo giá trị của các Trái Phiếu. Ý kiến này chỉ mang tính chất tham khảo.

Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán

Không có.

X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

XI. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà nội cấp lần đầu ngày 03/04/1993, cấp thay đổi lần thứ 25 ngày 20/02/2020.
- 2. Phụ lục II:** Nghị quyết 370/NQ-BIDV ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng quản trị BIDV thông qua Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng theo phương thức trực tiếp phát hành thông qua các Chi nhánh/phòng giao dịch/trụ sở chính BIDV trong năm 2021.
- 3. Phụ lục III:** Nghị quyết số 842/NQ-BIDV ngày 22/09/2021 của Hội đồng quản trị BIDV về việc thông qua một số nội dung sửa đổi bổ sung tại phương án phát hành và cam kết về việc niêm yết trái phiếu BIDV ra công chúng theo phương thức trực tiếp phát hành thông qua các Chi nhánh/phòng giao dịch/trụ sở chính BIDV trong năm 2021.
- 4. Phụ lục IV:** Nghị quyết số 845/NQ-BIDV ngày 22/09/2021 của Hội đồng quản trị BIDV về việc thông qua việc điều chỉnh hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu BIDV ra công chúng theo phương thức trực tiếp phát hành thông qua các Chi nhánh/phòng giao dịch/trụ sở chính BIDV trong năm 2021.
- 5. Phụ lục V:** Điều lệ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 6. Phụ lục VI:** Báo cáo tài chính năm 2019, 2020 đã được kiểm toán (riêng và hợp nhất) và Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét (riêng và hợp nhất).
- 7. Phụ lục VII:** Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác.
- 8. Phụ lục VIII:** Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu giữa Tổ chức phát hành với Đại diện người sở hữu trái phiếu.

Bản Cáo Bạch này được ban hành ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đại diện Tổ Chức Phát Hành
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM



PHAN ĐỨC TÚ
Chủ tịch HĐQT

TẠ THỊ HẠNH
Kế toán trưởng

LÊ NGỌC LÂM
Tổng Giám đốc

Đại diện Tổ Chức Tư Vấn
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Phạm Ngọc Bích
PHẠM NGỌC BÍCH
Giám đốc điều hành